Chính trị thường thức

abc

TỪ ĐIỂN CHÍNH TRỊ BỎ TÚI

TỪ ĐIỂN CHÍNH TRỊ BỎ TÚI

Nhà xuất bản Thông tấn xã Nô-vô-xti
Mát-xcơ-va — 1983

Cuốn từ điển này giải thích trên quan điểm Mác-Lê-nin gần 200 thuật ngữ và khái niệm chính trị thường gặp khi nghe phát thanh, xem vô tuyến truyền hình, đọc sách báo kinh tế-xã hội và chính trị. Những từ có nhiều nghĩa thường chỉ lấy nghĩa chính trị chung. Những thuật ngữ và khái niệm cắt nghĩa trong từ điển bỏ túi này sắp chữ đậm. Vì số lượng từ quá ít, cho nên khi dịch và sắp đặt theo bảng chữ cái tiếng Việt, một số chữ cái bị thiếu, mong bạn đọc thứ lỗi.

Bô-rít Pu-tơ-rin biên soạn.
Nguyễn Anh Hùng dịch.

КРАТКИЙ СЛОВАРЬ ПОЛИТИЧЕСКИХ ТЕРМИНОВ
на вьетнамском языке
Цена 35 коп.

0201000000

© Nhà xuất bản Thông tấn xã Nô-vô-xti, 1983
Biên tập xong ngày 28.1.1983

B

BÀI XÔ (CHỦ NGHĨA)—xem CHỐNG LIÊN XÔ (CHỦ NGHĨA).

BÀNH TRƯỚNG—mở rộng (biên giới, ảnh hưởng, quyền hạn, v.v.). Từ vựng này được dùng thông thường để xác định chính sách của một nước muốn mở rộng ảnh hưởng của mình sang các nước khác bằng các phương pháp ngoại giao, kinh tế và quân sự. Chính sách đối ngoại của đế quốc Mỹ, chính sách của I-xra-en đối với các nước láng giềng A-rập, chính sách của các chế độ phân biệt chủng tộc chống các nước độc lập ở châu Phi là những thí dụ về bành trướng.

BÀNH TRƯỚNG DO THÁI—từ thông dùng ngày nay là chủ nghĩa xi-ôn. Xem XI-ÔN (CHỦ NGHĨA).

BIỆN CHỨNG (PHÉP)—học thuyết về sự phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Phép biện chứng xem xét các đối tượng và hiện tượng một cách toàn

diện, trong những mâu thuẫn, những quan hệ qua lại của chúng, trong những điều kiện lịch sử cụ thể và mối liên hệ với thực tiễn xã hội.

BÓC LỘT—sử dụng lao động của người khác để làm giàu bản thân mình. Bóc lột tư bản chủ nghĩa là sự chiếm đoạt của chủ **tư liệu sản xuất** đối với những kết quả lao động của người làm thuê. **Sở hữu tư nhân** đối với công cụ và tư liệu sản xuất là cơ sở của chế độ bóc lột.

BỌN QUỐC GIA-XÃ HỘI (QUỐC XÃ)—các đảng viên đảng phát xít «công nhân quốc gia-xã hội» Đức. Đảng này thể hiện lợi ích của các giới phản động và xâm lược nhất trong **giai cấp tư sản** lũng đoạn Đức. Những tổ chức quốc xã đầu tiên xuất hiện năm 1919. Đặc điểm của đảng này là phản dân chủ, **chống cộng** điên cuồng, theo **chủ nghĩa sô-vanh** và **phân biệt chủng tộc,** ra sức mị dân (tên gọi của đảng là một trong những biểu hiện đó). Năm 1933, đảng quốc xã do Hít-le cầm đầu ở Đức đã thiết lập **chuyên chính** phát xít dẫn tới chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) kết thúc bằng sự thất bại hoàn toàn của nước Đức phát xít. Đảng quốc xã bị giải tán, nhưng sau đó nhiều đảng viên quốc xã cũ lại gia nhập các tổ chức cực hữu kiểu phát xít thành lập ở Tây Đức.

BÔN-SÊ-VÍCH (CHỦ NGHĨA)—trào lưu cách mạng mác-xít triệt để trong phong trào công nhân Nga hình thành năm 1903. Khái niệm về chủ nghĩa bôn-sê-vích xuất hiện trong cuộc bầu các cơ quan

lãnh đạo của Đảng Công nhân Dân chủ-xã hội Nga tại Đại hội lần thứ 2 (năm 1903). Trong Đại hội này, những người ủng hộ V. I. Lê-nin, tức là những người mác-xít cách mạng triệt để, chiếm số đông (bôn-sê-vích), còn bọn cơ hội chiếm số ít (men-sê-vích).

C

CÁ NHÂN (CHỦ NGHĨA)—loại **thế giới quan,** mà thực chất của nó là sự tuyệt đối hóa lập trường của một cá nhân riêng, là sự đối lập cá nhân với xã hội. Trong thực tế, cá nhân chỉ có thể phát triển toàn diện cùng với tập thể, trong quá trình liên hệ tích cực với đời sống xã hội. Những khía cạnh của chủ nghĩa cá nhân như hám lợi, ích kỷ, kiêu ngạo, đối lập với tập thể gây trở ngại cho cuộc đấu tranh của các lực lượng tiến bộ để cải tạo xã hội. Vì vậy những khía cạnh này được các thế lực phản động lợi dụng để đánh lạc hướng quần chúng nhân dân khỏi cuộc **đấu tranh giai cấp.**

CÁC GIAI CẤP TRONG XÃ HỘI—xem GIAI CẤP

CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN—các nước Á, Phi, Mỹ la tinh và châu Đại dương, mà phần đông trước đây là thuộc địa và nửa thuộc địa của các nước đế quốc. Trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, các nước đang phát triển đã giành được chủ quyền chính trị, nhưng lọt vào quỹ đạo của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới, các nước này vẫn là những

«bạn hàng» lép về của các nước tư bản phát triển cao. Các nước đang phát triển bao gồm cả các nước có chủ quyền từ hơn 150 năm nay (châu Mỹ la tinh), lẫn các nước giành được độc lập chính trị sau chiến tranh thế giới thứ hai do kết quả hệ thống thuộc địa của **chủ nghĩa đế quốc** tan rã. Một số nước đang phát triển đi theo con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, số khác có **xu hướng xã hội chủ nghĩa.** Được sự ủng hộ của các nước **xã hội chủ nghĩa,** nhân dân các nước đang phát triển đấu tranh vì chủ quyền dân tộc hoàn toàn. Ngày nay, vai trò và ảnh hưởng của các nước này trên trường quốc tế đang tăng thêm. Các nước này ngày càng đóng góp nhiều vào **việc làm dịu tình hình,** củng cố hòa bình, thiết lập những nguyên tắc bình đẳng trong quan hệ chính trị và kinh tế giữa các nước.

CÁCH MẠNG—1) biến chuyển sâu sắc về mặt xã hội giải quyết những mâu thuẫn giữa **lực lượng sản xuất** đã lớn mạnh và **quan hệ sản xuất** lỗi thời, làm thay đổi tận gốc rễ chế độ xã hội và đưa **giai cấp xã hội** mới, tiên tiến lên nắm chính quyền; 2) việc chuyển từ trạng thái chất lượng này sang trạng thái chất lượng khác, những biến đổi sâu sắc trong lĩnh vực, phạm vi nào đó (ví dụ, **cách mạng văn hóa, cách mạng khoa học-kỹ thuật).**

CÁCH MẠNG DÂN CHỦ NHÂN DÂN—những cuộc cách mạng dân chủ, chống đế quốc và phong kiến xuất hiện trong thời kỳ cuối chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) và sau cuộc chiến tranh này ở hàng

loạt nước châu Âu và châu Á, mở đầu những cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các nước này. Trong cuộc cách mạng dân chủ nhân dân, đã thủ tiêu ách thống trị của **chủ nghĩa phát-xít,** tiến hành trấn áp bọn tội phạm chiến tranh, quốc hữu hóa tài sản riêng của chúng, thực hiện cải cách ruộng đất, thiết lập chính quyền nhân dân dưới hình thức Nhà nước **dân chủ nhân dân.** Ở đây, liên minh công nông được củng cố, ảnh hưởng của các đảng mác-xít lê-nin-nít tăng lên. Nhưng giai cấp tư sản dân tộc đã ngoan cố duy trì quyền lợi giai cấp của mình. Do đó, trong quá trình phát triển kế tiếp, cách mạng dân chủ nhân dân phát triển thành **cách mạng xã hội chủ nghĩa,** các lực lượng giai cấp đã được phân bố lại, **tư liệu sản xuất** được **quốc hữu hóa,** ảnh hưởng của các **công ty lũng đoạn** nước ngoài bị thủ tiêu và quá trình dân chủ hóa trong nước được đẩy mạnh. Việc củng cố các vị trí của giai cấp công nhân và đồng minh của giai cấp đó, tăng cường ảnh hưởng của các đảng mác-xít lê-nin-nít, cô lập giai cấp tư sản đã giúp thiết lập nền chuyên chính vô sản dưới hình thức Nhà nước dân chủ nhân dân, và như vậy có nghĩa là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa giành được thắng lợi.

CÁCH MẠNG DÂN CHỦ TƯ SẢN—kiểu **cách mạng** tư sản có đông đảo quần chúng nhân dân tham gia và đề xuất những yêu sách riêng của mình.

CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC—cuộc **cách mạng** lớn lên từ phong trào giải phóng dân tộc nhằm thủ tiêu ách thống trị của nước ngoài và giành

độc lập dân tộc, thủ tiêu ách áp bức thực dân và nạn bóc lột, thực hiện **quyền dân tộc tự quyết,** xây dựng **Nhà nước** dân tộc.

Trong điều kiện tồn tại hai hệ thống thế giới (tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa), do thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho **chủ nghĩa xã hội,** các dân tộc bị nô dịch giành độc lập cả bằng con đường đấu tranh vũ trang (ví dụ, In-đô-nê-xi-a, An-giê-ri), lẫn bằng con đường hòa bình (ví dụ, Ấn Độ, Lào, Xri-lan-ca, phần đông các nước châu Phi). Động lực chính của cách mạng giải phóng dân tộc ngày nay là **giai cấp công nhân** và **nông dân. Tiểu tư sản** thành thị, **trí thức** yêu nước, quân đội cũng đóng vai trò tích cực và quan trọng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi và Mỹ la tinh. **Tư sản** dân tộc cũng tham gia cách mạng giải phóng dân tộc, nhưng vì lợi ích hẹp hòi thường sẵn sàng thỏa hiệp với đế quốc.

Cùng với việc thành lập Nhà nước dân tộc, các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đã bước vào giai đoạn mới, giai đoạn đấu tranh giành độc lập kinh tế.

CÁCH MẠNG KHOA HỌC - KỸ THUẬT—sự cải tổ sâu sắc về chất lượng các lực lượng sản xuất trên cơ sở biến khoa học thành nhân tố chủ chốt của nền sản xuất xã hội. Những nét quan trọng nhất của cách mạng khoa học-kỹ thuật là: phát hiện và sử dụng những loại năng lượng mới và nguồn năng lượng mới (ví dụ, năng lượng nguyên tử, hạt nhân nóng), tự động hóa sản xuất, sử dụng rộng rãi máy tính điện tử, ứng dụng các phương pháp vật lý và hóa học trong quy trình công nghệ, đưa khoa học vào

thế giới vi mô (vào cấu trúc các hạt cơ bản của vật chất) và vào thế giới vĩ mô (vào vũ trụ), biến khoa học thành **lực lượng sản xuất** trực tiếp.

Cách mạng khoa học-kỹ thuật trong **chủ nghĩa tư bản** và trong **chủ nghĩa xã hội** đem lại kết quả khác nhau. Trong chủ nghĩa tư bản, cách mạng khoa học - kỹ thuật được sử dụng vào việc phục vụ những mục đích quân sự, là nguồn tăng thêm lợi nhuận cho các nhóm tư bản lũng đoạn, làm tăng số người thất nghiệp. Thành tựu của cách mạng khoa học-kỹ thuật kết hợp với những **ưu việt của chủ nghĩa xã hội (chế độ sở hữu xã hội** đối với **tư liệu sản xuất,** tổ chức nền kinh tế theo kế hoạch, v. v.) góp phần nâng cao không ngừng và nhanh chóng **mức sống** của nhân dân.

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI—xem CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI.

CÁCH MẠNG TƯ SẢN—cuộc **cách mạng xã hội** có nhiệm vụ chủ yếu là xóa bỏ chế độ phong kiến (hoặc các tàn tích của chế độ phong kiến) và thiết lập sự thống trị kinh tế và chính trị của **giai cấp tư sản.** Trong các nước phụ thuộc và thuộc địa, cách mạng tư sản cũng giương lá cờ độc lập dân tộc.

CÁCH MẠNG VĂN HÓA—việc quần chúng nhân dân có **hệ tư tưởng** và nền văn hóa tiên tiến, việc xây dựng nền văn hóa mới trên cơ sở tiếp thu và xử lý có phê phán di sản tinh thần của quá khứ cũng như mọi giá trị của nền văn hóa thế giới. Cách

mạng văn hóa là một bộ phận cấu thành của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhiệm vụ và hình thức của cuộc cách mạng này tùy thuộc vào trình độ văn hóa đã hình thành trong nước. Nước có trình độ văn hóa thấp muốn tiến hành các cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa thì phải xây dựng mạng lưới giáo dục nhân dân rộng rãi bảo đảm thanh toán nạn mù chữ, giảng dạy bằng tiếng mẹ đẻ ở cấp phổ thông lẫn cấp đại học, bảo đảm quyền học tập của phụ nữ ngang hàng với đàn ông, đẩy mạnh khoa học và văn hóa, giáo dục nhân dân lao động tinh thần xã hội chủ nghĩa. Bộ phận ưu tú của lớp **trí thức** cũ chuyển sang phục vụ **chủ nghĩa xã hội,** lớp trí thức mới xuất thân từ công nhân và nông dân xuất hiện.

Cách mạng văn hóa chân chính hoàn toàn xa lạ với việc khơi sâu tinh thần dân tộc hẹp hòi, phủ nhận kinh nghiệm và hủy bỏ những di tích của nền văn hóa thế giới, thù địch với trí thức, sử dụng các biện pháp bạo lực để tiến hành cách mạng văn hóa.

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA—loại **cách mạng** xã hội cao nhất chuyển xã hội từ hình thái tư bản chủ nghĩa sang hình thái xã hội chủ nghĩa. Động lực chính và lực lượng nắm quyền bá chủ trong cách mạng xã hội chủ nghĩa là **giai cấp công nhân** được đảng mác-xít lê-nin-nít lãnh đạo. Những đặc điểm cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong mọi nước là: chính quyền của giai cấp công nhân liên minh với **nông dân, trí thức** tiến bộ và tất cả các tầng lớp tiên tiến trong xã hội; dùng chính quyền này để xóa bỏ sự thống trị về kinh

tế-xã hội của bọn tư bản và các giai cấp bóc lột khác; vai trò tổ chức của giai cấp công nhân và đội tiên phong của giai cấp đó nhằm đoàn kết nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh xây dựng **chủ nghĩa xã hội**; khả năng chính quyền của nhân dân lao động bảo vệ được cách mạng trước những cuộc tấn công không tránh khỏi của kẻ thù giai cấp.

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI—cuộc **cách mạng xã hội chủ nghĩa** thắng lợi lần đầu tiên trong lịch sử loài người, do công nhân Nga liên minh với nông dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản hoàn thành năm 1917. Cuộc khởi nghĩa vũ trang ngày 25 tháng Mười (7 tháng 11, theo lịch mới) năm 1917 đã lật đổ chính quyền **tư sản** và địa chủ, thiết lập **chuyên chính vô sản** dưới hình thức chính quyền Xô-viết. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại đã mở đầu thời đại cải tạo thế giới bằng cách mạng, thời đại quá độ của loài người từ **chủ nghĩa tư bản** lên **chủ nghĩa xã hội** và **chủ nghĩa cộng sản,** mở đầu cuộc **tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản.**

CẢI LƯƠNG (CHỦ NGHĨA)—trào lưu chính trị trong nội bộ phong trào công nhân. Phái cải lương chủ trương tiến hành các cuộc cải cách nhỏ trong khuôn khổ nền **dân chủ** tư sản, không động chạm đến cơ sở kinh tế và xã hội của **chủ nghĩa tư bản** để biến Nhà nước tư sản thành «Nhà nước thịnh vượng», biến chủ nghĩa tư bản thành xã hội «phồn vinh chung». Đối lập lại **chủ nghĩa cộng sản khoa học,** bọn cải lương hiện

đại nêu **«chủ nghĩa xã hội dân chủ»** làm học thuyết chính thức bác bỏ sự cần thiết phải tiến hành **đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa** và giành chính quyền về tay nhân dân lao động, chủ trương thỏa hiệp giai cấp, tức là hợp tác giữa các giai cấp bóc lột và bị bóc lột. Các chính đảng cải lương chủ nghĩa đã đóng vai trò nhất định trong cuộc đấu tranh đòi cải thiện điều kiện sống của những người lao động. Phê phán hệ tư tưởng cải lương chủ nghĩa thiếu kiên quyết trong hoạt động chính trị, những người cộng sản chủ trương thống nhất với các đảng dân chủ-xã hội trong cuộc đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ xã hội.

CAN THIỆP—sự can thiệp cưỡng bức của một hay một số nước vào công việc nội bộ của nước khác. Can thiệp được tiến hành bằng các phương tiện kinh tế, chính trị và quân sự. Ví dụ, cuộc can thiệp bằng quân sự của Mỹ vào giữa những năm 60 chống nhân dân Việt Nam (kết thúc bằng thất bại của bọn can thiệp).

CÁN BỘ DÂN TỘC—đại diện của các dân tộc trong nước được đào tạo chuyên môn và gửi tới những khâu công tác quan trọng trong các tổ chức kinh tế, Nhà nước và xã hội. **Các nước đang phát triển** đặc biệt chú trọng tới việc hình thành đội ngũ cán bộ dân tộc, bởi vì những cán bộ này được giao nhiệm vụ dẫn đầu cuộc đấu tranh cho nền độc lập kinh tế thật sự của các nước trẻ tuổi đã thoát khỏi ách thực dân.

CÁNH TẢ—1) những nhóm và những người làm chính trị tiến bộ, có tinh thần cách mạng, kiên

quyết hơn những người khác. Tên gọi này xuất phát từ chỗ ngồi của nghị sĩ các đảng cấp tiến và cách mạng trong nghị viện ở các hàng ghế bên trái, tức là phía tay trái của người chủ tọa cuộc họp; 2) những phần tử cơ hội chủ nghĩa che đậy quan điểm của mình bằng những câu nói cách mạng.

CẢNH GIÁC CÁCH MẠNG—nhận rõ mặt kẻ thù giai cấp và đối phó lại, khả năng định hướng đúng trong cuộc **đấu tranh giai cấp** gay gắt giữa **chủ nghĩa tư bản** và **chủ nghĩa xã hội.**

CẠNH TRANH—đặc điểm của hoạt động sản xuất hàng hóa dựa trên chế độ **sở hữu tư nhân** nhằm tranh giành những điều kiện sản xuất và tiêu thụ hàng hóa có lợi, thu lợi nhuận cao nhất. Trong **chủ nghĩa tư bản,** cạnh tranh phát triển tới mức độ cao nhất. Trong thời đại **đế quốc chủ nghĩa,** cạnh tranh «tự do» giữa các nhà kinh doanh riêng được thay thế bằng những hình thức mới: cạnh tranh giữa các **công ty lũng đoạn,** giữa các công ty lũng đoạn và các tập đoàn ngoài các công ty này, giữa các nhóm tư bản trong các công ty lũng đoạn, giữa các nước đế quốc. Ở đây, cạnh tranh được tiến hành bằng các thủ đoạn khác nhau, từ mua chuộc những người có chức vụ đến việc tổ chức do thám kinh tế và hoạt động phá hoại trong các xí nghiệp cạnh tranh.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa dựa trên **sở hữu xã hội** đối với **tư liệu sản xuất** không có hiện tượng cạnh tranh. Trái ngược hẳn với cạnh tranh tư bản, phong trào

thi đua xã hội chủ nghĩa làm xuất hiện quan hệ hợp tác trên tình đồng chí và tương trợ anh em.

CHẠY ĐUA VŨ TRANG—hoạt động tăng cường sản xuất vũ khí của giới xâm lược trong các nước đế quốc. Chạy đua vũ trang đem lại lợi nhuận lớn cho bọn cầm đầu **tổ hợp công nghiệp - quân sự,** đồng thời trút gánh nặng thuế khóa lên đầu nhân dân lao động. Ví dụ, thượng nghị viện Mỹ đã tán thành dự luật về ngân sách quân sự trong năm tài chính 1981, theo đó một khoản tiền lớn chưa từng thấy trong lịch sử nước Mỹ—199,7 tỷ đô-la được dành cho cuộc chạy đua vũ trang. Chương trình chạy đua vũ trang khổng lồ của chính quyền Ri-gân trong 5 năm tới sẽ tốn kém cho người Mỹ 1,5 nghìn tỷ đô-la. Chương trình này nhằm mục đích chiếm ưu thế quân sự so với Liên Xô.

«CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG»—thuật ngữ này được dùng phổ biến trong sách báo **tuyên truyền,** xã hội học, **triết học, kinh tế chính trị học** tư sản khi đề cập tới điều kiện lao động và sinh hoạt trong xã hội hiện đại và tương lai.

Lợi dụng việc nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa mong muốn cải thiện địa vị của mình trong xã hội và đạt tới **mức sống** mới về chất lượng, các tư tưởng gia tư sản định đóng khung cuộc đấu tranh nhằm nâng cao «chất lượng đời sống» trong việc thực hiện những cải cách không vượt ra ngoài khuôn khổ chế độ tư bản chủ nghĩa. Họ tán dương việc cải thiện hệ thống giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường xung quanh và tài nguyên thiên nhiên, công nhận phẩm chất và

giá trị của con người. Nhưng việc thực hiện những khẩu hiệu nhân đạo này vấp phải những quyền lợi ích kỷ của giới tư bản **lũng đoạn** lớn, chúng không quan tâm tới việc cải thiện đời sống của người lao động, mà chỉ tìm cách thu lợi nhuận ngày càng nhiều.

Trong sách báo mác-xít có khái niệm **«lối sống»** bao hàm cả khía cạnh số lượng lẫn chất lượng. Nếu khía cạnh số lượng được xác định bằng những chỉ tiêu về đời sống vật chất của con người, thì khía cạnh chất lượng được đo bằng mức độ tự do của xã hội và các điều kiện phát triển cá nhân. Chính **chủ nghĩa xã hội** giải phóng con người khỏi sự **bóc lột** kinh tế, áp bức chính trị, dân tộc, chủng tộc và mọi sự áp bức khác. **Chủ nghĩa cộng sản** sẽ tạo những khả năng lớn hơn nữa cho sự phát triển của mỗi người.

CHẾ ĐỘ CHIẾM HỮU NÔ LỆ—hình thái lịch sử đầu tiên của xã hội có giai cấp dựa trên **sở hữu** của chủ nô lệ đối với **tư liệu sản xuất** và nô lệ. Chế độ này xuất hiện do kết quả tan rã **chế độ công xã nguyên thủy,** đến trước **chế độ phong kiến.**

CHẾ ĐỘ CÔNG XÃ NGUYÊN THỦY—**hình thái kinh tế-xã hội** đầu tiên trong lịch sử loài người. Trong công xã nguyên thủy, các công cụ lao động thô sơ là sở hữu chung của mọi người, xã hội không chia thành **giai cấp,** không có nạn người bóc lột người. Nhưng trong chế độ công xã nguyên thủy, trình độ phát triển của **lực lượng sản xuất** rất thấp. **Chế độ chiếm hữu nô lệ** đã đến thay thế chế độ công xã nguyên thủy.

CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN—chế độ xã hội thay thế **chế độ chiếm hữu nô lệ** và đến trước **chủ nghĩa tư bản.** Cơ sở của chế độ phong kiến là **sở hữu** của bọn phong kiến đối với đất đai và một phần dân cư sống trên đất đai đó. Trong chế độ phong kiến, nông dân và thợ thủ công thành phố có **tư liệu sản xuất** riêng, dụng cụ làm nông nghiệp và nghề thủ công, gia súc kéo và cung cấp thịt, nhà ở và các công trình phục vụ sản xuất. Sản xuất trong chế độ phong kiến được tiến hành dưới dạng kinh tế tạp dịch hoặc kinh tế nộp tô. Trong kinh tế tạp dịch, lãnh địa của bọn phong kiến được chia thành đất của quý tộc và đất của nông dân. Người nông dân từ 3 tới 6 ngày một tuần phải mang dụng cụ của mình đến làm việc trên đất của quý tộc, và bọn phong kiến hưởng thụ mọi sản phẩm thu được ở đây. Trên mảnh đất dành cho mình, người nông dân làm việc để nuôi thân vào những ngày còn lại và ban đêm. Trong kinh tế nộp tô, bọn phong kiến giao toàn bộ ruộng đất cho nông dân thuê (ở thành thị thì cho thợ thủ công thuê). Nông dân và thợ thủ công phải nộp cho chúng phần lớn sản phẩm làm ra (bằng hiện vật hoặc bằng tiền). Sự phát triển của **lực lượng sản xuất** đã khách quan dẫn tới sự thay thế **quan hệ sản xuất** phong kiến bằng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

CHIẾN TRANH—cuộc đấu tranh vũ trang giữa các nước hay giữa các giai cấp xã hội (nội chiến). Có chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa. Chiến tranh chính nghĩa là chiến tranh chống **xâm lược,** giải phóng khỏi **ách bóc lột.** Ví dụ, đấu tranh vũ trang

của các dân tộc chống bọn phát-xít xâm lược trong những năm chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), chiến tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam. Chiến tranh phi nghĩa nhằm mục đích củng cố ách thống trị của các giai cấp bóc lột và làm giầu cho các giai cấp đó bằng cách nô dịch các nước và dân tộc khác.

«CHIẾN TRANH LẠNH»—đường lối chính trị của các giới phản động trong các nước đế quốc chủ nghĩa sau chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) trong quan hệ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Những biểu hiện chủ yếu của «chiến tranh lạnh» là chối từ những nguyên tắc **cùng tồn tại hòa bình giữa các nước** có chế độ xã hội khác nhau, gây tình hình quốc tế cực kỳ căng thẳng, thành lập các khối quân sự xâm lược chống Liên Xô; **chạy đua vũ trang;** mở rộng các căn cứ quân sự trên lãnh thổ nước ngoài; đe dọa bằng chiến tranh có sử dụng vũ khí giết người hàng loạt; phá rối các quan hệ kinh tế thế giới; mưu toan dùng thủ đoạn dọa dẫm và áp đặt trong quan hệ quốc tế. Dưới tác dụng của những biến đổi tương quan lực lượng chính trị trên trường quốc tế có lợi cho **chủ nghĩa xã hội,** giới cầm quyền các nước đế quốc buộc phải công nhận sự vô dụng của chính sách «chiến tranh lạnh» và trong những năm 70 đã ký một số hiệp định theo sáng kiến của Liên Xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Những hiệp định này đánh dấu bước ngoặt từ «chiến tranh lạnh» sang việc **làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng.** Liên Xô và tất cả các nước trong cộng đồng xã hội

2-1622

chủ nghĩa, cũng như các lực lượng hòa bình ngày càng lớn mạnh ở các nước khác đang ra sức đấu tranh nhằm tiếp tục làm dịu tình hình hơn nữa, bất chấp âm mưu của bọn phản động muốn tái tạo bầu không khí «chiến tranh lạnh».

CHIẾN TRANH NGĂN ĐE—chiến tranh dường như nhằm ngăn ngừa sự **xâm lược** của đối phương, nhưng thực tế là một hình thức xâm lược. Các giới đế quốc phản động nhất tung ra lý thuyết «chiến tranh ngăn đe» để chống các nước xã hội chủ nghĩa.

CHÍNH ĐẢNG—xem ĐẢNG.

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI—chính sách điều hòa quan hệ của nước này với nước khác hoặc các dân tộc khác trên trường quốc tế. Chính sách đối ngoại phản ánh tính chất quan hệ của giai cấp thống trị. Ví dụ, chính sách đối ngoại của các nước đế quốc nhằm chống lại nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, đàn áp phong trào cộng sản và công nhân cũng như phong trào giải phóng dân tộc. Chính sách đối ngoại của các nước đế quốc nhằm chống lại việc **làm dịu tình hình quốc tế,** tăng cường **chạy đua vũ trang,** đe dọa và can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân các nước. Chính sách đó được thực hiện bằng cách gây sức ép chính trị và kinh tế đối với các nước khác, ủng hộ bọn phản động trong các nước này, tổ chức các hoạt động chính trị ám muội và các cuộc đảo chính phản động cũng như tập kích tư tưởng và xuất khẩu **phản cách mạng.**

Chính sách đối ngoại của các nước xã hội chủ nghĩa

dựa trên những nguyên tắc **quốc tế vô sản** và **cùng tồn tại hòa bình** giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau, nhằm ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc, hợp tác cùng có lợi với **các nước đang phát triển** và các nước tư bản, ngăn ngừa chiến tranh xâm lược, cứu nhân loại khỏi nguy cơ chiến tranh hạt nhân và củng cố hòa bình.

Đầu những năm 80, những kẻ chống lại việc làm dịu tình hình và hạn chế vũ trang đã ngóc đầu dậy hoạt động tích cực. Trong chính sách đối ngoại của các giới đế quốc hiếu chiến nhất đã đặc biệt lộ rõ thái độ phiêu lưu, sẵn sàng chà đạp lên lợi ích sống còn của loài người, phục vụ những mục đích ích kỷ của bọn «tư bản cá mập». Trong tình hình quốc tế căng thẳng như thế, quần chúng nhân dân đông đảo trong các nước phi xã hội chủ nghĩa ngày càng tham gia cuộc đấu tranh nhằm thực hiện những nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình. Sự thay đổi tương quan lực lượng chính trị trên thế giới có lợi cho chủ nghĩa xã hội đã làm cho các chính khách tư sản có đầu óc hiện thực thấy rõ không thể tính chuyện thắng đối phương trong cuộc chiến tranh hạt nhân và phải áp dụng những nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình trong các quan hệ quốc tế.

CHÍNH SÁCH ĐỐI NỘI—chính sách thể hiện mối tương quan giữa các **giai cấp,** các nhóm xã hội và dân tộc của một nước, và nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của các giai cấp thống trị.

Chính sách đối nội của các nước tư bản được tiến hành vì lợi ích của các giai cấp bóc lột và do đó chà

đạp lên những quyền dân chủ của công dân trong nước, nhằm đàn áp các lực lượng tiến bộ và chống lại những người lao động, chống các **đảng** cộng sản và công nhân.

Chính sách đối nội của các nước xã hội chủ nghĩa thể hiện lợi ích của quần chúng nhân dân và nhằm nâng cao **mức sống** vật chất và văn hóa của người lao động, hoàn thiện các quan hệ xã hội và bảo đảm an ninh của nước mình.

CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI—chính sách kinh tế của Đảng Cộng sản và Chính phủ Liên Xô trong **thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.** Nó được gọi là mới, bởi vì khác với chính sách kinh tế nghiêm ngặt trong thời kỳ **nội chiến** 1918 - 1920. Chính sách này được bắt đầu năm 1921 theo nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ 10. Chính sách kinh tế mới nhằm mục đích khắc phục tình trạng tiêu điều của nền kinh tế, củng cố liên minh của **giai cấp công nhân** với **nông dân** lao động trên cơ sở kinh tế, thiết lập mối liên hệ giữa công nghiệp xã hội chủ nghĩa và nền kinh tế tiểu nông bằng cách sử dụng rộng rãi quan hệ tiền tệ-hàng hóa, thu hút nông dân tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội, «nâng cao tối đa các lực lượng sản xuất và cải thiện đời sống của công nhân và nông dân...» (V. I. Lê-nin, Toàn tập, tập 43, trang 398). Ở thời kỳ áp dụng chính sách kinh tế mới trong điều kiện **đấu tranh giai cấp** quyết liệt, **chủ nghĩa tư bản** đã hồi sinh một thời gian (chủ yếu là trong ngành thương nghiệp và trong các xí nghiệp nhỏ), dưới sự kiểm soát nghiêm ngặt từ phía Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Năm 1929, ở Liên Xô bắt đầu đẩy mạnh

kế hoạch tập thể hóa nông nghiệp cùng với việc xóa bỏ các yếu tố tư bản chủ nghĩa ở nông thôn. Đã thủ tiêu bọn bóc lột cả ở thành thị (xem XÓA BỎ ÁCH BÓC LỘT). Cùng với thắng lợi của **chủ nghĩa xã hội,** tới giữa những năm 30 chính sách kinh tế mới đã hoàn thành. Kinh nghiệm của chính sách kinh tế mới ở Liên Xô đang được các nước xã hội chủ nghĩa khác vận dụng, có tính tới những đặc điểm lịch sử và các điều kiện cụ thể của nước mình.

CHÍNH SÁCH KHÔNG LIÊN KẾT—đường lối đối ngoại của nhóm đông các nước ở châu Âu, châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh có chế độ chính trị khác nhau nhưng cùng giữ lập trường không liên kết với một liên minh, khối quân sự nào. Chính sách này có xu hướng chống đế quốc, chống chiến tranh và chống chủ nghĩa thực dân, xóa tiệt nọc chủ nghĩa **phân biệt chủng tộc,** xúc tiến quá trình **làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng,** đoàn kết các lực lượng chống **chiến tranh** và chống **xâm lược.**

CHỐNG CỘNG (CHỦ NGHĨA)—hệ tư tưởng và chính sách **đế quốc** thù địch với lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa cộng sản (xem CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN), tiêu biểu cho lợi ích của **tư bản** lũng đoạn, kẻ thù của tiến bộ xã hội: bọn trùm tư bản tài chính, phát xít, thực dân và tay sai của đế quốc phản động. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa chống cộng là hoạt động phá hoại và vu khống chế độ xã hội chủ nghĩa, xuyên tạc chính sách và mục đích của các đảng cộng sản, xuyên tạc học thuyết **Mác-Lê-nin.** Dưới lá cờ chống cộng,

bọn đế quốc phản động đang mở rộng chiến dịch vu không chống những người cộng sản, chống **chủ nghĩa xã hội, dân chủ,** tiến bộ nhằm bôi xấu chính sách và lý tưởng của những người cộng sản trước mắt quần chúng nhân dân, chia rẽ phong trào công nhân, ngăn cản việc **làm dịu tình hình căng thẳng** và bào chữa cho **cuộc chạy đua vũ trang** điên cuồng.

CHỐNG LIÊN XÔ (CHỦ NGHĨA)—hoạt động thù địch với Liên Xô nhằm xuyên tạc **lối sống** xô-viết, chính sách đối nội và đối ngoại của Nhà nước Liên Xô. Dựa vào chủ nghĩa chống Liên Xô, bọn tư tưởng gia tư sản mưu toan gieo rắc lòng hoài nghi của các dân tộc đối với Liên Xô, gây chia rẽ trong nội bộ phong trào cộng sản và làm giảm yếu ảnh hưởng của **hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới** đối với **các nước đang phát triển.** Chủ nghĩa chống Liên Xô là bộ phận cấu thành quan trọng nhất của **chủ nghĩa chống cộng.**

CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN KHOA HỌC—một trong ba bộ phận cấu thành **chủ nghĩa Mác-Lê-nin,** lập luận chính trị-xã hội về **sứ mạng lịch sử của giai cấp vô sản;** khoa học về những con đường, hình thức và phương pháp cải tạo xã hội theo chủ nghĩa cộng sản. Những nhiệm vụ của chủ nghĩa cộng sản khoa học là: giải thích và lập luận về tính tất yếu lịch sử của cuộc cải tạo xã hội tư bản bằng cách mạng thành xã hội cộng sản, về vị trí và vai trò của **giai cấp công nhân** và quần chúng phi vô sản chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh cách mạng, về thực chất và vai trò của các phong trào giải phóng

dân tộc và dân chủ trong **quá trình cách mạng thế giới,** vai trò và những nguyên tắc của **chuyên chính vô sản,** các quy luật, phương hướng và hình thức xây dựng **chủ nghĩa xã hội** và **chủ nghĩa cộng sản,** những nguyên tắc chính trong chiến lược và sách lược của các đảng cộng sản và công nhân trong mọi giai đoạn đấu tranh cho chủ nghĩa cộng sản.

Chủ nghĩa cộng sản khoa học đòi hỏi phải tính tới đặc điểm dân tộc của mỗi nước trong việc giải quyết các nhiệm vụ cải tạo xã hội theo chủ nghĩa cộng sản. Việc phát triển sáng tạo chủ nghĩa cộng sản khoa học dựa trên sự tổng kết kinh nghiệm toàn thế giới của cuộc đấu tranh cách mạng.

CHỦ NGHĨA LÊ-NIN—học thuyết V. I. Lê-nin (1870-1924), người kế tục thiên tài sự nghiệp cách mạng và học thuyết của C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Lê-nin đã phát triển sáng tạo trong điều kiện lịch sử mới, trong thời đại quá độ từ **chủ nghĩa tư bản** lên **chủ nghĩa xã hội,** tất cả những bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác là **triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa cộng sản khoa học** (xem CHỦ NGHĨA MÁC-LÊ-NIN).

CHỦ NGHĨA TƠ-RỐT-XKI—trào lưu cơ hội tiểu tư sản thù địch với **chủ nghĩa Mác-Lê-nin,** xuất hiện đầu thế kỷ 20, mang tên Tơ-rốt-xki, nói những câu cách mạng, nhưng thực tế tuyên truyền quan điểm đầu hàng về mọi vấn đề chủ yếu của cuộc đấu tranh cách mạng. Chẳng hạn, bọn Tơ-rốt-xki đã chống lại việc thành lập đảng mác-xít của **giai cấp công nhân,** chống vai trò lãnh đạo của **vô sản** trong **cách mạng,** không

công nhận khả năng cách mạng của công nhân, coi giai cấp công nhân là không được chuẩn bị về mặt tư tưởng để làm cách mạng. Chúng phủ nhận **liên minh của giai cấp công nhân với nông dân,** coi nông dân là kẻ thù có thể phản bội giai cấp vô sản. Bọn Tơ-rốt-xki thích phiêu lưu, muốn «đẩy mạnh» cách mạng bằng chiến tranh cách mạng ở các nước khác, phủ nhận khả năng và tất yếu của sự **cùng tồn tại hòa bình giữa các nước** có chế độ xã hội khác nhau, không công nhận các phong trào dân chủ chung (chúng tuyên bố đấu tranh cho **dân chủ** là giai đoạn đã qua). Ngày nay, các nhóm phiêu lưu cực tả ở một số nước vũ trang tư tưởng Tơ-rốt-xki gây nhiều thiệt hại cho phong trào công nhân quốc tế.

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN—chế độ xã hội dựa trên quyền **sở hữu** tư bản tư nhân đối với **tư liệu sản xuất** và sự bóc lột của người tư bản đối với lao động làm thuê. Chủ nghĩa tư bản xuất hiện trong lòng **chế độ phong kiến** và là chế độ xã hội tiến bộ hơn chế độ phong kiến. Bằng cách chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất, tập trung đông đảo công nhân trong các nhà máy công xưởng, chủ nghĩa tư bản góp phần xã hội hóa nền sản xuất, nhưng kết quả lao động dưới dạng lợi nhuận ngày càng tăng lại do những người chiếm hữu tư liệu sản xuất, tức là người tư bản, hưởng thụ. Mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của nền sản xuất và hình thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa là **mâu thuẫn chủ yếu của chủ nghĩa tư bản,** mâu thuẫn này là nguyên nhân chính của **đấu tranh giai cấp,** cuộc đấu tranh ngày càng tăng của nhân dân lao động chống tư bản dẫn tới

các cuộc **khủng hoảng** kinh tế trầm trọng. **Chủ nghĩa Mác-Lê-nin** chứng minh một cách khoa học rằng, theo quy luật lịch sử, chủ nghĩa tư bản tới giai đoạn phát triển nhất định sẽ được thay thế bằng chế độ xã hội tiến bộ hơn là **chủ nghĩa xã hội.** Quy luật về sự tương ứng giữa **quan hệ sản xuất** và **lực lượng sản xuất** do Mác phát hiện đòi hỏi một cách khách quan điều đó.

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI—chế độ xã hội tới thay thế **chủ nghĩa tư bản;** giai đoạn đầu của **chủ nghĩa cộng sản.** Trong chủ nghĩa xã hội không có các **giai cấp** bóc lột và nạn người **bóc lột** người, **sở hữu tư nhân** đối với **tư liệu sản xuất** được thay thế bằng **sở hữu xã hội,** nền kinh tế được tổ chức có kế hoạch vì lợi ích của toàn thể nhân dân, chính quyền thuộc về nhân dân lao động, lòng hiềm thù dân tộc bị thủ tiêu, phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới, tình hữu nghị và sự hợp tác anh em giữa các dân tộc được thiết lập. Chủ nghĩa xã hội đã vĩnh viễn chấm dứt các cuộc **khủng hoảng,** nạn **thất nghiệp** và nghèo khổ. Nguyên tắc «mỗi người làm việc theo năng lực, hưởng theo lao động» được thực hiện. Chế độ sở hữu xã hội bảo đảm cho nhân dân được chăm sóc y tế không mất tiền, học tập ở tất cả các loại trường không phải trả tiền, được bảo trợ xã hội khi về già và trong trường hợp mất sức lao động, giá tiền nhà ấn định thấp (tiền nhà ở Liên Xô không thay đổi từ năm 1928), giá cả ổn định, **tiền lương** tăng thường xuyên. Ngày nay, chủ nghĩa xã hội đã trở thành **hệ thống thế giới** có ảnh hưởng quyết định tới tiến bộ lịch sử.

«CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ»—quan điểm chính trị cho rằng dường như có thể cải tạo **chủ nghĩa tư bản** thành **chủ nghĩa xã hội** bằng các cải cách dân chủ. Những người bênh vực «chủ nghĩa xã hội dân chủ» bác bỏ những luận điểm quan trọng nhất của **chủ nghĩa Mác-Lê-nin** về **giai cấp** và **đấu tranh giai cấp,** về **cách mạng xã hội chủ nghĩa** và **chuyên chính vô sản,** truyền bá tư tưởng «**chủ nghĩa tư bản nhân dân**» và tư tưởng biến Nhà nước tư bản chủ nghĩa thành «Nhà nước thịnh vượng». Trong các cương lĩnh chính trị của mình, họ không đề nghị thủ tiêu những cơ sở xã hội và kinh tế của chế độ tư bản, không thấy rằng muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất thiết phải thay đổi về căn bản **chế độ sở hữu** và chính quyền, và chỉ có thể thực hiện điều đó thông qua đấu tranh giai cấp.

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI PHÁT TRIỂN—giai đoạn phát triển theo quy luật của chế độ xã hội chủ nghĩa, trong đó **chủ nghĩa xã hội** phát triển trên cơ sở riêng, các lực lượng sáng tạo của xã hội mới và những **ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản** bộc lộ đầy đủ nhất, **cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản** được thành lập trực tiếp. Tới đầu những năm 60, chủ nghĩa xã hội phát triển đã được xây dựng ở Liên Xô. Ít lâu sau, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Cộng hòa Dân chủ Đức, Ba Lan, Ru-ma-ni và Tiệp Khắc bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển.

Những đặc điểm chủ yếu của chủ nghĩa xã hội phát triển là:

— thành lập hệ thống chính trị mới là **Nhà nước** toàn dân, Nhà nước thay thế **chuyên chính vô sản** đã hoàn thành sứ mạng lịch sử của mình;

— thành lập tổ hợp kinh tế quốc dân mạnh và mới về chất lượng được trang bị kỹ thuật tiên tiến và có những khả năng lớn;

— kết thúc việc cải tổ **quan hệ sản xuất** theo các nguyên tắc tập thể là đặc nét của chủ nghĩa xã hội;

— mối tương quan ngày càng lớn giữa tiến bộ kinh tế và tiến bộ xã hội cho phép hướng sự phát triển kinh tế vào việc giải quyết những nhiệm vụ xã hội và nâng cao rõ rệt phúc lợi vật chất của nhân dân;

— chú ý đặc biệt tới các nhân tố phát triển **kinh tế** theo chiều sâu, tới việc nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng năng suất lao động, tìm kiếm những nguồn dự trữ bổ sung cho sản xuất, cải tiến chất lượng công tác;

— đẩy nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật, hoàn thiện công tác quản lý xã hội một cách khoa học, liên kết ngày càng đầy đủ hơn những **ưu việt của chủ nghĩa xã hội** với thành tựu của **cách mạng khoa học - kỹ thuật;**

— xích lại gần nhau các hình thức **sở hữu** Nhà nước và hợp tác xã, do đó làm xuất hiện hàng nghìn liên hiệp nông-công nghiệp lớn do Nhà nước và các nông trang tập thể cùng xây dựng;

— đẩy nhanh quá trình xích lại gần nhau giữa các giai cấp và các nhóm xã hội, khắc phục những khác biệt giữa các giai cấp xã hội, hình thành những nét chính và cơ bản của tính đồng nhất xã hội;

— tất cả các **dân tộc** lớn nhỏ không ngừng phát triển phồn vinh và xích lại gần nhau;

— sự thống nhất ngày càng tăng của cộng đồng lịch sử mới của con người là nhân dân Liên Xô;

— nâng cao rõ rệt trình độ học vấn, chuyên môn và văn hóa chung của người lao động;

— hoàn thiện **lối sống xã hội chủ nghĩa**.

Những tiêu chuẩn kể trên của **chủ nghĩa xã hội phát triển** mang tính chất tổng hợp, phản ánh sự trưởng thành của toàn bộ hệ thống xã hội nói chung: sự trưởng thành của nền **kinh tế, quan hệ sản xuất,** cơ cấu xã hội, hệ thống chính trị và trình độ văn hóa của nhân dân. Nhưng chủ nghĩa xã hội phát triển và trưởng thành vẫn chưa phải là chủ nghĩa xã hội hoàn chỉnh. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển vẫn còn và sẽ còn có những khó khăn và những vấn đề riêng phải giải quyết, và đó là điều hoàn toàn hiển nhiên khi nảy sinh cái mới, bởi vì sự phát triển không ngừng chỉ diễn ra trong điều kiện đấu tranh giữa các mâu thuẫn, đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, giữa tiến bộ và cứng đờ, bảo thủ. Trong sự phát triển tuần tự, chủ nghĩa xã hội phát triển đòi hỏi xóa bỏ dần từng bước những quan hệ xã hội lỗi thời này hay khác hình thành trước đây, những sự thiếu cân đối và thiếu tương xứng, khắc phục những mâu thuẫn và khó khăn mới xuất hiện, giải quyết những nhiệm vụ mới trên con đường tiến tới **chủ nghĩa cộng sản**.

CHỦ NGHĨA XI-ÔN—xem XI-ÔN.

CHUNG SỐNG HÒA BÌNH—xem CÙNG TỒN TẠI HÒA BÌNH.

CHUYÊN CHÍNH, ĐỘC TÀI— 1) quyền lực Nhà nước thể hiện lợi ích của giai cấp thống trị và bảo đảm thế lực chính trị của giai cấp đó; 2) các phương pháp dựa vào quyền lực để cầm quyền; sự tập trung quyền lực trong tay một người cầm quyền hay một số người (ví dụ, trong chế độ độc tài phát xít).

CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN (CHẾ ĐỘ)—chính quyền của **giai cấp công nhân** trong **cách mạng xã hội chủ nghĩa** được thiết lập trong **thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội** nhằm mục đích xây dựng **chủ nghĩa xã hội.** Chính quyền này là chính quyền vô sản, bởi vì **giai cấp công nhân** do Đảng mác-xít lê-nin-nít lãnh đạo, liên minh với nông dân và các tầng lớp lao động phi vô sản khác giữ địa vị lãnh đạo trong xã hội và Nhà nước. Thực hiện nền **dân chủ** rộng rãi nhất đối với nhân dân lao động, chính quyền này có thể sử dụng vũ lực để đàn áp sự chống đối của các giai cấp bóc lột và ngăn chặn hoạt động của các phần tử thù địch với chủ nghĩa xã hội, do đó quyền lực nói trên gọi là **chuyên chính.** Nhưng mục đích chính của chuyên chính vô sản là hoạt động sáng tạo và tổ chức để lãnh đạo người lao động xây dựng xã hội mới. Như Lê-nin nói, trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội «cần tới chuyên chính vô sản, chính quyền của một giai cấp, sức tổ chức và kỷ luật của giai cấp đó, sức mạnh tập trung của giai cấp đó dựa trên mọi thành tựu văn hóa, khoa học, kỹ thuật của chủ nghĩa tư bản, sự gần gũi của giai cấp vô sản với tâm lý của bất kỳ người lao động nào, uy tín của giai cấp đó trước người lao động tản mạn, kém phát

triển, kém vững vàng về chính trị, xuất thân từ nông thôn hoặc từ nền tiểu sản xuất, để cho giai cấp vô sản có thể **dẫn dắt** nông dân và mọi tầng lớp tiểu tư sản nói chung» (V. I. Lê-nin, Toàn tập, t. 38, tr. 386).

Chuyên chính vô sản thể hiện dưới những hình thức khác nhau tùy thuộc điều kiện cụ thể của mỗi nước: mức độ phát triển kinh tế và chính trị, sự phân bố lực lượng giai cấp trong nước, sự phát triển hòa bình hay không hòa bình của cuộc **cách mạng xã hội chủ nghĩa,** các truyền thống dân tộc, v. v. Theo đà củng cố chủ nghĩa xã hội và thủ tiêu các giai cấp bóc lột (biến họ thành những người lao động), **Nhà nước** chuyên chính vô sản dần dần mang hình thức Nhà nước toàn dân, trong đó chính quyền thuộc về toàn thể nhân dân lao động và giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo.

CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN PHI TƯ BẢN CHỦ NGHĨA—quá trình lịch sử quá độ của các nước thoát khỏi sự phụ thuộc thực dân lên **chủ nghĩa xã hội,** không qua **chủ nghĩa tư bản.** Cơ sở kinh tế-xã hội của con đường này là **khu vực quốc doanh** của nền kinh tế, còn cơ sở chính trị là sự chuyển chính quyền về tay các lực lượng dân chủ cách mạng gồm giai cấp công nhân, nông dân lao động, trí thức và viên chức. Các nước đã tự giải phóng bước vào con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa đang tiến hành những cải tạo xã hội sâu sắc: lần át các công ty nước ngoài, **tịch thu** lãnh địa của phong kiến, củng cố khu vực Nhà nước, **công nghiệp hóa,** thi hành chế độ hành pháp

xã hội rộng rãi, nâng cao phúc lợi vật chất của nhân dân lao động, mở rộng việc học tập của nhân dân. Nhân tố lớn dẫn tới thắng lợi của con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa là sự giúp đỡ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới dành cho các nước đã bước vào con đường này.

CỔ ĐỘNG—hoạt động chính trị bằng lời nói và ấn loát tác động tới nhận thức và tâm trạng của quần chúng đông đảo bằng cách phổ biến những tư tưởng, khẩu hiệu, lời kêu gọi và thông báo nhất định. Ở đây có sử dụng các cuộc mạn đàm, mít tinh, phát thanh, điện ảnh, truyền hình, báo chí (báo, tạp chí, sách, tranh cổ động, tranh châm biếm, v. v.). Cổ động là một trong những phương tiện **đấu tranh tư tưởng,** chính trị của các **giai cấp** xã hội và chính đảng.

CÔNG ĐOÀN—các tổ chức rộng rãi của người lao động cùng chung quyền lợi về hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và văn hóa. Các công đoàn xuất hiện trong quá trình đấu tranh của giai cấp **vô sản** chống sự **bóc lột** của tư bản, nhằm nâng cao **mức sống** và cải thiện điều kiện lao động. Phong trào công đoàn thế giới ngày nay là một bộ phận cấu thành phong trào công nhân quốc tế. Các liên hiệp công đoàn quốc tế: Liên hiệp công đoàn thế giới (Liên hiệp công đoàn dân chủ quốc tế thành lập năm 1945), Liên hiệp nghiệp đoàn tự do quốc tế (thành lập năm 1949; tập hợp các trung tâm nghiệp đoàn cải lương chủ nghĩa), Liên đoàn lao động thế giới (thành lập năm 1920 dưới

tên gọi là Liên hiệp nghiệp đoàn Thiên chúa giáo quốc tế, tên gọi hiện nay bắt đầu từ năm 1968). Ngoài ra còn có các liên hiệp công đoàn quốc tế và khu vực của các ngành riêng rẽ.

CÔNG ĐOÀN VÔ CHÍNH PHỦ (CHỦ NGHĨA)— trào lưu xa lạ với **chủ nghĩa Mác-Lê-nin** trong phong trào công nhân, nó chịu ảnh hưởng tư tưởng của **chủ nghĩa vô chính phủ.** Những người chủ trương chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ không công nhận cuộc đấu tranh chính trị, phủ nhận sự cần thiết phải có đảng công nhân độc lập, phủ nhận việc nhân dân lao động nắm quyền lực. Những người theo chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ cho rằng chỉ cần áp dụng sách lược «hành động trực tiếp» (tẩy chay, phá hoại ngầm, bãi công kinh tế) là **chủ nghĩa tư bản** đã có thể bị đập tan và xây dựng được xã hội mới, trong đó các **công đoàn** (công nhân không nắm quyền lực Nhà nước) tịch thu các **tư liệu sản xuất** của tư bản.

CÔNG HỮU HÓA TƯ LIỆU SẢN XUẤT— xem XÃ HỘI HÓA TƯ LIỆU SẢN XUẤT.

CÔNG NGHIỆP HÓA—sự phát triển của nền công nghiệp lớn và trước tiên là các ngành công nghiệp chế tạo **tư liệu sản xuất.** Mục đích công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là bảo đảm độc lập kinh tế của đất nước, xây dựng cơ sở để tái trang bị kỹ thuật cho tất cả các ngành **kinh tế quốc dân,** nâng cao phúc lợi nhân dân và củng cố quốc phòng. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật bắt đầu từ những năm 60 của thế kỷ 20, sự

liên kết hữu cơ của nó với những **ưu việt của chủ nghĩa xã hội** giúp các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển công nghiệp. Trong **chủ nghĩa tư bản,** công nghiệp hóa củng cố vững chắc thêm sự thống trị về kinh tế và chính trị của **giai cấp tư sản,** khoét sâu thêm mọi mâu thuẫn trong xã hội tư bản, kể cả mâu thuẫn giữa các nước tiên tiến về mặt kinh tế kỹ thuật và các nước chậm tiến biến thành nguồn cung cấp nguyên liệu cho các nước đế quốc lớn. Các nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ vô tư cho **các nước đang phát triển** tiến hành công nghiệp hóa, nhân tố quan trọng để giành độc lập chính trị và kinh tế thật sự. Việc các nước đang phát triển mở rộng quan hệ kinh tế với **hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới** giúp họ thoát khỏi sự lệ thuộc vào tư bản nước ngoài, mở rộng thị trường trong nước, tăng vốn tích lũy của Nhà nước, đào tạo và huấn luyện cán bộ dân tộc, dần dần thủ tiêu tính chất đa dạng của hình thái kinh tế, không chỉ xây dựng các ngành khai thác mỏ cung cấp nguyên liệu cho các nước tư bản phát triển như trước đây, mà còn thành lập cả các ngành công nghiệp khác nữa.

CÔNG NHÂN—xem GIAI CẤP CÔNG NHÂN.

CÔNG NHÂN QUÝ TỘC—bộ phận trên cùng của **giai cấp công nhân** bị **tư sản** mua chuộc bằng siêu lợi nhuận của các **công ty lũng đoạn** nhằm chia rẽ công nhân, gây ảnh hưởng của tư sản trong công nhân. Trong điều kiện ngày nay, ở các nước tư bản phát triển, lớp đông công nhân giỏi chuyên môn tích cực tham gia đấu tranh chống tư bản lũng đoạn.

CÔNG TY XUYÊN QUỐC GIA—xem TẬP ĐOÀN LŨNG ĐOẠN XUYÊN QUỐC GIA.

CÔNG XÃ PA-RI—**cách mạng** vô sản đầu tiên trong lịch sử và chính phủ đầu tiên của **giai cấp công nhân** tồn tại ở Pa-ri 72 ngày (từ 18-3 đến 28-5-1871). Cùng với việc thành lập Công xã Pa-ri, bộ máy Nhà nước cũ bị xóa bỏ, biên chế tinh giản, lương của các thành viên bộ máy Công xã Pa-ri và các thành viên Công xã Pa-ri giảm xuống ngang mức lương trung bình của công nhân. Để quản lý công việc Nhà nước, Công xã Pa-ri đã bầu ra các ủy ban thay thế các bộ cũ. Để chỉ đạo chung, đã thành lập Ban chấp hành (từ 1-5, đổi thành Ủy ban cứu xã hội). Quân đội cũ được thay bằng Đội Cận vệ quốc gia, cảnh sát và cảnh binh bị giải tán, báo chí thù địch với Công xã Pa-ri bị đóng cửa. Công xã Pa-ri đã tiến hành những biện pháp kinh tế-xã hội quan trọng nhằm giảm nhẹ tình cảnh của người lao động như thông qua các biện pháp bảo hộ lao động của công nhân viên chức, tăng **tiền lương** cho một số nhóm người lao động lương thấp, tổ chức **chế độ kiểm tra của công nhân** trong các xí nghiệp, v. v., và ban hành sắc luật chuyển về tay công nhân những xí nghiệp của bọn chủ bỏ chạy khỏi Pa-ri.

Nhưng do không có chương trình hành động rõ ràng và do phạm những sai lầm sách lược, nội bộ bất hòa, giác ngộ chính trị của giai cấp công nhân còn thấp và những nguyên nhân khác đã dẫn Công xã Pa-ri tới thất bại. Tuy nhiên, Công xã Pa-ri đã giáng đòn đầu tiên vào **chủ nghĩa tư bản** và báo hiệu sự diệt vong không tránh khỏi của nó. Kinh nghiệm Công

xã Pa-ri đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển lý luận của **chủ nghĩa cộng sản khoa học** và đấu tranh cách mạng sau đó của giai cấp công nhân.

CỘNG SẢN (CHỦ NGHĨA)—**hình thái xã hội - kinh tế** đến thay thế **chủ nghĩa tư bản.** Hình thái này dựa trên **chế độ sở hữu xã hội** đối với **tư liệu sản xuất** và bao gồm hai giai đoạn: giai đoạn thấp—**chủ nghĩa xã hội** và giai đoạn cao—chủ nghĩa cộng sản. Giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản là «...chế độ xã hội không giai cấp có chế độ sở hữu toàn dân thống nhất đối với tư liệu sản xuất, tất cả các thành viên trong xã hội đều hoàn toàn bình đẳng về mặt xã hội, trong đó cùng với sự phát triển toàn diện của mỗi người, các lực lượng sản xuất cũng phát triển trên cơ sở khoa học và kỹ thuật không ngừng phát triển, mọi nguồn của cải xã hội sẽ dư thừa và nguyên tắc vĩ đại «mỗi người làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu» sẽ được áp dụng. Chủ nghĩa cộng sản là xã hội có tổ chức cao của những người lao động tự do và tự giác, trong đó chế độ tự quản xã hội sẽ được thiết lập, lao động vì hạnh phúc của xã hội sẽ trở thành nhu cầu thiết thân nhất của mọi người, trở thành tất yếu được nhận thức rõ, năng lực của mọi người sẽ được sử dụng một cách có lợi nhất cho nhân dân» (Cương lĩnh Đảng Cộng sản Liên Xô).

Khoa học mác-xít lê-nin-nít đã chứng minh rõ rằng xã hội cộng sản chủ nghĩa nhất định sẽ đến thay thế **chủ nghĩa tư bản**. Xã hội này được xây dựng nhờ kết quả thắng lợi của **cách mạng xã hội chủ nghĩa** và thiết

lập chế độ **chuyên chính vô sản** dưới hình thức này hay hình thức khác. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa cộng sản, sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa thành thị và nông thôn, cũng như sự khác biệt giai cấp sẽ được thủ tiêu dần trên cơ sở chế độ sở hữu xã hội đối với tư liệu sản xuất và phát triển các **lực lượng sản xuất**. Tính chất lao động sẽ biến đổi. Lao động sẽ trở thành nhu cầu thiết thân nhất của con người.

Lực lượng sản xuất trong chủ nghĩa cộng sản sẽ cung cấp dư thừa vật phẩm tiêu dùng để có thể phân phối chúng không theo mức lao động như trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản (trong chủ nghĩa xã hội), mà theo nhu cầu của cá nhân. Và con người sẽ không phải là người hưởng thụ cỗ sức vơ vét thật nhiều thực phẩm, quần áo, v. v., mà là người làm nên mọi của cải, có phẩm hạnh cao, tự giác, và những năng lực phong phú của người đó sẽ được sử dụng một cách có lợi nhất cho nhân dân. Thay thế cho **Nhà nước** và bộ máy quản lý của nó hiện nay sẽ là chế độ tự quản xã hội cộng sản chủ nghĩa. Ở Liên Xô đã xây dựng **chủ nghĩa xã hội phát triển** và đang bắt đầu xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

Xây dựng chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu cuối cùng của các đảng cộng sản.

CƠ HỘI (CHỦ NGHĨA)—chính sách tùy thời, thỏa hiệp giai cấp thù địch với **chủ nghĩa Mác-Lê-nin.** Trong phong trào công nhân, chủ nghĩa cơ hội biểu lộ trong việc từ bỏ các biện pháp đấu tranh cách mạng,

hợp tác với các chính phủ tư bản chủ nghĩa và đế quốc chủ nghĩa. Chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh là lý thuyết và sách lược của **lớp công nhân quý tộc** đã tư sản hóa, các tầng lớp trung gian trong xã hội tư bản, ủng hộ phong trào tự phát của công nhân, chối từ **cách mạng xã hội chủ nghĩa,** và sự cần thiết phải giành chính quyền về tay giai cấp công nhân. Chủ nghĩa cơ hội «tả khuynh» là quan điểm cách mạng cực đoan và phiêu lưu của các tiểu chủ bị phá sản và các phần tử mất bản chất giai cấp, giữ nhận định tùy tiện về sức mạnh vạn năng của bạo lực cách mạng. Bọn cơ hội chủ nghĩa «tả khuynh» mưu toan đẩy phong trào công nhân vào con đường phiêu lưu chính trị và hy sinh vô nghĩa lý.

CƠ SỞ VẬT CHẤT-KỸ THUẬT CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN—cơ sở sản xuất và kỹ thuật của xã hội cộng sản chủ nghĩa tương lai. Cơ sở này đòi hỏi trình độ phát triển cao của quá trình tự động hóa sản xuất, của các ngành năng lượng nguyên tử, điện tử, sản xuất vật liệu bán dẫn, máy tính và các ngành kỹ thuật khác trên cơ sở kết hợp những thành tựu của cách mạng khoa học kỹ thuật với những ưu việt của sự tổ chức xã hội theo chủ nghĩa xã hội. Trình độ phát triển cao của nền sản xuất xã hội sẽ cho phép thực hiện nguyên tắc chính của **chủ nghĩa cộng sản** là «mỗi người làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu». Công cuộc xây dựng trực tiếp cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản được tiến hành trong thời kỳ xã hội đạt tới giai đoạn phát triển lịch sử là **chủ nghĩa xã hội phát triển**.

CÙNG TỒN TẠI HÒA BÌNH GIỮA CÁC NƯỚC có chế độ xã hội khác nhau là nguyên tắc chính của chính sách đối ngoại do Lê-nin đề ra cho các nước xã hội chủ nghĩa trong **thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội** trên phạm vi toàn thế giới; hình thức đấu tranh hòa bình giữa các hệ thống xã hội đối lập (xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa) trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế và tư tưởng.

Nhiệm vụ chính của chính sách cùng tồn tại hòa bình là tránh dùng vũ lực để giải quyết vấn đề tranh chấp giữa các nước. Lần đầu tiên trong lịch sử, những nguyên tắc chính của chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau—tôn trọng chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, phát triển các quan hệ kinh tế, khoa học và văn hóa giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau đã được Hiến pháp Liên Xô ghi nhận. Việc củng cố các vị trí của **chủ nghĩa xã hội** trên trường quốc tế đang tạo những tiền đề loại trừ dần hành động bạo lực trong quan hệ quốc tế, chấm dứt các vụ xung đột quân sự quốc tế.

CƯƠNG LĨNH HÒA BÌNH—cương lĩnh đấu tranh cho hòa bình và sự hợp tác quốc tế, vì tự do và độc lập của các dân tộc do Đại hội lần thứ 24 Đảng Cộng sản Liên Xô (1971) đề ra. Những nhiệm vụ chủ yếu được nêu lên trong cương lĩnh là: 1) thủ tiêu các lò lửa chiến tranh ở Đông Nam Á và ở Cận Đông, giáng trả ngay tức khắc mọi hành động **xâm lược** và tận dụng mọi khả năng của **Liên hợp quốc** về mặt này,

biến việc chối từ dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực để giải quyết các vấn đề tranh chấp thành quy luật sinh hoạt quốc tế; 2) xuất phát từ việc công nhận dứt khoát những thay đổi về lãnh thổ diễn ra ở châu Âu do kết quả chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945); bảo đảm an ninh tập thể ở châu Âu; 3) cấm vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học và vi trùng, cấm thử vũ khí hạt nhân đều khắp, xúc tiến việc thành lập các **khu vực phi hạt nhân**, đòi các nước có vũ khí hạt nhân phải giải trừ vũ khí này; 4) đẩy mạnh đấu tranh đòi chấm dứt **chạy đua vũ trang**, thủ tiêu các căn cứ quân sự ở nước ngoài, giảm bớt lực lượng vũ trang và vũ khí ở các vùng có đối đầu quân sự đặc biệt nguy hiểm, trước hết là ở Trung Âu; đề ra các biện pháp ngăn ngừa các vụ xung đột quân sự xuất hiện bất ngờ hoặc có chủ mưu; 5) thực hiện đầy đủ các nghị quyết của Liên hợp quốc về việc thủ tiêu các chế độ thực dân còn sót lại, kịch liệt lên án những biểu hiện của chủ nghĩa **kỳ thị chủng tộc** và chính sách a-pác-thai; 6) củng cố sự hợp tác cùng có lợi với các nước hữu quan trong việc giải quyết những vấn đề như bảo vệ môi trường thiên nhiên, khai thác tài nguyên thiên nhiên, phát triển giao thông và thông tin liên lạc, phòng ngừa và thủ tiêu những bệnh nguy hiểm nhất, nghiên cứu và chinh phục vũ trụ, đại dương thế giới.

Cương lĩnh này được thực hiện có kết quả và phát triển thêm trong Cương lĩnh tiếp tục đấu tranh cho hòa bình và hợp tác quốc tế, vì tự do và độc lập của các dân tộc thông qua tại Đại hội lần thứ 25 Đảng Cộng sản Liên Xô. Những nhiệm vụ chủ yếu của Cương lĩnh mới là: 1) các nước xã hội chủ nghĩa anh em không

ngừng củng cố sự thống nhất và tích cực góp sức củng cố hòa bình; 2) đòi chấm dứt chạy đua vũ trang và chuyển sang **giải trừ quân bị;** 3) thủ tiêu bằng được các lò lửa chiến tranh, trước hết là đi tới giải pháp hòa bình đúng đắn ở Cận Đông; 4) tiếp tục làm dịu tình hình hơn nữa, thực hiện đầy đủ các điều khoản của Định ước Hội nghị toàn châu Âu; 5) tìm cách bảo đảm an ninh châu Á trên cơ sở đóng góp sức lực chung của các nước châu Á; 6) ký kết hiệp ước không dùng vũ lực trong các quan hệ quốc tế; 7) thủ tiêu những tàn dư của chủ nghĩa thực dân, hiện tượng bất bình đẳng và phụ thuộc của các dân tộc, tất cả những sào huyệt của chủ nghĩa thực dân và phân biệt chủng tộc; 8) đòi xóa bỏ sự phân biệt đối xử trong buôn bán quốc tế, thủ tiêu những hiện tượng bất bình đẳng, bức chế, bóc lột trong quan hệ kinh tế quốc tế.

Đại hội lần thứ 26 Đảng Cộng sản Liên Xô (năm 1981) đã đề ra Cương lĩnh hòa bình cho những năm 80. Cương lĩnh này dự kiến ba phương hướng hoạt động chủ yếu của Liên Xô nhằm ngăn chặn chiến tranh. Một là, dập tắt những lò lửa hiện đang gây những vụ xung đột quân sự ở các vùng khác nhau trên thế giới và tạo ra những bảo đảm chính trị vững chắc để không làm xuất hiện những cuộc **khủng hoảng** mới hết sức nguy hiểm. Hai là, đạt tiến bộ thực sự trong việc hạn chế chạy đua vũ trang và sau đó giảm bớt vũ trang, trước hết là vũ khí hạt nhân. Ba là, nối lại và đẩy mạnh cuộc đàm thoại chính trị mang tính chất xây dựng nhằm **làm dịu tình hình quốc tế** và đẩy mạnh sự hợp tác hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau.

D

DÂN CHỦ (nói đầy đủ: dân làm chủ)—hình thức tổ chức chính trị của xã hội và **Nhà nước**, trong đó chính quyền về mặt pháp lý thuộc nhân dân và mọi công dân được tuyên bố bình đẳng trước pháp luật và có quyền tham gia giải quyết công việc Nhà nước, được sử dụng các quyền chính trị và quyền tự do. Trong xã hội có giai cấp đối kháng, trước hết giai cấp bóc lột thống trị được hưởng những lợi ích dân chủ. Nền dân chủ tư sản nhất định mang tính chất hình thức, hạn chế, bởi vì cơ sở kinh tế của nó là chế độ **sở hữu tư nhân** đẻ ra nạn người bóc lột người. Nền dân chủ chân chính là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên **chế độ sở hữu xã hội** đối với **tư liệu sản xuất** và lao động được giải phóng khỏi nạn bóc lột. **Hiến pháp** các nước xã hội chủ nghĩa ghi nhận tất cả các quyền chính trị và tự do cá nhân: tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, biểu tình, **tự do tín ngưỡng**, quyền bất khả xâm phạm của cá nhân và nhà ở. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa tuyên bố, cam kết và bảo đảm **quyền lao động**, nghỉ ngơi, học hành của công dân, được bảo đảm vật chất khi về già và khi mất khả năng lao động. Nói riêng, công dân Liên Xô có quyền sử dụng các thành tựu văn hóa, quyền tham gia quản lý các công việc Nhà nước và xã hội, thảo luận và thông qua các đạo luật và nghị quyết có ý nghĩa toàn quốc và địa phương. Công dân Liên Xô có quyền được tòa án bảo vệ không bị vi phạm danh dự và phẩm chất, đời sống và sức khỏe, tự do của cá nhân và tài sản. Đồng thời, **Nhà nước** xã hội chủ nghĩa kiên quyết ngăn chặn những

mưu toan lợi dụng các quyền chính trị để làm hại tới lợi ích của nhân dân lao động, pháp luật xã hội chủ nghĩa cấm tuyên truyền chiến tranh, thành kiến dân tộc và gây hằn thù chủng tộc, cấm truy nã những người phê bình, gây hằn thù với những người theo các tín ngưỡng.

DÂN CHỦ CÁCH MẠNG—những tầng lớp chính trị tích cực của **tiểu tư sản** thành thị, **nông dân** và **trí thức** tiến bộ giữ lập trường chống phong kiến, chống đế quốc và chống tư bản; các đảng, tổ chức và các nhóm thể hiện quyền lợi của các tầng lớp này. Ở các nước **giai cấp công nhân** còn đang hình thành, tầng lớp dân chủ cách mạng cũng bao gồm cả công nhân.

DÂN CHỦ NHÂN DÂN—chế độ chính trị hình thành do kết quả các cuộc **cách mạng dân chủ nhân dân** trong những năm 40 thế kỷ 20 ở một số nước châu Âu và châu Á. Chế độ dân chủ nhân dân bảo đảm sự tham gia của công nhân, của tất cả quần chúng lao động vào công việc quản lý Nhà nước, tham gia bầu cử và miễn cử các đại diện lao động vào các cơ quan Nhà nước, thống nhất quyền lập pháp và hành pháp, quản lý Nhà nước theo các nguyên tắc **tập trung dân chủ,** vai trò lãnh đạo của các đảng cộng sản và công nhân. Một số nước dân chủ nhân dân áp dụng chế độ nhiều đảng, trong đó các đảng cộng sản và công nhân nắm vai trò lãnh đạo. Các đảng này là lực lượng chủ đạo của các Mặt trận dân tộc (với tên gọi khác nhau trong các nước dân chủ nhân dân) đoàn kết tất cả các chính đảng và các tổ chức quần chúng lao động

trong nước lại. Ở các nước dân chủ nhân dân châu Âu, các đảng cộng sản và công nhân đã thống nhất với các đảng dân chủ-xã hội trên cơ sở **chủ nghĩa Mác-Lê-nin** để đoàn kết tất cả những người lao động đang xây dựng **chủ nghĩa xã hội** trong điều kiện lịch sử cụ thể của nước mình.

DÂN CHỦ TRONG ĐẢNG—sự tham gia rộng rãi vốn dĩ của các **đảng** mác-xít lê-nin-nít, của tất cả các đảng viên vào việc vạch thảo và thi hành chính sách của đảng, xây dựng các cơ quan lãnh đạo của đảng. Đây là khía cạnh quan trọng nhất của **chế độ tập trung dân chủ**.

DÂN CHỦ-XÃ HỘI—trào lưu chính trị xuất hiện trong phong trào công nhân quốc tế vào 30 năm cuối thế kỷ 19. Thoạt đầu, phái dân chủ-xã hội giữ lập trường cách mạng, tuyên truyền **chủ nghĩa xã hội**, thúc đẩy việc thành lập các tổ chức rộng rãi của **giai cấp công nhân**. Nhưng tới thời kỳ giữa hai thế kỷ 19 và 20, những xu hướng xét lại và cơ hội chủ nghĩa đã tăng cường trong phái dân chủ-xã hội. Phái dân chủ-xã hội chỉ công nhận những hoạt động xã hội hòa bình và dần từng bước, chủ trương thỏa hiệp giai cấp với **tư sản** đế quốc, đưa ra nhận thức «trên giai cấp» về **Nhà nước** và **dân chủ**, giải thích chủ nghĩa xã hội trước hết là phạm trù luân lý-đạo đức. Các nhà dân chủ-xã hội Nga đứng đầu là V. I. Lê-nin đã kiên quyết chống lại ban lãnh đạo cơ hội của phần đông các đảng xã hội chủ nghĩa và dân chủ-xã hội. Sau **Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại**

năm 1917, các phần tử cách mạng cánh tả trong các đảng dân chủ-xã hội đã đoạn tuyệt với bọn cơ hội chủ nghĩa và thành lập các đảng cộng sản đoàn kết thành Quốc tế Cộng sản (1919-1943). Lãnh đạo cuộc đấu tranh chống mọi biểu hiện của **chủ nghĩa cơ hội** trong phong trào công nhân, các đảng cộng sản đồng thời chủ trương thống nhất hành động với các đảng dân chủ-xã hội trong cuộc đấu tranh chống **chủ nghĩa phát xít** và các thế lực phản động. Trong điều kiện **tổng khủng hoảng** trầm trọng của **chủ nghĩa tư bản**, hàng ngũ các đảng dân chủ-xã hội đang phân hóa mạnh. Hoạt động tích cực của các lực lượng cánh tả những năm gần đây đã thúc đẩy những biến chuyển tốt trong chính sách của các đảng dân chủ-xã hội, lực lượng có ảnh hưởng lớn mạnh trong nhiều nước tư bản. Những người lãnh đạo các đảng dân chủ-xã hội ngày nay tham gia gần 20 nội các chính phủ, trong một số trường hợp trở thành người cầm đầu chính phủ. Do đó trong các nước này đã tiến hành được một số cải cách có lợi cho người lao động. Trong những điều kiện đó, các đảng cộng sản, một mặt, không ngừng đấu tranh chống hệ tư tưởng cải lương, mặt khác, chủ trương mở rộng hợp tác với các đảng dân chủ-xã hội vì lợi ích của công nhân và toàn thể nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh cho hòa bình và tiến bộ xã hội.

DÂN TỘC—cộng đồng con người hình thành trong quá trình lịch sử vào thời kỳ xuất hiện chế độ phong kiến tập quyền và phát triển quan hệ tư bản chủ nghĩa. Dân tộc có những đặc thù sau đây: đồng nhất về lãnh thổ, hình thái kinh tế, ngôn ngữ, một

sô đặc nét về văn hóa và lối suy nghĩ. Nhưng sự đồng nhất này không làm biến mất những mâu thuẫn giai cấp, **đấu tranh giai cấp** trong nội bộ một dân tộc. Cùng với thắng lợi của **cách mạng xã hội chủ nghĩa**, trong nội bộ dân tộc biến mất những mâu thuẫn đối kháng, tình hữu nghị của nhân dân được củng cố, nền kinh tế và văn hóa của các dân tộc xã hội chủ nghĩa không ngừng nhích gần nhau và làm phong phú lẫn nhau, những truyền thống toàn dân của những người xây dựng **chủ nghĩa cộng sản** được xác lập.

DÂN TỘC (CHỦ NGHĨA)—**hệ tư tưởng** và chính sách của giai cấp tư sản và tiểu tư sản về vấn đề dân tộc. Chủ nghĩa dân tộc coi **dân tộc** là hình thức thống nhất xã hội cao nhất đứng ngoài lịch sử và trên giai cấp, là một khối hài hòa, trong đó mọi tầng lớp xã hội tạo thành dân tộc có những lợi ích cơ bản hoàn toàn giống nhau. Đặc điểm thông thường của chủ nghĩa dân tộc là tư tưởng coi dân tộc có những ưu việt và đặc quyền, tư tưởng này phát triển nhiều hay ít tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử, quan hệ qua lại giữa dân tộc này với các dân tộc khác. Chủ nghĩa dân tộc thường được các giới phản động lợi dụng để làm lu mờ ý thức giai cấp của nhân dân lao động, bởi vì lòng hằn thù dân tộc gây trở ngại cho cuộc đấu tranh của người lao động vì quyền lợi giai cấp. Tuy nhiên, ở giai đoạn nhất định của phong trào giải phóng dân tộc, chủ nghĩa dân tộc trong một nước bị áp bức có thể là chương trình phục hưng dân tộc, sách lược đấu tranh chống **chủ nghĩa đế quốc**, vì độc lập chính trị và kinh tế.

DIỆT CHỦNG (CHÍNH SÁCH)—sự tiêu diệt hoàn toàn hoặc một phần nhân dân vì lý do chủng tộc, dân tộc hoặc tôn giáo. Bọn Hít-le đã phạm tội diệt chủng trên quy mô lớn trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) ở các vùng chúng chiếm đóng. Chế độ khát máu Pôn Pốt—Iêng Xa-ry đã thi hành chính sách diệt chủng ở Cam-pu-chia. Ngày nay, chính sách diệt chủng là quốc sách của các giới cầm quyền Cộng hòa Nam Phi đối với người da đen sở tại, của I-xra-en đối với người A-rập Pa-le-xtin cũng như của tập đoàn quân sự phản động cầm quyền ở Xan-va-đo đối với nhân dân nước mình.

DUY TÂM (CHỦ NGHĨA)—một trong hai phương hướng chính của **triết học**. Phương hướng này đối lập với **chủ nghĩa duy vật**, coi ý niệm, thần linh, ý thức có trước, còn giới tự nhiên, thực tại, vật chất có sau. Đó là biểu hiện triết học của nhận thức tôn giáo đối với thế giới. Chủ nghĩa duy tâm có hai biến dạng: duy tâm chủ quan và duy tâm khách quan. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan cho rằng thế giới bên ngoài không tồn tại ngoài ý thức của con người và hiện thực duy nhất là ý thức của cá nhân, tri giác và thụ cảm riêng. Chủ nghĩa duy tâm khách quan khẳng định rằng cơ sở của mọi đối tượng và hiện tượng tồn tại khách quan, ngoài ý thức hoặc ý chí con người là ý niệm tuyệt đối, thần linh thế giới mà cuối cùng là Chúa trời.

DUY VẬT (CHỦ NGHĨA)—một trong hai phương hướng chính trong **triết học**. Trái với **chủ nghĩa duy tâm**, nó coi thế giới là vật chất; vật chất, tự nhiên,

thực tại tồn tại ngoài ý thức của con người và không phụ thuộc vào ý thức đó; vật chất có trước và là nguồn gốc của cảm giác, còn ý thức có sau, là sản phẩm của con người, do đó thế giới và các quy luật của nó có thể nhận thức được và được con người sử dụng trong hoạt động sống. Phát triển trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm, chống những điều dị đoan và phối hợp chặt chẽ với khoa học, chủ nghĩa duy vật là thế giới quan của các **giai cấp** và tầng lớp tiên tiến, cách mạng của xã hội. Hình thức cao nhất của chủ nghĩa duy vật là **chủ nghĩa duy vật biện chứng** do Các Mác và Phri-đrích Ăng-ghen xây dựng và được Vla-đi-mia I-lích Lê-nin phát triển. Phổ biến những luận điểm chủ nghĩa duy vật biện chứng sang lĩnh vực đời sống xã hội, các nhà kinh điển đó đã xây dựng **chủ nghĩa duy vật lịch sử**. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là nền tảng lý luận cho chính sách của các **đảng** mác-xít lê-nin-nít, vũ trang cho nhân dân lao động tư duy khoa học về thế giới xung quanh, động viên họ tích cực đấu tranh để lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng **chủ nghĩa xã hội** và **chủ nghĩa cộng sản**.

DUY VẬT BIỆN CHỨNG—thế giới quan triết học khoa học, một trong những bộ phận cấu thành **chủ nghĩa Mác-Lê-nin**, phương pháp nhận thức tổng quát các quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Chủ nghĩa duy vật biện chứng do C. Mác và Ph. Ăng-ghen sáng lập, sau đó được V. I. Lê-nin phát triển thêm. Triết học Mác là triết học duy vật, bởi vì cơ sở của nó là học thuyết về thực chất duy vật của thế giới,

coi thế giới là vật chất vô cùng tận trong không gian và thời gian. Triết học này là triết học biện chứng, bởi vì nó công nhận mối tương quan chung giữa các đối tượng và hiện tượng của thế giới, coi sự vận động và phát triển của thế giới là kết quả của những mâu thuẫn nội tại.

DUY VẬT LỊCH SỬ—nhận thức lịch sử theo chủ nghĩa duy vật, khoa học về những quy luật chung và động lực phát triển xã hội, bộ phận cấu thành quan trọng nhất của **chủ nghĩa Mác-Lê-nin**. Chủ nghĩa duy vật lịch sử được C. Mác và Ph. Ăng-ghen xây dựng và Lê-nin phát triển. Những nhà sáng lập chủ nghĩa duy vật lịch sử chứng minh một cách khoa học rằng xã hội phát triển theo những quy luật nhất định, rằng nhân dân, quần chúng lao động là người sáng tạo lịch sử chân chính. Chủ nghĩa duy vật lịch sử chỉ ra rằng những mâu thuẫn giữa **lực lượng sản xuất** và **quan hệ sản xuất** được giải quyết trong quá trình **đấu tranh giai cấp** (động lực phát triển của xã hội đối kháng), trong quá trình phá vỡ quan hệ sản xuất cũ và thiết lập quan hệ sản xuất mới, tiến bộ phù hợp với lực lượng sản xuất đã lớn mạnh. Chủ nghĩa duy vật lịch sử chứng minh việc xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa là giai đoạn tất yếu, mang tính quy luật của sự phát triển xã hội.

DUY Ý (CHỦ NGHĨA)—một trong những trào lưu triết học duy tâm công nhận ý chí của những cá nhân là nguyên tắc cao nhất của sự phát triển xã hội. Trong đời sống chính trị xã hội, nó biểu hiện ở chỗ

xem thường những định luật khách quan của quá trình lịch sử và áp đặt ý muốn, quyết định chủ quan trái với hoàn cảnh thực tế, trái với những nhu cầu thật sự của xã hội.

Đ

ĐẢNG—tổ chức chính trị thể hiện lợi ích của giai cấp xã hội nhất định (các đảng công nhân, tư sản, nông dân, dân chủ cách mạng, v. v.). Sự tồn tại của một đảng gắn bó với cuộc đấu tranh để giành chính quyền, thỏa mãn những lợi ích giai cấp và đạt tới mục tiêu cuối cùng của giai cấp đó. Các đảng cộng sản và công nhân mác-xít lê-nin-nít là những người thể hiện triệt để nhất lợi ích của **giai cấp công nhân** và quần chúng lao động. Các đảng đó là lực lượng tiên phong trong cuộc đấu tranh vì **dân chủ**, **chủ nghĩa xã hội**, hòa bình và độc lập dân tộc. Trong các nước giai cấp công nhân nắm chính quyền, các đảng này lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và **chủ nghĩa cộng sản**. Do kết quả hoàn thành xây dựng **chủ nghĩa xã hội phát triển** ở Liên Xô, Đảng Cộng sản Liên Xô vẫn là đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của toàn thể nhân dân, là lực lượng lãnh đạo và dắt dẫn toàn dân đấu tranh cho hòa bình và xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN XÔ—hình thức tổ chức chính trị-xã hội cao nhất của **giai cấp công nhân** và toàn thể nhân dân Liên Xô, đội tiên phong chính

trị và tư tưởng của họ, lực lượng lãnh đạo và dắt dẫn xã hội Liên Xô, hạt nhân của hệ thống chính trị và các tổ chức Nhà nước, đoàn thể xã hội của xã hội đó. Đảng đoàn kết bộ phận tiên tiến, giác ngộ nhất của giai cấp công nhân, **nông dân** tập thể và **trí thức** trong nước theo các nguyên tắc tình nguyện. V. I. Lê-nin là người xây dựng và tổ chức Đảng Cộng sản Liên Xô.

Thoạt đầu (từ Đại hội lần thứ nhất, năm 1898), Đảng có tên gọi là Đảng Công nhân Dân chủ-Xã hội Nga. Trong Đại hội lần thứ hai (năm 1903) của Đảng xuất hiện hai trào lưu: những người bôn-sê-vích (những nhà mác-xít cách mạng) đoàn kết xung quanh Lê-nin, và những người men-sê-vích (bọn cơ hội chủ nghĩa). Lê-nin viết: «Chủ nghĩa bôn-sê-vích tồn tại như một trào lưu tư tưởng chính trị và như một chính đảng từ năm 1903» (Toàn tập, tập 41, tr. 6). Trong những năm 1917-1918, Đảng được gọi là Đảng Công nhân Dân chủ-Xã hội (bôn-sê-vích) Nga. Đại hội lần thứ 7 (năm 1918) đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Nga. Đại hội lần thứ 14 (năm 1925)—Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Liên Xô. Đảng Cộng sản Liên Xô là tên gọi chính thức từ Đại hội lần thứ 19 (năm 1952).

Cương lĩnh đầu tiên của Đảng (thông qua tại Đại hội lần thứ 2) đã đề ra nhiệm vụ tiến hành cuộc **cách mạng xã hội chủ nghĩa** ở Nga và thiết lập **chuyên chính vô sản.** Sau **Cách mạng Xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại** (năm 1917), Đại hội lần thứ 8 của Đảng (năm 1919) đã thông qua Cương lĩnh mới—cương lĩnh xây dựng **chủ nghĩa xã hội**. Cương lĩnh này đã được thực hiện và Đại hội lần thứ 22 Đảng Cộng sản Liên

Xô (năm 1961) đã thông qua Cương lĩnh thứ ba— cương lĩnh xây dựng **chủ nghĩa cộng sản** ở Liên Xô. Đại hội lần thứ 26 (năm 1981) đã quyết định sửa đổi và bổ sung cương lĩnh này và chuẩn bị Cương lĩnh mới của Đảng Cộng sản Liên Xô phản ánh những biến đổi trong cơ cấu kinh tế-xã hội của đất nước, những hiện tượng mới trong đời sống quốc tế và thực tiễn **chung sống hòa bình giữa các nước** có chế độ xã hội khác nhau, cũng như xác định rõ hơn những nhiệm vụ dài hạn.

Đảng đã phát động giai cấp vô sản và nông dân lao động Nga đấu tranh chống chế độ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa, tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng Xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại năm 1917 và thiết lập chuyên chính vô sản. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân Liên Xô liên minh với nông dân lao động đã giành thắng lợi trong cuộc **nội chiến** và **can thiệp** của các nước đế quốc. Đảng đã tổ chức nhân dân lao động xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các giai cấp **bóc lột** đã bị **thủ tiêu,** công cuộc **công nghiệp hóa, tập thể hóa nông nghiệp và cách mạng văn hóa** đã được tiến hành ở Liên Xô. Đã hình thành và củng cố khối thống nhất về tư tưởng và chính trị-xã hội của nhân dân Liên Xô, đã chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh Giữ nước vĩ đại (1941-1945) và xây dựng **xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển,** mở đầu thời kỳ xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

Trong hoạt động, Đảng Cộng sản Liên Xô lấy kim chỉ nam là học thuyết **Mác-Lê-nin,** xây dựng công tác theo những nguyên tắc lãnh đạo tập thể, **tập trung**

dân chủ, dựa vào tính tích cực và sáng tạo của những người cộng sản, phát huy phê bình và tự phê bình. Đảng tích cực giáo dục những người xô-viết thành những người phát triển toàn diện, thỏa mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng tăng của nhân dân Liên Xô.

Đảng Cộng sản Liên Xô thực hiện vai trò lãnh đạo và dắt dẫn bằng con đường phát triển và tuyên truyền lý luận Mác-Lê-nin, nghiên cứu một cách khoa học những triển vọng phát triển của xã hội, lựa chọn và bố trí cán bộ bảo đảm việc thực hiện những nghị quyết của Đảng trong mọi tổ chức Nhà nước và xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô, phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế và xã hội của Liên Xô trong những năm tới (thường theo thời hạn 5 năm) được vạch ra. Đảng không thay thế các tổ chức Nhà nước và xã hội, mà thông qua các đảng đoàn trong các tổ chức này để thực hiện chính sách và các nghị quyết của Đảng.

Trong hoạt động, những người cộng sản chấp hành Cương lĩnh và Điều lệ Đảng. Cơ quan tối cao của Đảng là đại hội được triệu tập 5 năm một lần, còn trong thời gian giữa hai đại hội—Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô. Tính tới ngày 1-2-1981, Đảng Cộng sản Liên Xô có 17480000 đảng viên chính thức và dự bị. Hơn một nửa số đảng viên đó (56,2%) là công nhân và nông dân.

Đảng Cộng sản Liên Xô là bộ phận không tách rời khỏi phong trào cộng sản quốc tế, không ngừng đấu tranh cho sự thống nhất của phong trào. Trên trường

quốc tế, Đảng tiếp tục củng cố tình hữu nghị và sự hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đẩy mạnh hợp tác với các nước đã thoát khỏi xiềng xích của chủ nghĩa thực dân, phát triển quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa theo điều kiện cùng có lợi, vì hòa bình, tự do và độc lập của các dân tộc. **Cương lĩnh hòa bình** của Đại hội Đảng lần thứ 24 họp năm 1971 (Cương lĩnh tiếp tục đấu tranh cho hòa bình và hợp tác quốc tế, vì tự do và độc lập của các dân tộc thông qua trong Đại hội Đảng lần thứ 25, năm 1976) là kim chỉ nam chắc chắn cho tất cả các dân tộc đấu tranh nhằm làm dịu hẳn tình hình quốc tế.

ĐẠO ĐỨC (luân lý)—dạng ý thức xã hội bao gồm toàn bộ các tiêu chuẩn và nguyên tắc cư xử trong xã hội, trong gia đình. Dựa vào dư luận xã hội, vào chính kiến, truyền thống và tập quán, đạo đức thể hiện qua những hành vi của con người, qua thái độ của con người đối với lao động, gia đình, tập thể và xã hội. Đạo đức mang tính chất giai cấp, do đó các giai cấp khác nhau có quan niệm khác nhau về đạo đức và không đạo đức, về điều thiện và điều ác. Ví dụ, ngoài những tiêu chuẩn đạo đức chung của con người như thái độ nhân đạo, thành thực, kính trọng nhau giữa những người trong gia đình, không nhân nhượng những chuyện bất công, v. v., tiêu chuẩn đạo đức của những người xây dựng **chủ nghĩa cộng sản** còn xác định: lòng trung thành đối với sự nghiệp chủ nghĩa cộng sản, tình hữu nghị và anh em giữa các dân tộc ở Liên Xô, thái độ không khoan nhượng đối với sự hằn thù dân tộc và

chủng tộc, đoàn kết anh em với nhân dân lao động tất cả các nước.

ĐẤU TRANH GIAI CẤP—đấu tranh giữa các giai cấp có quyền lợi không giống nhau hoặc trái ngược nhau. Đấu tranh giai cấp là nội dung chủ yếu và động lực lịch sử của mọi xã hội chia thành các giai cấp đối kháng. Trong **chủ nghĩa tư bản**, đấu tranh giai cấp thể hiện qua đấu tranh của người lao động, đứng đầu là **giai cấp công nhân**, chống lại sự thống trị của giai cấp tư bản. Cuộc đấu tranh này được tiên quyết bằng những **quan hệ sản xuất** hình thành giữa hai giai cấp chủ yếu của xã hội tư bản chủ nghĩa—**giai cấp vô sản** và **giai cấp tư sản**, từ sự đối lập cơ bản về địa vị kinh tế và chính trị của họ trong xã hội.

Giai cấp vô sản tiến hành đấu tranh giai cấp dưới ba hình thức chính: đấu tranh kinh tế, đấu tranh chính trị và đấu tranh tư tưởng. Trong điều kiện ngày nay, đấu tranh kinh tế ngày càng kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị. Do kết quả đấu tranh giai cấp, nhân dân lao động một số nước tư bản chủ nghĩa đã đòi được tăng **lương** thêm ít nhiều, giảm số giờ làm việc trong tuần, nghỉ phép có lương, có đại diện trong các cơ quan tự quản địa phương và trong nghị viện. Xét tới cùng, đấu tranh giai cấp sẽ dẫn tới **cách mạng xã hội chủ nghĩa**.

Trong **thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội**, đấu tranh giai cấp thể hiện qua cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đã giành được quyền lực Nhà nước liên minh với các tầng lớp nhân dân lao động khác để bẻ gãy sức chống cự của các giai cấp

bóc lột bị lật đổ và các thế lực phản động quốc tế ủng hộ chúng, vì sự cải tạo xã hội bằng cách mạng và thắng lợi của **chủ nghĩa xã hội**.

ĐẤU TRANH TƯ TƯỞNG—một trong những hình thức **đấu tranh giai cấp** giữa **chủ nghĩa xã hội** và **chủ nghĩa tư bản**. Đấu tranh tư tưởng mà các lực lượng xã hội chủ nghĩa tiến hành trên toàn thế giới là: phổ biến những tri thức khoa học về sự phát triển của xã hội, vạch trần bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản, chứng minh sự diệt vong về mặt lịch sử của chủ nghĩa tư bản, phát hiện **sứ mạng lịch sử của giai cấp vô sản** là người xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa. Mục đích đấu tranh tư tưởng của giai cấp tư sản là chứng minh sự bất biến của chủ nghĩa tư bản, đánh lạc hướng quần chúng khỏi việc giải quyết các vấn đề xã hội, vun xới thái độ bi quan, lòng hám lợi, chủ nghĩa cá nhân và sự bôi xấu những thành tựu của các nước xã hội chủ nghĩa và hệ tư tưởng của giai cấp công nhân—**chủ nghĩa Mác-Lê-nin**, gièm pha chính sách của chính phủ các nước xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đấu tranh tư tưởng, **tuyên truyền** tư sản mưu toan bôi đen những thành tựu và ưu việt của hệ thống kinh tế và chính trị của chủ nghĩa xã hội, đối lập các dân tộc với nhau.

ĐẾ QUỐC (CHỦ NGHĨA)—**chủ nghĩa tư bản** lũng đoạn, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản chuyển sang chủ nghĩa đế quốc trong thời kỳ tiếp giáp giữa hai thế kỷ 19 và 20, khi sự thống trị kinh tế của tư bản **lũng đoạn** và **tư bản** tài chính

được bổ sung thêm bằng quyền lực chính trị tuyệt đối của hai nhóm tư bản này và việc phân chia đất đai trên thế giới giữa các nước tư bản lớn cũng kết thúc. Sự phát triển không đồng đều, bột phát của chủ nghĩa tư bản làm gay gắt thêm mâu thuẫn và cuộc tranh giành thị trường tiêu thụ và nguồn nguyên liệu giữa các nước đế quốc, nhằm xâm chiếm lãnh thổ các nước khác và nô dịch các dân tộc, giành giật quyền thống trị thế giới, dẫn tới các cuộc chiến tranh cục bộ và chiến tranh thế giới có sức tàn phá lớn. Xã hội xã hội chủ nghĩa (giai đoạn đầu của **chủ nghĩa cộng sản**) không có nạn người **bóc lột** người nhất định sẽ thay thế chủ nghĩa đế quốc.

«ĐÔ-LA DẦU MỎ»—ngoại tệ đô-la mà **các nước đang phát triển** tích lũy được bằng xuất khẩu dầu mỏ. Nhiều nước thành viên OPEC, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ, không những đã thiết lập sự kiểm soát hiệu nghiệm đối với tài nguyên thiên nhiên của mình, mà còn nhiều lần nâng giá dầu mỏ, do đó cho phép bồi thường những thiệt hại lớn về vật chất trong quá khứ do chính sách cướp bóc của các công ty **lũng đoạn** dầu mỏ phương Tây gây ra. Các thành viên OPEC dùng một phần «đô-la dầu mỏ» dưới hình thức viện trợ không hoàn lại hoặc cho các nước đang phát triển nhập khẩu dầu mỏ vay theo điều kiện ưu tiên. Nhưng khả năng sử dụng vào sản xuất những thu nhập tăng nhanh của các nước khai thác dầu mỏ rất hạn chế. Do đó, các thành viên OPEC gửi tiền không sử dụng tới trong các nước tư bản phát triển, mua quốc trái và cổ phiếu của các công ty thương mại, công nghiệp

và ngân hàng. Chính phủ các nước tư bản phát triển ra sức kiểm soát sự phổ biến «đô-la dầu mỏ», giữ các nước xuất khẩu dầu mỏ trẻ tuổi trong quỹ đạo ảnh hưởng của mình. Nhằm mục đích đó, chính phủ các nước này theo dõi sao cho việc đầu tư «đô-la dầu mỏ» chỉ hạn chế trong số các công ty không có ý nghĩa quan trọng.

ĐỘC QUYỀN—xem LŨNG ĐOẠN.

ĐỘC QUYỀN LÃNH ĐẠO—sự đứng đầu, vai trò lãnh đạo, ưu thế về lực lượng và ảnh hưởng. Độc quyền lãnh đạo của **giai cấp vô sản** là việc giai cấp vô sản lãnh đạo các giai cấp khác trong xã hội đấu tranh cách mạng để lật đổ ách thống trị của giai cấp tư bản lũng đoạn, còn sau thắng lợi của **cách mạng xã hội chủ nghĩa,** lãnh đạo cuộc đấu tranh nhằm xây dựng **chủ nghĩa xã hội** và **chủ nghĩa cộng sản**.

ĐỘC TÀI—xem CHUYÊN CHÍNH, ĐỘC TÀI.

ĐỒNG MINH CHỐNG HÍT-LE (KHỐI)—liên minh của các nước và các dân tộc hoạt động trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai (1939—1945) chống khối phát xít bao gồm phát xít Đức, Ý, Nhật và các chư hầu. Liên minh này bắt đầu hình thành tháng 6-1941, khi chính phủ Anh và chính phủ Mỹ tuyên bố sẵn sàng ủng hộ Liên Xô là nước bị phát xít Đức tấn công. Tới cuối chiến tranh, ngoài Liên Xô là nước đã góp phần quyết định vào việc đánh bại kẻ thù chung, Mỹ, Pháp, Anh và Trung Quốc ra,

trong khối Đồng minh chống Hít-le còn có gần 50 nước hoặc tham gia hoạt động quân sự chống Hít-le hoặc cung cấp nguyên liệu quốc phòng (ví dụ, Mê-hi-cô).

G

GIAI CẤP CÔNG NHÂN—**lực lượng sản xuất** chính của xã hội ngày nay, động lực chính của **thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.** Địa vị xã hội của giai cấp công nhân trong chủ nghĩa xã hội khác về cơ bản với địa vị của họ trong chủ nghĩa tư bản. Trong chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân là những người làm thuê tạo ra của cải vật chất nhưng bị tước đoạt **tư liệu sản xuất** và bị tư bản **bóc lột**. Giai cấp công nhân trong các nước tư bản đóng vai trò chủ đạo trong cuộc đấu tranh chống các tập đoàn **lũng đoạn** đế quốc, vì tiến bộ xã hội. Trong chủ nghĩa xã hội, đó là những người lao động trong các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa toàn dân đang tạo ra của cải vật chất. Toàn bộ tiến trình phát triển lịch sử đã đưa giai cấp công nhân lên giữ vai trò chủ đạo trong cuộc đấu tranh vì tiến bộ xã hội, vì chủ nghĩa xã hội (xem SỨ MẠNG LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN, GIAI CẤP XÃ HỘI, LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT).

GIAI CẤP XÃ HỘI—các giai cấp trong xã hội là «những nhóm người đông, khác nhau về chỗ đứng của họ trong hệ thống lịch sử nhất định của sản xuất xã hội, về quan hệ của họ (phần lớn được xác nhận

và ghi trong luật pháp) đối với tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong việc tổ chức lao động xã hội, và do đó về phương thức thu nhập và mức của cải xã hội mà họ có. Giai cấp là những nhóm người, nhóm này có thể chiếm đoạt lao động của nhóm khác, do giữ vị trí khác nhau trong hình thái nhất định của kinh tế xã hội». Đây là định nghĩa của V. L. Lê-nin (Toàn tập, tập 39, tr. 15) về các giai cấp trong xã hội đối kháng. Quan hệ của các giai cấp trong xã hội này không tránh khỏi dẫn tới **đấu tranh giai cấp**. Các giai cấp chủ yếu trong xã hội tư bản là tư bản (có **tư liệu sản xuất**) và **vô sản (giai cấp công nhân** bị bọn tư bản tước đoạt tư liệu sản xuất và bóc lột). Phần đông các nước tư bản chủ nghĩa còn có những giai cấp như tiểu **tư sản** (nông dân, tiểu chủ, thợ thủ công, v.v.). Một số nước có giai cấp địa chủ. Giai cấp này ngày càng gắn bó với giai cấp tư sản. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển dựa trên chế độ **sở hữu xã hội** đối với **tư liệu sản xuất**, có giai cấp công nhân—lực lượng chủ đạo của xã hội và các đồng minh của giai cấp đó là **nông dân** tập thể, **trí thức** nhân dân và viên chức.

GIẢI TRỪ QUÂN BỊ—hệ thống biện pháp nhằm thủ tiêu hoàn toàn, giảm rõ rệt hoặc hạn chế các phương tiện tiến hành chiến tranh, tạo những tiền đề loại trừ nguy cơ xuất hiện chiến tranh. Trong điều kiện ngày nay, do xuất hiện vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí giết người hàng loạt khác có sức tàn phá rất lớn, cho nên giải trừ quân bị trở thành vấn đề quốc tế tối quan trọng đòi hỏi phải giải quyết không trì hoãn. Chính phủ các nước xã hội chủ nghĩa, tất cả loài người tiến

bộ đều triệt để ủng hộ giải trừ quân bị. Theo sáng kiến của Liên Xô, hàng loạt hiệp định quốc tế có tác dụng hạn chế **chạy đua vũ trang** một phần nào đã được ký. Đó là: Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân trong bầu khí quyển, trong khoảng không vũ trụ và dưới nước, năm 1963; Hiệp ước về nguyên tắc hoạt động của các nước trong việc sử dụng khoảng không vũ trụ, kể cả Mặt trăng và các thiên thể khác, năm 1967; Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân, năm 1968; Hiệp ước cấm đặt vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí giết người hàng loạt khác trên đáy hoặc trong lòng đất đáy biển và đại dương, năm 1971; Công ước về cấm chế tạo, sản xuất và tàng trữ vũ khí vi trùng (sinh học) và vũ khí hóa độc, cũng như thủ tiêu những vũ khí này, năm 1972; Công ước cấm sử dụng các phương tiện tác động tới môi trường thiên nhiên vào mục đích quân sự hoặc bất kỳ mục đích thù địch nào khác, năm 1978, v. v.. Riêng những năm gần đây, Liên Xô đã nhiều lần tuyên bố sẵn sàng tiến hành đàm phán về việc hạn chế và giảm bớt vũ khí hạt nhân ở châu Âu, hạn chế và giảm bớt các vũ khí chiến lược mạnh và nguy hiểm nhất. Phía Mỹ đáng nhẽ phải hưởng ứng những đề nghị này nhưng lại lảng tránh đàm phán, đồng thời tăng cường chạy đua vũ trang dưới chiêu bài «**nguy cơ xô viết**» do họ nặn ra. Cũng có thể nhắc tới hàng loạt vấn đề rất quan trọng khác có thể được giải quyết, nếu đạt tới sự hiểu biết lẫn nhau, trước hết giữa Liên Xô và Mỹ. Nói riêng, cuộc đàm phán Xô—Mỹ về việc hạn chế và giảm bớt vũ khí tên lửa hạt nhân tầm trung bình ở châu Âu (mở đầu từ cuối năm 1981 ở Giơ-ne-vơ) giữ vị trí quan trọng trong

cuộc đấu tranh đòi giải trừ quân bị. Đấu tranh đòi giải trừ quân bị là một trong những nguyên tắc quan trọng nhất của chính sách đối ngoại Liên Xô (xem LÀM DỊU TÌNH HÌNH QUỐC TẾ CĂNG THẲNG và CƯƠNG LĨNH HÒA BÌNH).

H

HỆ THỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THẾ GIỚI— cộng đồng xã hội, kinh tế và chính trị của các nước đang xây dựng **chủ nghĩa xã hội** và **chủ nghĩa cộng sản**, đấu tranh cho sự nghiệp hòa bình và an ninh của các dân tộc, vì lợi ích của những người lao động. **Cách mạng Xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại** năm 1917 ở nước Nga đã mở đầu thời kỳ quá độ của xã hội loài người từ **chủ nghĩa tư bản** lên chủ nghĩa xã hội. Năm 1921, với sự giúp đỡ anh em của nước Nga xô viết, con đường phát triển lên chủ nghĩa xã hội đã mở ra trước nước Mông Cổ. Những năm 1944—1949, hàng loạt nước châu Á và châu Á đã tiến hành các cuộc **cách mạng dân chủ nhân dân** và **xã hội chủ nghĩa**. Trong những năm đó, các nước An-ba-ni, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, miền Bắc Việt Nam, Cộng hòa Dân chủ Đức, Trung Quốc, Cộng Hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Ba Lan, Ru-ma-ni, Tiệp Khắc và Nam Tư đã bước vào con đường xã hội chủ nghĩa. Giữa những năm 50—60, cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thắng lợi ở Cu-ba. Giữa năm 1976, nước Việt Nam đã thống nhất hai miền, tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa. Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân

dân Lào xuất hiện trên bản đồ chính trị thế giới. Nếu những năm 1917—1919, chủ nghĩa xã hội mới chỉ chiếm 16% diện tích các lục địa, 8% dân số thế giới và không đầy 3% sản lượng công nghiệp thế giới, thì tới năm 1982, các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới chiếm khoảng 26% diện tích thế giới với gần một phần ba loài người và cung cấp hơn 40% sản lượng công nghiệp thế giới.

HỆ TƯ TƯỞNG—toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp quyền, khoa học, triết học, tôn giáo, đạo đức, nghệ thuật. Hệ tư tưởng mang tính giai cấp. Trong xã hội, hệ tư tưởng thống trị là hệ tư tưởng của giai cấp thống trị về kinh tế và chính trị. Ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, hệ tư tưởng thống trị là hệ tư tưởng Mác-Lê-nin thể hiện những quyền lợi sống còn của **giai cấp công nhân** và phục vụ việc cải tạo xã hội theo những nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản. Ở các nước tư bản, hệ tư tưởng thống trị là hệ tư tưởng của **tư sản** đế quốc, hệ tư tưởng này bảo vệ chế độ tư bản chủ nghĩa.

HIẾN PHÁP—luật cơ bản của một nước xác định cơ cấu xã hội và Nhà nước, các nguyên tắc bầu cử, cấu trúc các cơ quan quyền lực, các quyền lợi và trách nhiệm chủ yếu của công dân. Hiến pháp phản ánh tương quan lực lượng giai cấp trong Nhà nước khi văn kiện này được thông qua. Ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, hiến pháp được thông qua sau khi đã được toàn dân thảo luận. Ví dụ, hơn 4/5 dân cư trong nước đã tham gia thảo luận trong vòng

4 tháng dự thảo Hiến pháp mới của Liên Xô. Kết quả 60 năm xây dựng Nhà nước xô viết được phản ánh trong Luật cơ bản mới của nước xã hội chủ nghĩa phát triển thông qua tại kỳ họp tháng 10-1977 của Xô viết Tối cao Liên Xô.

Khác với các nước tư bản, hiến pháp của các nước xã hội chủ nghĩa không chỉ tuyên bố các quyền lợi và quyền tự do của công dân, mà còn ghi rõ những bảo đảm thật sự về các quyền đó.

HIỆP ƯỚC BẮC ĐẠI TÂY DƯƠNG—xem TỔ CHỨC HIỆP ƯỚC BẮC ĐẠI TÂY DƯƠNG.

HIỆP ƯỚC VÁC-SA-VA—ký tại Vác-sa-va (năm 1955). Đây là Hiệp ước Hữu nghị, Hợp tác và Tương trợ của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu: An-ba-ni (năm 1968, nước này tuyên bố rút ra khỏi Hiệp ước Vác-sa-va), Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Cộng hòa Dân chủ Đức, Ba Lan, Ru-ma-ni, Liên Xô và Tiệp Khắc. Các nước tham gia Hiệp ước Vác-sa-va thành lập bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang thống nhất, Hội đồng quân sự, Ủy ban các bộ trưởng quốc phòng, Ủy ban các bộ trưởng ngoại giao và Ban thư ký thống nhất của Hiệp ước Vác-sa-va. Cơ quan tối cao của Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va là Ủy ban Chính trị Hiệp thương.

Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va được thành lập để bảo đảm an ninh của các nước **xã hội chủ nghĩa** bị đe dọa từ phía khối **NATO**. Liên minh chính trị, quân sự và phòng thủ này của các nước xã hội chủ nghĩa trung thành phục vụ hòa bình và theo đuổi mục đích chính là bảo vệ vững chắc những thành quả xã hội

chủ nghĩa của các dân tộc anh em trước sức ép của bọn đế quốc. Các nước thành viên Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va trước sau như một đấu tranh nhằm **làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng**, chống mọi hành động **xâm lược** của đế quốc ở bất kỳ vùng nào trên thế giới, tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc.

Các nước tham gia Hiệp ước Vác-sa-va đòi chấm dứt **chạy đua vũ trang**, giảm bớt và thủ tiêu vũ khí hạt nhân, cấm hoàn toàn và triệt để mọi cuộc thử vũ khí hạt nhân, cấm và hủy bỏ vũ khí hóa học, cấm chế tạo các loại mới và các hệ thống mới vũ khí giết người hàng loạt; các nước này sẵn sàng giải thể tổ chức của mình đồng thời với việc giải tán khối NATO. Nhưng khi nào khối NATO còn tồn tại và tăng cường tiềm lực quân sự của mình (xem CHẠY ĐUA VŨ TRANG), thì các nước tham gia Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va cũng thi hành mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm an ninh vững chắc cho nhân dân nước mình. Trong trường hợp một nước thành viên Hiệp ước Vác-sa-va bị tấn công, thì các thành viên khác sẽ giúp đỡ về quân sự cho nước này. Các nước tham gia Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va sẽ không mở rộng thành phần của mình, nếu các thành viên khối NATO cũng cam kết như vậy.

HÌNH THÁI XÃ HỘI-KINH TẾ—bậc phát triển tiến bộ của xã hội loài người. Cơ sở của mỗi hình thái xã hội-kinh tế là **phương thức sản xuất** của cải vật chất gắn liền với hình thái đó. Phương thức sản xuất này là sự thống nhất giữa **lực lượng sản xuất** và **quan hệ sản xuất.** Trong lịch sử đã có những hình thái

xã hội-kinh tế kế tiếp nhau như sau: công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Mỗi hình thái xã hội-kinh tế có thượng tầng kiến trúc chính trị và tư tưởng nhất định (tư tưởng, các tổ chức và cơ quan). Khái niệm về hình thái xã hội-kinh tế lần đầu tiên do Các Mác nêu lên. Nó cho phép xem xét xã hội loài người trong mỗi thời kỳ phát triển của nó như một cơ chế xã hội thống nhất.

HÌNH THỨC QUÁ ĐỘ HÒA BÌNH VÀ KHÔNG HÒA BÌNH LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI—những hình thức quá độ cách mạng lên **chủ nghĩa xã hội** phụ thuộc vào điều kiện lịch sử cụ thể, tùy theo sự phân bố và tương quan lực lượng giai cấp trong nước. Những người mác-xít cho rằng cần áp dụng hình thức quá độ hòa bình một khi điều kiện cho phép, còn nếu cần thiết thì có thể dùng hình thức không hòa bình. Lựa chọn con đường nào, điều đó phụ thuộc vào sức chống cự của các giai cấp thống trị, vào truyền thống, vai trò và vị trí của nghị viện trong đời sống xã hội của một nước và hàng loạt điều kiện khác. Ở nước Nga, giai cấp tư sản đã liên minh với đế quốc bên ngoài gây ra **nội chiến** để chống giai cấp công nhân. Trong cuộc nội chiến này, bọn can thiệp nước ngoài và bọn phản cách mạng trong nước đã thua và bị tống cổ ra khỏi nước Nga.

Việc thành lập **hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới**, sự tan rã hệ thống thuộc địa và sự lớn mạnh của các lực lượng tiến bộ trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, việc mở rộng cơ sở xã hội của phong trào

cách mạng trong điều kiện hiện nay cho phép một số nước đặt vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội, không qua cuộc **khởi nghĩa vũ trang** và nội chiến. Chính việc đẩy mạnh hoạt động của những người cộng sản trong nghị viện và việc sử dụng các cơ quan dân chủ giúp tạo điều kiện này. Cũng không thể loại trừ rằng, trong giai đoạn phát triển nhất định của **cách mạng**, quần chúng sẽ phải cầm lấy vũ khí, nếu các giới cầm quyền chuyển sang đàn áp phong trào cách mạng bằng bạo lực và vũ khí.

«HIỂM HỌA LIÊN XÔ»—chiến dịch tuyên truyền chống Liên Xô nhằm phổ biến luận điệu bày đặt rằng Liên Xô dường như đang đe dọa các nước tư bản chủ nghĩa. Luận điệu xằng bậy này được các thế lực **đế quốc** xâm lược tung ra để bào chữa cho cuộc **chạy đua vũ trang** mang lại cho bọn trùm **tổ hợp công nghiệp-quân sự** những lợi nhuận khổng lồ. Thực tế, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác không đe dọa ai và không có ý định tấn công ai. Mức độ vũ trang và lực lượng vũ trang của các nước tham gia **Hiệp ước Vác-sa-va** và **NATO** ở mức độ gần ngang nhau, mỗi bên có khoảng hơn 98 vạn người. Liên Xô đã đề nghị hai bên cùng cam kết không dùng vũ khí hạt nhân đầu tiên để chống nhau nhưng đề nghị này bị các nước thành viên NATO khăng khăng cự tuyệt. Liên Xô vẫn giữ nguyên và thậm chí còn giảm bớt chi phí quân sự, trong khi đó ngân sách quân sự của Mỹ không ngừng tăng thêm, còn các nước NATO trong những năm 1971—1975 đã tăng chi phí quân sự hơn gấp đôi. Không phải Liên Xô, mà là Mỹ đã đặt hàng chục

căn cứ quân sự có máy bay oanh tạc và tầu ngầm mang vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí chiến lược khác dọc theo suốt đường biên giới Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Chính Liên Xô đã đề nghị ký Hiệp ước quốc tế về việc không dùng vũ lực trong quan hệ giữa các nước, cấm chế tạo các loại và hệ thống vũ khí mới giết người hàng loạt, ký hiệp định về việc Liên Xô và Mỹ cùng rút tầu chiến và tầu ngầm mang vũ khí hạt nhân ra khỏi Địa Trung Hải, hiệp ước cấm hoàn toàn và đồng khắp các vụ thử vũ khí hạt nhân. Chỉ tính riêng những năm gần đây, Liên Xô đã đưa ra hơn 100 đề nghị nhằm **giải trừ quân bị** và bảo đảm an ninh của các dân tộc. Nhưng phần lớn những đề nghị đó cho đến nay vẫn không được những kẻ chống đối giải trừ quân bị chấp nhận.

HÒA HOÃN QUỐC TẾ—xem LÀM DỊU TÌNH HÌNH QUỐC TẾ CĂNG THẲNG.

HOẠT ĐỘNG KHỦNG BỐ—chính sách và hành động đe dọa, gây khiếp đảm và đàn áp các đối thủ chính trị, kể cả thủ tiêu đối thủ. Làn sóng khủng bố đẫm máu ngày nay đang dâng cao trong nhiều nước, trên khắp thế giới. Các nhà hoạt động Nhà nước, chính trị, tôn giáo trở thành nạn nhân của hoạt động khủng bố từ phía các thế lực phản động. Mặc dù không vụ nào giống vụ nào, người ta vẫn thấy khá rõ mục tiêu chung của hoạt động khủng bố là: làm mất ổn định đời sống chính trị các nước, thủ tiêu nền **dân chủ**, tạo điều kiện cho việc thiết lập các chế độ độc tài phản động.

Hoàn toàn coi khinh quyền lợi và nguyện vọng thiết tha của các dân tộc, các giới **đế quốc** phản động nhất cố tình xuyên tạc cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và xã hội là hoạt động khủng bố. Các dân tộc đã hoặc đang trải qua cuộc đấu tranh chính nghĩa vì tự do và độc lập thấy rõ nhất tính chất xảng bậy này của luận điệu tuyên truyền tư sản.

HỘI ĐỒNG TƯƠNG TRỢ KINH TẾ—tổ chức quốc tế hợp tác nhiều bên về mặt kinh tế và khoa học kỹ thuật của các nước xã hội chủ nghĩa (bao gồm Ba Lan, Bun-ga-ri, Cu-ba, Cộng hòa Dân chủ Đức, Hung-ga-ri, Liên Xô, Mông Cổ, Ru-ma-ni, Tiệp Khắc, Việt Nam). Tổ chức này thành lập năm 1949 để giúp phát triển có kế hoạch nền **kinh tế** của các nước này, đẩy mạnh **liên kết** kinh tế xã hội chủ nghĩa, để xích lại gần và điều hòa mức độ phát triển kinh tế và không ngừng nâng cao mức sống vật chất của nhân dân các nước thành viên tổ chức này. Điều đó được thực hiện bằng phân công lao động giữa các nước xã hội chủ nghĩa, phối hợp các kế hoạch phát triển **kinh tế quốc dân,** chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất. Các nước thành viên Hội đồng Tương trợ Kinh tế giúp đỡ nhiều mặt cho **các nước đang phát triển** phát triển theo con đường tiến bộ xã hội và độc lập kinh tế, không bị lệ thuộc vào các nước đế quốc.

HƯỚNG THEO CHỦ NGHĨA XÃ HỘI—chính sách của một số **nước đang phát triển** nhằm thành lập những tiền đề để xây dựng các cơ sở của **chủ nghĩa**

xã hội. Cơ sở kinh tế-xã hội của chính sách hướng theo chủ nghĩa xã hội là **khu vực kinh tế quốc doanh**, còn cơ sở chính trị là chính quyền chuyển sang tay các lực lượng dân chủ cách mạng bao gồm **giai cấp công nhân, nông dân** lao động, **trí thức,** viên chức và binh sĩ yêu nước. Hướng theo chủ nghĩa xã hội, các nước thoát khỏi sự lệ thuộc vào chủ nghĩa thực dân tiến hành những cuộc cải tạo xã hội sâu sắc: ngăn chặn các **công ty lũng đoạn** nước ngoài cướp bóc tài nguyên nước mình, **tịch thu** tài sản của bọn phong kiến địa phương, chia ruộng đất cho nông dân, thành lập các hợp tác xã nông nghiệp trên cơ sở tình nguyện, củng cố khu vực kinh tế quốc doanh, **công nghiệp hóa**, ban hành luật pháp dân chủ thủ tiêu sự bất bình đẳng về mặt xã hội. Trong các nước hướng theo chủ nghĩa xã hội, mức sống vật chất của người lao động không ngừng được nâng cao, tình trạng nghèo khổ và **nạn thất nghiệp** bị thủ tiêu, ngành giáo dục nhân dân được mở rộng. Sự giúp đỡ của **hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới** là nhân tố lớn giúp các nước hướng theo chủ nghĩa xã hội thực hiện thành công các cuộc cải tạo xã hội.

K

KẾ HOẠCH HỢP TÁC HÓA CỦA LÊ-NIN— kế hoạch cải tạo nông nghiệp bằng con đường xã hội chủ nghĩa do V. I. Lê-nin (1870—1924), người sáng lập Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, đề ra. Là bộ phận cấu thành của kế hoạch xây dựng **chủ nghĩa xã hội** do Lê-nin đề ra, kế hoạch này dự định

hợp tác hóa tự nguyện dần dần, đoàn kết các nông hộ nhỏ thoạt đầu trong lĩnh vực lưu thông (tiêu thụ, cung cấp, tín dụng, tiêu dùng), và sau đó mở rộng sang lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Trong điều kiện **chuyên chính vô sản** dựa trên liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân lao động, hợp tác hóa rộng khắp là con đường tất nhiên và có lợi nhất đối với nông dân để thành lập các xí nghiệp nông nghiệp xã hội chủ nghĩa cơ khí hóa lớn. Lê-nin đã coi **công nghiệp hóa** xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho công cuộc cải tạo nông nghiệp và việc Nhà nước giúp đỡ nông dân về mặt tín dụng, cấp vốn, v. v. là những điều kiện cần thiết để tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp. Kinh nghiệm tập thể hóa ở Liên Xô đang được các nước xã hội chủ nghĩa và nhiều nước đang phát triển vận dụng sáng tạo, có tính đến đặc điểm và điều kiện lịch sử của nước mình.

KHỞI NGHĨA VŨ TRANG—cuộc tiến công vũ trang của các giai cấp hoặc nhóm xã hội nào đó chống chính quyền của giai cấp thống trị. Khởi nghĩa vũ trang là một trong những phương tiện quan trọng nhất của người lao động để giành chính quyền trong trường hợp giai cấp bóc lột thống trị tích cực chống lại bằng bạo lực. Ví dụ, sau khi không còn khả năng đấu tranh giành chính quyền bằng con đường hòa bình nữa, đêm 24 rạng ngày 25 tháng 10 năm 1917, công nhân, binh sĩ và lính thủy hạm đội Ban-tích đã nổi dậy lật đổ Chính phủ lâm thời tư sản Nga và giao chính quyền cho Xô viết đại biểu công nhân và binh lính là cơ quan đại diện của những người lao động và do họ bầu ra.

KHU VỰC PHI HẠT NHÂN—xem VÙNG PHI HẠT NHÂN.

KHU VỰC (KINH TẾ) QUỐC DOANH—lĩnh vực kinh tế quốc dân bao gồm những cơ quan và xí nghiệp dựa trên **sở hữu** Nhà nước đối với **tư liệu sản xuất**, do đó Nhà nước nhận một phần thu nhập của các xí nghiệp này để phục vụ lợi ích của các giai cấp thống trị. Trong các nước xã hội chủ nghĩa và **các nước đang phát triển**, khu vực quốc doanh là đòn bẩy mạnh để củng cố nền **kinh tế** dân tộc.

KHỦNG BỐ (CHÍNH SÁCH KHỦNG BỐ)—chính sách hăm dọa, làm khiếp sợ, cưỡng bức, đánh đập và cả giết hại những đối phương chính trị. Các đảng mác-xít lê-nin-nít cực lực lên án chính sách này.

KHỦNG HOẢNG—bước ngoặt, trạng thái chuyển tiếp nặng nề. Khủng hoảng kinh tế là sự thu hẹp hẳn sản xuất hàng hóa, hiện tượng thường xuyên lặp lại trong điều kiện **chủ nghĩa tư bản** do tình trạng sản xuất thừa và giảm sút sức tiêu thụ hàng hóa. Khủng hoảng kinh tế dẫn tới **thất nghiệp** tràn lan, hạ thấp hẳn mức sống (xem MỨC SỐNG) của người lao động. Khủng hoảng bắt nguồn từ mâu thẫn giữa tính chất xã hội của nền sản xuất và hình thức tư bản chiếm hữu sản phẩm của nền sản xuất này.

KIỂM TRA CÔNG NHÂN—hình thức can thiệp của **giai cấp công nhân** vào công việc quản lý các xí nghiệp tư bản. Hình thức này giúp công nhân có kinh nghiệm hoạt động kinh tế và quản lý sản xuất vì lợi ích của họ. Kiểm tra của công nhân thể hiện qua việc kiểm tra điều kiện lao động và tiền lương, việc cung cấp nguyên liệu và năng lượng, sản xuất và phân phối sản phẩm. Kinh nghiệm lịch sử của Nhà nước xô viết trong việc thực hiện chế độ kiểm tra của công nhân trong **thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội** đang được các nước xã hội chủ nghĩa khác áp dụng theo mức độ khác nhau và được nhân dân lao động trong **các nước đang phát triển** lưu ý tới.

KIỂM TRA NHÂN DÂN—chế độ kiểm tra của xã hội và Nhà nước ở Liên Xô được thực hiện với sự thu hút đông đảo quần chúng nhân dân lao động tham gia. Những hình thức phổ biến nhất của chế độ kiểm tra nhân dân là: kiểm tra Đảng, kiểm tra Nhà nước cũng như kiểm tra của các tổ chức công đoàn, hợp tác xã, thanh niên, hội tình nguyện, v.v.. Nhiệm vụ chính là kiểm tra việc chấp hành kỷ luật Nhà nước, pháp luật và chất lượng công tác của bộ máy quản lý.

KINH TẾ—1) toàn bộ **quan hệ sản xuất** nhất định trong lịch sử đặc trưng cho chế độ kinh tế của xã hội (ví dụ, kinh tế **tư bản chủ nghĩa** và kinh tế **xã hội chủ nghĩa**; 2) toàn bộ các ngành sản xuất (xem KINH TẾ QUỐC DÂN) của một vùng—huyện, tỉnh, nước (ví dụ, nền kinh tế Ấn Độ) hoặc các ngành kinh tế (ví dụ, kinh tế giao thông vận tải, kinh tế công nghiệp, v. v.).

KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC—khoa học về những quan hệ xã hội hình thành dưới tác động của các quy luật kinh tế khách quan trong quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng của cải vật chất. Kinh tế chính trị học nghiên cứu những vấn đề về quyền lợi của các **giai cấp xã hội** khác nhau, cho nên cũng mang mầu sắc giai cấp—tư sản, vô sản và tiểu tư sản.

Các Mác (1818—1883) đã đặt nền móng cho kinh tế chính trị học vô sản, thật sự khoa học. Ông đã phát hiện những quy luật về sự hình thành, phát triển và tiêu vong của **chủ nghĩa tư bản**, tìm ra cơ cấu bí mật của **bóc lột** tư bản chủ nghĩa, những mâu thuẫn không hòa hoãn giữa lao động và tư bản sẽ dẫn chủ nghĩa tư bản tới chỗ diệt vong. C. Mác đã chỉ rõ toàn bộ quá trình lịch sử chuẩn bị điều kiện cho sự xuất hiện và thắng lợi của **phương thức sản xuất** cộng sản chủ nghĩa. V. I. Lê-nin (1870—1924) đã phát triển sáng tạo học thuyết Mác trong điều kiện **chủ nghĩa đế quốc** và **cách mạng** vô sản, lập luận về **thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội**. Kinh tế chính trị học vô sản, mác-xít lê-nin-nít tiếp tục phát triển nhờ kết quả hoạt động lý luận của Đảng Cộng sản Liên Xô, các đảng cộng sản anh em, các nhà bác học mác-xít ở Liên Xô và các nước khác (nói riêng, đã vạch thảo những vấn đề kinh tế chính trị học của **chủ nghĩa xã hội**). Kinh tế chính trị học mác-xít lê-nin-nít là bộ phận cấu thành quan trọng nhất của **chủ nghĩa Mác-Lê-nin**.

KINH TẾ QUỐC DÂN—toàn bộ các ngành sản xuất trong một nước. Kinh tế quốc dân bao gồm các ngành công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, vận tải,

lưu thông hàng hóa, hệ thống tín dụng, v.v.. Trong **chủ nghĩa tư bản**, nền kinh tế dựa trên chế độ **sở hữu tư nhân** đối với **tư liệu sản xuất**, phát triển tự phát và trực tiếp nhằm thu lợi nhuận cho người tư bản. Chế độ **sở hữu xã hội** đối với tư liệu sản xuất là cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trong chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế quốc dân phát triển theo kế hoạch, không mắc **khủng hoảng** và lạm phát. Mục đích cao nhất của nền sản xuất xã hội là thỏa mãn đầy đủ nhất nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng tăng của mọi người.

KỲ THỊ CHỦNG TỘC—lý luận thù ghét con người dựa trên nhận định sai lầm rằng các chủng tộc loài người có giá trị khác nhau về mặt sinh học và tâm lý. Bọn kỳ thị chủng tộc mưu toan dùng lý luận này để bào chữa cho thái độ phân biệt đối xử đối với chủng tộc và dân tộc trong nước mình và chính sách xâm lược, cướp bóc nhân dân các nước khác. Lý luận này đang được các giới phản động sử dụng rộng rãi ở Mỹ, Cộng hòa Nam Phi, nơi các tổ chức khủng bố phân biệt màu da được giới cầm quyền khuyến khích đang hoạt động tích cực.

L

LÀM DỊU TÌNH HÌNH QUỐC TẾ CĂNG THẲNG—bước chuyển biến từ chính sách dựa vào vũ lực và «chiến tranh lạnh» sang các quan hệ bình thường, phẳng lặng giữa các nước, sang việc thực

hiện những nguyên tắc **cùng tồn tại hòa bình** và ổn định quan hệ hợp tác bình đẳng giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau. Làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng có nghĩa là sẵn sàng giải quyết các bất đồng và tranh chấp quốc tế, không phải bằng vũ lực và đe dọa, mà bằng những biện pháp hòa bình, đàm phán; đó là thái độ biết điều và tính toán sáng suốt đến những lợi ích chính đáng của nhau. Chính sách này được thực hiện bằng việc ổn định sự hợp tác giữa các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực **kinh tế**, khoa học, kỹ thuật, bảo vệ môi trường xung quanh, cũng như trong các vấn đề xã hội như trao đổi văn hóa, giáo dục, thông tin, tiếp xúc giữa mọi người, cơ quan và tổ chức. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đòi phải làm dịu tình hình quân sự để bổ sung thêm cho việc làm dịu tình hình chính trị, tức là phải giảm bớt và chấm dứt **chạy đua vũ trang,** tiến tới **giải trừ quân bị** toàn bộ và triệt để, làm yếu nguy cơ đối địch về quân sự. Hội nghị an ninh và hợp tác châu Âu họp tháng 8-1975 ở Hen-xin-ki là biện pháp quan trọng trong việc làm dịu tình hình hơn nữa. Ở hội nghị này, những người đứng đầu Nhà nước và Chính phủ 35 nước đã ký Định ước xác nhận nguyên trạng không thể vi phạm của những biên giới đã hình thành sau chiến tranh, những nguyên tắc quan hệ giữa các nước phù hợp với yêu cầu cùng tồn tại hòa bình, nêu lên những triển vọng hợp tác hòa bình trong lĩnh vực kinh tế, khoa học và kỹ thuật, văn hóa và thông tin, đẩy mạnh tiếp xúc giữa mọi người. Định ước cũng xác định các biện pháp củng cố sự tín nhiệm lẫn nhau giữa các nước, kể cả trong lĩnh vực quân

sự (xem GIẢI TRỪ QUÂN BỊ). Ngày nay, Liên Xô đề nghị những người tham gia Hội nghị toàn châu Âu ở Hen-xin-ki năm 1975 sẽ cam kết không sử dụng đầu tiên vũ khí hạt nhân lẫn vũ khí thông thường để chống nhau, không mở rộng các khối quân sự hiện nay và không thành lập các khối mới ở châu Âu cũng như các châu khác. Với mong muốn tiếp tục làm dịu tình hình hơn nữa, Liên Xô tuyên bố sẽ không sử dụng vũ khí hạt nhân chống các nước phi hạt nhân chối từ đặt vũ khí này trên lãnh thổ nước mình.

Hoạt động phối hợp chặt chẽ với các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, Liên Xô đang đấu tranh không mệt mỏi để củng cố quá trình làm dịu căng thẳng. Liên Xô và các bạn bè, đồng minh của mình nhận định rằng hiện nay không có nhiệm vụ nào quan trọng và bức thiết hơn là ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân nóng, bảo đảm hòa bình trong điều kiện chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc bình đẳng và an ninh như nhau. Tất cả các nước lớn nhỏ, tất cả các lực lượng chính trị, xã hội, khoa học, tôn giáo và các lực lượng khác yêu chuộng hòa bình đều có thể tham gia các cuộc tiếp xúc và đàm thoại quốc tế nhằm làm lành mạnh bầu khí hậu chính trị thế giới, làm dịu tình hình thế giới và củng cố hòa bình.

LIÊN BANG—1) Nhà nước gồm những quốc gia tự chủ riêng biệt hợp nhất thành một chính thể Nhà nước thống nhất. Ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác lần đầu tiên trong lịch sử liên bang đã trở thành hình thức Nhà nước giải quyết vấn đề dân tộc.

LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT (Liên Xô)—**Nhà nước** xã hội chủ nghĩa toàn dân đầu tiên trong lịch sử loài người thể hiện ý chí và quyền lợi của công nhân, **nông dân** và **trí thức**, những người lao động của tất cả các dân tộc lớn nhỏ trong nước. Thành lập ngày 30-12-1922, Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết bao gồm các nước cộng hòa xô viết có chủ quyền (Nga, U-cra-i-na, Bê-lô-ru-xi-a, Ngoại Cáp-ca-dơ) tự nguyện hợp nhất thành Nhà nước xã hội chủ nghĩa thống nhất. Ngày nay, Liên Xô bao gồm 15 nước cộng hòa liên bang của hơn 100 dân tộc với số dân 268,8 triệu người (tính đến 1-1-1982).

LIÊN HỢP QUỐC—tổ chức quốc tế của các nước có chủ quyền thành lập năm 1945 để hành động hiệp đồng nhằm gìn giữ hòa bình và an ninh quốc tế, phát triển quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở bình đẳng, cùng giải quyết những vấn đề quốc tế thuộc các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, nhân dân và khuyến khích phát triển thái độ tôn trọng **quyền con người** và các quyền tự do cơ bản đối với tất cả mọi người, không phân biệt màu da, nam nữ, tiếng nói và tôn giáo. Tới cuối năm 1981, Liên hợp quốc có 156 nước hội viên. Trong khuôn khổ Liên hợp quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đấu tranh cho hòa bình và an ninh của các dân tộc, chống sự **xâm lược** của đế quốc và chủ nghĩa thực dân. Theo sáng kiến của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã ra «Tuyên bố về việc ngăn ngừa tai họa hạt nhân» cũng như những nghị

quyết cấm vũ khí nơ-tơ-rôn. Năm 1981, đề nghị của Liên Xô về việc thông qua bản tuyên bố nói trên, trong đó nhấn mạnh rằng nước nào và nhà cầm quyền nước nào sử dụng đầu tiên vũ khí hạt nhân sẽ bị coi là gây tội ác trầm trọng nhất chống loài người, giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Các cơ quan chính của Liên hợp quốc là: Đại hội đồng bao gồm đại diện của tất cả các nước hội viên Liên hợp quốc; Hội đồng Bảo an bao gồm 5 nước thành viên thường trực và 10 nước thành viên không thường trực do Liên hợp quốc bầu ra với nhiệm kỳ hai năm; Hội đồng kinh tế và xã hội; Hội đồng bảo trợ; Tòa án quốc tế; Ban thư ký đứng đầu là Tổng thư ký. Trong hệ thống Liên hợp quốc còn có một số cơ quan chuyên môn (Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa (UNESCO)) của Liên hợp quốc, Cơ quan quốc tế về năng lượng nguyên tử, v.v.)

LIÊN KẾT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA—quá trình phân công lao động xã hội chủ nghĩa quốc tế được điều chỉnh bằng kế hoạch trên cơ sở các chương trình theo mục tiêu dài hạn giữa các nước thành viên **Hội đồng Tương trợ Kinh tế**. Liên kết này thể hiện trong việc nhích gần lại nhau giữa các nền **kinh tế** của các nước thành viên và hình thành cơ cấu kinh tế quốc dân đem lại hiệu quả cao, nhích dần và nâng ngang nhau dần trình độ phát triển kinh tế của các nước này, hình thành các quan hệ kinh tế và khoa học kỹ thuật vững chắc. Liên kết xã hội chủ nghĩa là: phối hợp hoạt động kinh tế có kế hoạch giữa các nước thành viên, chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất, thành lập

các tổ chức kinh tế quốc tế, cùng giải quyết vấn đề nhiên liệu và năng lượng, hợp tác trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, chinh phục khoảng không vũ trụ, phối hợp hoạt động tiền tệ-tài chính và ngoại thương, v.v.. Sự phát triển liên kết xã hội chủ nghĩa diễn ra theo nguyên tắc tôn trọng nhau và giúp đỡ lẫn nhau trên tình đồng chí. Mục đích của liên kết là nâng cao phúc lợi của nhân dân và trình độ văn hóa của người lao động. Đặc điểm quan trọng nhất của liên kết này là kết hợp quyền lợi dân tộc của mỗi nước với quyền lợi của cả cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

LIÊN KẾT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA—sự nhích gần lại nhau giữa các nền kinh tế và chính sách kinh tế của một số nước tư bản chủ nghĩa, việc đẩy mạnh quan hệ kinh tế và phân công lao động giữa các nước này. Liên kết giữa các nước đế quốc là hình thức phát triển nhất của **chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước** thể hiện trong việc thành lập các công ty xuyên quốc gia như là hình thức phân chia lại thị trường tư bản thế giới (ví dụ, Cộng đồng kinh tế châu Âu) và được tiến hành vì lợi ích của các công ty lũng đoạn. Song song với việc phát triển **lực lượng sản xuất** của các nước đế quốc tham gia liên kết, quá trình này dẫn tới việc tăng cường bóc lột nhân dân lao động, làm gay gắt thêm mọi mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản. Liên kết này trong **các nước đang phát triển** đặc trưng bằng một trong hai xu hướng trái ngược nhau: hoặc là xu hướng đế quốc củng cố vị trí của các công ty lũng đoạn nước ngoài, hoặc là xu hướng dân chủ giúp giành độc lập kinh tế.

LIÊN MINH CÔNG NÔNG—sự hợp tác giữa hai giai cấp chủ yếu của nhân dân lao động thành thị và nông thôn trong cách mạng dân chủ tư sản, cách mạng dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong các phong trào đấu tranh chống đế quốc và giải phóng dân tộc, trong công cuộc xây dựng **chủ nghĩa xã hội** và **chủ nghĩa cộng sản**. Liên minh này ra đời là do **giai cấp công nhân** và **nông dân** có những quyền lợi cơ bản giống nhau. Lực lượng lãnh đạo liên minh này là giai cấp công nhân (trừ các nước giai cấp công nhân chưa hình thành và chưa trở thành lực lượng chủ đạo trong đời sống xã hội và chính trị).

LỐI SỐNG (hoặc NẾP SỐNG)—những điều kiện và đặc điểm cuộc sống hàng ngày của mọi người do chế độ kinh tế, những tiêu chuẩn xã hội, những giá trị tinh thần, quan hệ chính trị, gia đình và các quan hệ khác của xã hội đó quyết định; hình thức hoạt động của mọi người trong điều kiện quan hệ xã hội được hình thành trong quá trình lịch sử (xem LỐI SỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA).

LỐI SỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA—toàn bộ những nét chủ yếu tiêu biểu cho lối sống của nhân dân lao động các nước xã hội chủ nghĩa. Những khía cạnh quan trọng nhất của lối sống xã hội chủ nghĩa là: không có nạn người **bóc lột** người, của cải vật chất được phân phối theo số lượng và chất lượng lao động, nhân dân lao động được tự do chính trị thật sự, được bảo đảm các quyền và nhân phẩm, các dân tộc sống hữu nghị và hợp tác với nhau, không có mọi hình

thức phân biệt đối xử, nền sản xuất xã hội phát triển vì lợi ích của toàn dân, đạo đức xã hội chủ nghĩa được xác lập, đoàn kết quốc tế với nhân dân lao động tất cả các nước, tích cực đấu tranh cho hòa bình thế giới. Lối sống xã hội chủ nghĩa được bảo đảm bằng chính quyền của giai cấp công nhân liên minh với các quần chúng lao động khác, đứng đầu là các đảng mác-xít lê-nin-nít. Chế độ **sở hữu xã hội** đối với **tư liệu sản xuất** là cơ sở kinh tế của lối sống xã hội chủ nghĩa.

LŨNG ĐOẠN—1) độc quyền, ví dụ, đối với sản xuất hàng hóa này hay hàng hóa khác, đối với việc buôn bán một số hàng hóa nhất định; 2) lũng đoạn tư bản chủ nghĩa—tập đoàn tư bản lớn tập trung trong tay tất cả hoặc phần lớn công việc sản xuất hoặc bán thứ hàng này hay hàng khác trên thị trường quốc gia hoặc thị trường tư bản chủ nghĩa thế giới. Trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc, việc chạy theo lợi nhuận tối đa xô đẩy bọn lũng đoạn đua nhau tăng cường bóc lột nhân dân lao động, thi hành chính sách xâm lược thực dân mới, tăng cường chuẩn bị và gây chiến tranh xâm lược, **chạy đua vũ trang**.

LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT—**tư liệu sản xuất** ra của cải vật chất và những người sử dụng các tư liệu này. Toàn bộ lực lượng sản xuất và **quan hệ sản xuất** tạo thành **phương thức sản xuất**. Là một nhân tố cơ động và cách mạng nhất của phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất tới giai đoạn nhất định sẽ mâu thuẫn với quan hệ sản xuất cũ, những quan hệ này trước kia khuyến khích phát triển sản xuất, nay

bắt đầu kìm hãm sản xuất. Sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất của lực lượng sản xuất đã lớn mạnh một khi bị phá vỡ, thì chỉ có thể được khôi phục bằng cuộc **cách mạng** xã hội để thiết lập quan hệ sản xuất mới, tiến bộ hơn. Ví dụ, về mặt lịch sử, **chủ nghĩa xã hội** nhất định sẽ thay thế **chủ nghĩa tư bản**, chế độ đã đem lại các cuộc **khủng hoảng** kinh tế, chiến tranh và những tai biến khác cho nhân dân. **Chủ nghĩa xã hội** thiết lập quan hệ sản xuất giữa mọi người phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đã lớn mạnh. Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất được Nhà nước xã hội chủ nghĩa hoàn thiện một cách có kế hoạch (xem QUAN HỆ SẢN XUẤT).

M

MÁC-LÊ-NIN (CHỦ NGHĨA)—học thuyết về những quy luật cơ bản phát triển tự nhiên và xã hội, về sự lật đổ bằng cách mạng chế độ bóc lột và xây dựng **chủ nghĩa cộng sản**, thế giới quan của **giai cấp công nhân** và đội tiên phong của giai cấp đó là các đảng cộng sản và công nhân. Các Mác (1818—1883) và Phri-đrích Ăng-ghen (1820—1895) xây dựng học thuyết này và Vla-đi-mia I-lích Lê-nin (1870—1924) đã phát triển sáng tạo lý luận của Mác trong thời đại ngày nay, thời đại tiêu vong **chủ nghĩa tư bản** và hình thành **chủ nghĩa xã hội**.

Chủ nghĩa Mác-Lê-nin bao gồm ba bộ phận cấu thành là **triết học duy vật biện chứng** và **duy vật lịch**

sử, kinh tế chính trị học và **chủ nghĩa cộng sản khoa học**. Triết học Mác-Lê-nin nghiên cứu thái độ tư duy đối với tồn tại, những quy luật phổ biến nhất của sự phát triển tự nhiên, xã hội và tư duy. Kinh tế chính trị học phân tích những vấn đề **tiền lương,** lợi nhuận, địa tô, quyền **sở hữu**, vạch trần thực chất **bóc lột** của tư bản—sản xuất giá trị thặng dư và sự chiếm đoạt nó của bọn tư bản. Việc nghiên cứu những quy luật sản xuất tư bản chủ nghĩa đã giúp Mác phát hiện **mâu thuẫn chủ yếu của chủ nghĩa tư bản** (giữa tính xã hội của nền sản xuất và sự chiếm đoạt tư bản tư nhân đối với những kết quả của sản xuất), chỉ rõ chủ nghĩa tư bản nhất định sẽ diệt vong và chủ nghĩa cộng sản sẽ đến thay thế nó. Chủ nghĩa cộng sản khoa học nghiên cứu các quy luật, phương hướng và hình thức đấu tranh giai cấp của vô sản để cải tạo xã hội theo chủ nghĩa cộng sản, trình bày học thuyết về **sứ mạng lịch sử của giai cấp vô sản** là đập tan chính quyền tư bản và lãnh đạo công cuộc xây dựng xã hội mới, cộng sản chủ nghĩa.

Ngày nay, chủ nghĩa Mác-Lê-nin thường xuyên được bổ sung những luận điểm mới hình thành trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm của phong trào công nhân quốc tế cũng như phong trào giải phóng dân tộc, kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Chủ nghĩa Mác-Lê-nin là học thuyết quốc tế được các đảng cộng sản và công nhân tất cả các nước vận dụng có tính đến hoàn cảnh cụ thể, đặc điểm dân tộc, lịch sử, v. v., của mỗi nước. Học thuyết này là vũ khí lý luận đúng đắn trong cuộc đấu tranh nhằm lật đổ chế

độ bóc lột, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

MÂU THUẪN CHỦ YẾU CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN—mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của nền sản xuất và hình thức chiếm hữu tư bản tư nhân đối với sản phẩm lao động. Mâu thuẫn này đẻ ra tình trạng **sản xuất vô chính phủ**, nạn **thất nghiệp, khủng hoảng** kinh tế, đấu tranh không khoan nhượng giữa các giai cấp chủ yếu trong xã hội tư bản—**vô sản** và **tư sản**, và là nguyên nhân diệt vong về mặt lịch sử của chế độ tư bản chủ nghĩa.

MỨC SỐNG—mức độ thỏa mãn nhu cầu vật chất, văn hóa và xã hội của nhân dân trong nước ở thời kỳ lịch sử nhất định. Mức sống tăng lên phản ánh những thành quả đạt được của chế độ xã hội này hay chế độ xã hội khác. Ví dụ, **tiền lương** không ngừng tăng lên của những người lao động Liên Xô (với giá bán lẻ thực phẩm và nhu yếu phẩm và giá dịch vụ ổn định; tiền nhà không thay đổi từ năm 1928) đã cho phép trong 15 năm qua tăng thu nhập thực tế của nhân dân lên gấp đôi. Phục vụ y tế và mọi hình thức học tập không mất tiền, tiền thuế thấp (không quá 15% ngân quỹ gia đình), bảo đảm có việc làm, được trợ cấp khi về già (từ 50% đến 100% mức lương) và khi tạm thời mất sức lao động (được trợ cấp gần bằng mức lương trung bình và không phải đóng góp trước các khoản tiền nào), nam nữ và tất cả các **dân tộc** lớn lẫn nhỏ đều bình đẳng về mặt xã hội. Đó là những nét đặc trưng cho mức sống ngày nay của nhân dân Liên Xô.

N

NATO—xem TỔ CHỨC HIỆP ƯỚC BẮC ĐẠI TÂY DƯƠNG.

NỀN KINH TẾ NHIỀU HÌNH THÁI—nền kinh tế của một nước có hàng loạt kiểu sản xuất và **quan hệ sản xuất** theo các hình thức **sở hữu** và trình độ phát triển của **lực lượng sản xuất**. Tính chất nhiều hình thái của nền kinh tế đặc trưng cho các nước có cơ cấu chính trị và kinh tế ở giai đoạn quá độ từ **hình thái xã hội-kinh tế** này sang hình thái kinh tế-xã hội khác.

NẾP SỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA—xem LỐI SỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

NGHIỆP ĐOÀN—xem CÔNG ĐOÀN.

«NGUY CƠ XÔ VIẾT»—xem «HIỂM HỌA LIÊN XÔ».

NHÀ NƯỚC— hình thức tổ chức chính trị lịch sử của xã hội. Nhà nước ra đời do sự hình thành chế độ **sở hữu tư nhân** đối với **tư liệu sản xuất** và phân chia xã hội thành kẻ bóc lột và người bị bóc lột. Nhà nước là hình thức **chuyên chính** của giai cấp thống trị. Nó có quyền lực cưỡng bức, có các lực lượng vũ trang và các cơ quan cưỡng chế (tòa án, cảnh sát, nhà tù, v.v.). Sau khi **Cách mạng Xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại** năm 1917 thắng lợi ở nước Nga, Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới đã được thành lập

dưới hình thức Chính quyền xô viết bao gồm các đại diện được bầu ra của nhân dân lao động là công nhân và nông dân. Như vậy, **chuyên chính vô sản** đã được thiết lập. Sau khi chủ nghĩa xã hội thắng lợi hoàn toàn ở Liên Xô, Nhà nước xô viết đã biến thành Nhà nước toàn dân; chuyên chính vô sản đã làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình, nhường chỗ cho Nhà nước toàn dân dưới hình thức các Xô viết đại biểu nhân dân.

NHÂN QUYỀN—xem QUYỀN CON NGƯỜI.

NỘI CHIẾN—đấu tranh vũ trang, xuất hiện trên cơ sở **khủng hoảng** xã hội, giữa các giai cấp và các nhóm xã hội giành quyền lực Nhà nước (trong đó có các nhóm dân tộc, tôn giáo); đó là một trong những hình thức **đấu tranh giai cấp.** Tùy theo sự phân bố lực lượng giai cấp trong nước và trên trường quốc tế, cuộc nội chiến có thể phối hợp với các cuộc chiến tranh giữa các nước, với cuộc đấu tranh chống can thiệp của nước ngoài và đấu tranh giải phóng dân tộc.

Sau khi **Cách mạng Xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại** thành công ở Nga năm 1917, cuộc nội chiến đã nổ ra do các giai cấp bóc lột bị lật đổ và các thế lực phản cách mạng nước ngoài gây ra. Đến năm 1921, nội chiến về căn bản đã kết thúc bằng thắng lợi của Chính quyền xô viết.

NÔNG DÂN—giai cấp xã hội mà những đại diện giai cấp này bằng lao động của mình sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp bằng các **tư liệu sản xuất** của mình hay của hợp tác xã (công cộng). Nông dân là

một giai cấp xã hội hình thành trong quá trình tan rã **chế độ công xã nguyên thủy** và sẽ tồn tại cho tới khi xây dựng xong **chủ nghĩa cộng sản**, tức là khi nền sản xuất xã hội có trình độ tổ chức cao sẽ xóa nhòa khác biệt giữa lao động công nghiệp và nông nghiệp. Trong điều kiện **chủ nghĩa tư bản** có thể chia nông dân thành ba nhóm: vô sản và nửa vô sản (cố nông, bần nông bị tư bản và điền chủ lớn bóc lột), trung nông và phú nông (**tư sản** nông thôn). Nông dân lao động là giai cấp đồng minh gần gũi của **công nhân** tham gia cuộc đấu tranh chống tư bản lũng đoạn, tán thành **chủ nghĩa xã hội**. Ở các thuộc địa và **các nước đang phát triển,** họ là động lực chính của phong trào giải phóng dân tộc.

Trong chủ nghĩa xã hội, người nông dân cá thể biến thành người tham gia nền kinh tế tập thể, công cộng được cơ khí hóa, điện khí hóa, hóa học hóa rộng rãi. Về điều kiện lao động và sinh hoạt, họ ngày càng gần gũi với giai cấp công nhân, và trong tương lai sẽ cùng với công nhân và **trí thức** hình thành cộng đồng thống nhất của những người lao động trong xã hội cộng sản chủ nghĩa.

P

PHẢN CÁCH MẠNG—hoạt động ráo riết của giai cấp phản động đã bị lật đổ (hoặc đang bị lật đổ) trong quá trình **cách mạng** xã hội, nhằm chống lại trật tự xã hội mới, duy trì hoặc khôi phục chế độ chính trị-xã hội đã lỗi thời.

PHÁT XÍT—trào lưu chính trị xuất hiện trong các nước tư bản chủ nghĩa thời kỳ **tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản**, thể hiện quyền lợi của các thế lực **tư sản** đế quốc phản động và xâm lược nhất; chính quyền phát xít là chế độ **độc tài** khủng bố công khai của các thế lực này. Những đặc điểm của chủ nghĩa phát xít là thái độ cực kỳ **sô-vanh, phân biệt chủng tộc, chống cộng** sản, các quyền tự do dân chủ bị xóa bỏ, các thủ đoạn mị dân về mặt xã hội được áp dụng rộng rãi, đời sống cá nhân và xã hội của công dân bị kiểm soát hết sức nghiệt ngã. Chính sách đối ngoại của chủ nghĩa phát xít là chính sách đế quốc xâm lược, gây chiến tranh xâm lược. Lần đầu tiên, chế độ phát xít được thiết lập năm 1922 ở I-ta-li-a. Năm 1933, phát xít lên cầm quyền ở Đức, năm 1939—ở Tây Ban Nha. Việc đánh bại khối phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai (1939—1945) đã thủ tiêu các chế độ phát xít ở I-ta-li-a, Đức cũng như các chế độ tương tự ở một số nước khác. Việc lật đổ chế độ phát xít ở Bồ Đào Nha và Hy Lạp (năm 1974), sự phá sản của chế độ phát xít Tây Ban Nha sau khi Phơ-răng-cô chết (tháng 11-1975) chứng tỏ sự suy yếu của các chế độ phát xít trong điều kiện hiện nay. Tuy nhiên, cuộc đảo chính quân sự phát xít ở Chi-lê (tháng 9-1973), ảnh hưởng của bọn quân phiệt phản động ở một số nước, sự thống trị của bọn phân biệt chủng tộc ở Cộng hòa Nam Phi và một số nước cùng hàng loạt nhân tố khác cho thấy rõ chủ nghĩa phát xít ở một số vùng trên thế giới là nguy cơ trầm trọng. Việc thành lập mặt trận đoàn kết các lực lượng chống phát xít là biện pháp hiệu lực nhất ngăn chặn chủ nghĩa phát xít.

PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC—xem KỲ THỊ CHỦNG TỘC.

PHÂN CHIA CHỦNG TỘC—việc phân chia ép buộc nhân dân một nước thành các nhóm chủng tộc. Tệ này thường đi đôi với phân biệt đối xử nhóm dân tộc hoặc chủng tộc này hay khác (ví dụ, thổ dân người Phi ở Cộng hòa Nam Phi). Thực tế, tệ phân chia chủng tộc vẫn được duy trì ở Mỹ, mặc dù đã có những quyết định được thông qua để chống phân biệt đối xử.

PHI CHÍNH TRỊ (TÍNH CHẤT)—thái độ thờ ơ đối với hoạt động chính trị của Đảng và Nhà nước là đặc điểm của các tầng lớp dân cư kém giác ngộ, lạc hậu nhất. Bọn tư tưởng gia tư sản thường cổ thuyết phục người lao động không tham gia đời sống chính trị của đất nước với chủ tâm đánh lạc hướng họ khỏi cuộc **đấu tranh giai cấp** vì những quyền chính trị và kinh tế của mình.

PHI TƯ TƯỞNG HÓA—quan điểm tư sản phủ nhận tính khoa học và giá trị nhận thức của mọi **hệ tư tưởng**. Quan điểm này được tích cực sử dụng để chống lại những quan điểm tiến bộ và trước hết để chống hệ tư tưởng Mác-Lê-nin. Dưới chiêu bài phi tư tưởng hóa, những kẻ giữ quan điểm này thực tế bảo vệ hệ tư tưởng tư sản.

PHONG TRÀO DU KÍCH—một trong những hình thức đấu tranh của quần chúng nhân dân chống bọn nô dịch nước ngoài, quân đội và chính quyền chiếm

đóng. Phong trào du kích cũng có thể được thành lập nhằm chống lại bọn nô dịch trong nước. Những hình thức chủ yếu của phong trào du kích là đấu tranh vũ trang, hoạt động phá hoại ngầm và công khai, **tuyên truyền** phát động quần chúng đấu tranh chống ách áp bức dân tộc và xã hội. Hình thức đấu tranh của phong trào du kích nhiều khi là **nội chiến** do quần chúng bị áp bức tiến hành để chống lại các giai cấp thống trị. Đôi khi các thế lực phản động sử dụng các phương pháp đấu tranh của phong trào du kích và tạm thời lôi kéo được một bộ phận dân cư giác ngộ chính trị thấp.

PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN—phong trào giải phóng dân tộc chống phát xít của quần chúng nhân dân trong những năm chiến tranh thế giới thứ hai (1939—1945) nhằm đánh đuổi bọn xâm lược Đức, Ý, Nhật và các đồng minh của chúng ra khỏi lãnh thổ các nước bị chúng chiếm đóng. Phong trào kháng chiến đã diễn ra trên lãnh thổ các nước này dưới hình thức **tuyên truyền** chống phát xít, bãi công, phá hoại ngầm, chiến tranh du kích, khởi nghĩa... Phong trào kháng chiến chống **chủ nghĩa phát xít** đã kết hợp chặt chẽ với cuộc đấu tranh đòi thực hiện các cuộc cải tạo dân chủ, còn ở các nước thuộc địa và phụ thuộc thì kết hợp với cuộc đấu tranh chống ách đế quốc và thực dân. Những truyền thống vẻ vang của Phong trào kháng chiến cho đến nay vẫn được các dân tộc noi theo trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và bọn phản động địa phương.

PHONG TRÀO KHÔNG LIÊN KẾT—các nước không liên kết với bất kỳ liên minh chính trị-quân sự nào. Chính sách đối ngoại của các nước không liên kết ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh giữ lập trường chống đế quốc, chống chiến tranh và chống chủ nghĩa thực dân. Trong tương quan lực lượng giai cấp hiện nay trên thế giới, các nước không liên kết hoàn toàn có đủ sức chống lại sự áp đặt của đế quốc, đòi thiết lập những quan hệ kinh tế bình đẳng (xem CHÍNH SÁCH KHÔNG LIÊN KẾT).

PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT—phương thức nhất định về mặt lịch sử để tìm ra các phương tiện vật chất cần thiết cho nhu cầu sản xuất và nhu cầu cá nhân. Phương thức sản xuất là sự thống nhất của **lực lượng sản xuất** và **quan hệ sản xuất** phụ thuộc vào nhau và là điều kiện của nhau. Năm phương thức sản xuất thay thế nhau theo trình tự: công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa. Phương thức sản xuất mới thay thế phương thức sản xuất cũ là kết quả tất yếu của mâu thuẫn gay gắt giữa lực lượng sản xuất đang phát triển và quan hệ sản xuất đã lỗi thời (xem LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT, QUAN HỆ SẢN XUẤT).

Q

QUÁ ĐỘ TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI—xem THỜI KỲ QUÁ ĐỘ TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.

QUÁ TRÌNH CÁCH MẠNG THẾ GIỚI—tất cả các phong trào cách mạng của thời đại ngày nay tính gộp lại. Quá trình này bao gồm các cuộc **cách mạng xã hội chủ nghĩa**, cách mạng giải phóng dân tộc, chống đế quốc, chống phong kiến, cách mạng dân chủ; đấu tranh nhằm lật đổ các chế độ phát xít và tàn bạo khác, vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Lực lượng chủ đạo của quá trình cách mạng thế giới là **hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới**. Đấu tranh của giai cấp công nhân trong các nước tư bản phát triển và cách mạng giải phóng dân tộc là các bộ phận cấu thành quan trọng của quá trình cách mạng thế giới. Trong thời đại ngày nay, giai cấp công nhân quốc tế và đội tiên phong chính trị của giai cấp đó là các đảng cộng sản và công nhân đang tích cực đấu tranh đòi quyền lợi cho những người lao động, vì hòa bình và an ninh của các dân tộc. Ngày nay, các đảng cộng sản hoạt động tích cực trong 94 nước.

QUÁ TRÌNH DỊU BỚT CĂNG THẲNG—xem LÀM DỊU TÌNH HÌNH QUỐC TẾ CĂNG THẲNG.

QUAN HỆ SẢN XUẤT—quan hệ giữa mọi người trong quá trình sản xuất của cải vật chất, trao đổi và phân phối những của cải đó. Quan hệ sản xuất phụ thuộc vào tính chất **sở hữu** đối với **tư liệu sản xuất**. Toàn bộ quan hệ sản xuất và **lực lượng sản xuất** tạo thành **phương thức sản xuất**. Sự xung đột trở nên gay gắt giữa lực lượng sản xuất đã lớn mạnh và quan hệ sản xuất lỗi thời nhất định dẫn đến **cách mạng** xã hội. Cuộc cách mạng này thay quan hệ sản xuất cũ bằng quan hệ sản xuất mới cho phép lực lượng sản xuất

tiếp tục phát triển. Quan hệ sản xuất trong xã hội giai cấp tiền xã hội chủ nghĩa là quan hệ giữa thống trị và bị trị, giữa **bóc lột** và bị áp bức. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa dựa trên **sở hữu xã hội** đối với tư liệu sản xuất và đặc trưng bằng sự hợp tác trên tình đồng chí của những người thoát khỏi nạn bóc lột, quan hệ anh em và giúp đỡ lẫn nhau. Việc hoàn thiện quan hệ sản xuất trong chủ nghĩa xã hội được tiến hành một cách tự giác, có kế hoạch, theo mức độ lớn mạnh của lực lượng sản xuất xã hội (xem LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT và PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT).

QUÂN PHIỆT (CHỦ NGHĨA)—đường lối tăng sức mạnh quân sự và tích cực chuẩn bị chiến tranh của các giới cầm quyền các nước đế quốc nhằm gây các cuộc chiến tranh xâm lược và đàn áp sự chống đối của quần chúng lao động trong nước. Trong điều kiện thống trị của tư bản lũng đoạn, chủ nghĩa quân phiệt đã hình thành như một hệ thống **kinh tế**, chính trị và **tư tưởng**. Trong quá trình **làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng**, các thế lực ở các nước tư bản chủ nghĩa đại diện cho **tổ hợp công nghiệp-quân sự** đang cố sức quay ngược sự phát triển quốc tế, tái diễn bầu không khí «**chiến tranh lạnh**».

QUỐC HỮU HÓA—việc chuyển **sở hữu tư nhân** đối với đất đai, công nghiệp, ngành vận tải, ngân hàng, v. v. thành **sở hữu** Nhà nước. Quốc hữu hóa có nội dung kinh tế-xã hội và chính trị khác nhau tùy thuộc

vào việc ai tiến hành nó, nhằm phục vụ giai cấp nào và trong thời đại lịch sử nào.

Quốc hữu hóa xã hội chủ nghĩa là việc Nhà nước xã hội chủ nghĩa tước đoạt quyền sở hữu tư nhân đối với đất đai, nhà máy, hầm mỏ, ngân hàng, các phương tiện vận tải, bưu điện và các **tư liệu sản xuất** khác, biến chúng thành sở hữu Nhà nước, toàn dân, do đó trừ bỏ chế độ bóc lột người lao động.

Quốc hữu hóa tư bản chủ nghĩa—thông thường đó là sự trưng dụng có bồi thường một số xí nghiệp của tư nhân thành tài sản của Nhà nước. Trong trường hợp này, việc bóc lột công nhân trong xí nghiệp quốc hữu hóa được thay thế bằng bóc lột của **Nhà nước** tư bản chủ nghĩa.

Quốc hữu hóa ở các nước đã thoát khỏi ách thực dân, trước hết bao gồm tài sản của các công ty nước ngoài. Ở **các nước đang phát triển** lựa chọn **con đường phát triển xã hội chủ nghĩa**, quốc hữu hóa có thể trở thành nhân tố quan trọng xây dựng các yếu tố xã hội chủ nghĩa trong **nền kinh tế nhiều hình thái**.

QUỐC TẾ VÔ SẢN—một trong những nguyên tắc chính của chủ nghĩa Mác-Lê-nin công nhận lợi ích chung, tình đoàn kết quốc tế có hiệu quả của **giai cấp công nhân** và toàn thể nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh lật đổ ách thống trị của giai cấp **tư sản**, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và tiến bộ xã hội, xây dựng **chủ nghĩa xã hội** và **chủ nghĩa cộng sản**. Chủ nghĩa quốc tế vô sản là nguyên tắc tối quan trọng về quan hệ lẫn nhau giữa các đội ngũ dân tộc của giai cấp công nhân, giữa các đảng cộng sản và các nước xã hội chủ

nghĩa. Chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi hành động đoàn kết nhất trí trong cuộc đấu tranh cho tự do và bình đẳng của mọi dân tộc, cho tình hữu nghị và sự hợp tác giữa các đội ngũ này, chống chủ nghĩa **kỳ thị chủng tộc, chủ nghĩa sô-vanh**, chủ nghĩa dân tộc tư sản. Lê-nin viết: «Trên thực tế, có một và chỉ có một chủ nghĩa quốc tế: quên mình vì sự nghiệp phát triển phong trào cách mạng và đấu tranh cách mạng ở nước **mình**, ủng hộ (bằng tuyên truyền, đồng tình, vật chất) **cuộc đấu tranh như vậy**, đường lối như vậy, và **chỉ có một đường lối đó**, ở **tất cả** các nước, không trừ nước nào».

QUỐC XÃ (CHỦ NGHĨA)—biến dạng của **chủ nghĩa phát xít** phổ biến ở nước Đức Hít-le (xem BỌN QUỐC GIA-XÃ HỘI).

QUỸ TIÊU DÙNG XÃ HỘI—phần thu nhập quốc dân trong xã hội xã hội chủ nghĩa được phân phối thêm ngoài tiền lương dưới hình thức ưu đãi và dịch vụ nhất định nhằm thỏa mãn đầy đủ hơn những nhu cầu vật chất và văn hóa của mọi người không phụ thuộc vào số lượng và chất lượng lao động của họ.

Phần chính của quỹ tiêu dùng xã hội được hình thành từ ngân quỹ Nhà nước. Xí nghiệp và cơ quan Nhà nước dùng tiền lãi để thành lập các quỹ văn hóa-xã hội và xây nhà ở. Nông trang tập thể thành lập các quỹ sinh hoạt-văn hóa, bảo trợ xã hội và giúp đỡ vật chất cho các nông trang viên. Phần lớn tiền quỹ tiêu dùng xã hội được chi trực tiếp cho nhân dân lao động dưới hình thức lương hưu trí, trợ cấp tạm thời mất khả năng lao động (khi ốm đau, người lao động Liên

Xô được trợ cấp tới 100% mức **lương** trung bình hàng tháng), trợ cấp chửa đẻ, trợ cấp cho các bà mẹ đông con và sống độc thân, cấp học bổng cho học sinh trung học và đại học chuyên nghiệp, trả lương nghỉ phép hàng năm, v. v.. Một phần quỹ tiêu dùng xã hội được chi cho nhu cầu xã hội—việc học tập của nhân dân, chăm sóc y tế không mất tiền ở bệnh viện, phòng khám đa khoa và ở nhà, chi phí cho công việc nuôi giữ và giáo dục trẻ em ở nhà trẻ và vườn trẻ (cha mẹ trả dưới một phần ba khoản này), chi phí cho công tác thư viện, câu lạc bộ, thể thao, trông nom nhà ở, còn giá tiền nhà hiện nay ở Liên Xô thấp nhất thế giới (chiếm 4-6‰ ngân quỹ gia đình), chỉ lấy có một phần ba chi phí này, cũng như chi phí cho việc chữa bệnh ở nơi an dưỡng và nghỉ ngơi của nhân dân lao động không mất tiền hoặc với điều kiện ưu đãi. Quỹ tiêu dùng xã hội giúp đỡ vật chất cho các thành viên gia đình không có khả năng lao động, giảm bớt sự khác biệt về thu nhập của các gia đình có số người lao động khác nhau. Quỹ tiêu dùng xã hội tăng lên không ngừng và càng tiến lên **chủ nghĩa cộng sản**, thì nhu cầu của công dân sẽ càng được thỏa mãn nhiều hơn cũng là nhờ có các quỹ này.

QUYỀN CON NGƯỜI—khả năng con người thỏa mãn nhu cầu và lợi ích của mình do luật pháp Nhà nước xác định.

Ngày 10-12-1948, Đại hội đồng **Liên hợp quốc** đã ra Tuyên bố chung về các quyền của con người. Văn kiện này xác định những nhiệm vụ mà tất cả các dân tộc và các nước phải cố gắng thực hiện. Tuyên bố

chung nêu lên những quyền cơ bản của con người là: bình đẳng giữa tất cả mọi người không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào, quyền sống, tự do và bất khả xâm phạm thân thể, quyền bất khả xâm phạm về danh dự, uy tín, nhà ở và được tòa án công minh bảo vệ. Tuyên bố này chỉ dẫn cho các nước nên ghi vào hiến pháp những quyền công dân và chính trị và quyền tự do như quyền xin quốc tịch và cư trú, quyền sở hữu tài sản, kết hôn, tự do tư tưởng, tín ngưỡng và thờ cúng, tự do chính kiến, hội họp và nhập hội, quyền bầu cử phổ thông bình đẳng theo chế độ bỏ phiếu kín. Văn kiện này còn công bố các quyền kinh tế-xã hội như quyền lao động và được trả công ngang nhau theo lao động như nhau, quyền thành lập các **nghiệp đoàn** (công đoàn), quyền nghỉ ngơi và được bảo trợ xã hội, quyền học tập và tham gia đời sống văn hóa của xã hội. Các quyền thực tế của con người phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của đời sống xã hội, vào chế độ kinh tế-xã hội và chính trị của xã hội đó (xem ƯU VIỆT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI). **Cách mạng xã hội chủ nghĩa** không chỉ công bố quyền con người, mà còn bảo đảm các quyền đó. Ví dụ, những bảo đảm chính trị cho quyền con người trong **chủ nghĩa xã hội** là: chính quyền của người lao động, tổ chức hoạt động của Nhà nước theo nguyên tắc **tập trung dân chủ** với sự tham gia rộng rãi của công dân vào việc quản lý các công việc Nhà nước và xã hội. Những bảo đảm kinh tế là: nền **kinh tế quốc dân** dựa trên chế độ **sở hữu xã hội** đối với **tư liệu sản xuất** và phát triển có kế hoạch nhằm thỏa mãn đầy đủ nhất những nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của mọi người. Các luật bảo đảm việc

thực hiện những quyền công dân ghi trong Hiến pháp là sự bảo đảm về mặt pháp luật. Trong xã hội tư bản ngày nay, ai đầy túi tiền mới có thể được hưởng đầy đủ những quyền đó. Nhà nước tư sản công bố trên hình thức quyền bình đẳng và tự do phổ cập của các công dân nước mình, nhưng thực tế không có khả năng giải quyết những vấn đề xã hội gay gắt như **nạn thất nghiệp, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc**, phân biệt đối xử mà những người lao động phải chịu đựng. Làm lơ về những hành động chà đạp lên quyền con người ở các nước tư bản, bộ máy tuyên truyền đế quốc lại ra sức bôi đen hiện thực xã hội chủ nghĩa, mưu toan phát động chiến dịch tuyên truyền về những «vi phạm» quyền con người trong các nước xã hội chủ nghĩa và về «sự hưng thịnh» của các quyền tự do trong thế giới tư bản. Sách lược **đấu tranh tư tưởng** đó cũng được bọn tư tưởng gia tư sản áp dụng để tìm cách làm cho người lao động không chú ý tới những nhu cầu và khó khăn mắc phải (xem QUYỀN LAO ĐỘNG, QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT). Coi khinh quyền lợi và nguyện vọng thiết tha của các dân tộc, họ còn tìm cách mô tả cuộc đấu tranh giải phóng của quần chúng nhân dân là biểu hiện của «hành động khủng bố». Trong các nước xã hội chủ nghĩa, mọi công dân đều được bảo đảm quyền học tập, **quyền lao động**, quyền nghỉ ngơi.

QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT—một trong những nguyên tắc của chính sách dân tộc do Lê-nin đề ra. Nguyên tắc này được xây dựng trên cơ sở công nhận chủ quyền và bình đẳng của tất cả các **dân tộc**,

tự giải quyết vấn đề thể chế Nhà nước; các dân tộc có quyền thành lập chế độ tự quản, gia nhập **liên bang** với các dân tộc khác hoặc tách ra thành lập Nhà nước dân tộc riêng. Quyền dân tộc tự quyết là tiêu chuẩn đối nội được ghi trong hiến pháp và nguyên tắc đối ngoại của Nhà nước Liên Xô.

QUYỀN LAO ĐỘNG—quyền của công dân được Nhà nước xã hội chủ nghĩa bảo đảm việc làm có trả công lao động bỏ ra theo số lượng và chất lượng lao động, và không thấp hơn mức tối thiểu do Nhà nước ấn định,—bao gồm quyền lựa chọn nghề nghiệp, loại công việc phù hợp với chí hướng, năng lực, trình độ nghiệp vụ, học vấn và có tính tới các nhu cầu của xã hội. Ở Liên Xô, do kết quả tổ chức nền **kinh tế quốc dân** xã hội chủ nghĩa, **lực lượng sản xuất** không ngừng tăng lên, **khủng hoảng** bị loại trừ, cho nên **nạn thất nghiệp** bị xóa bỏ hoàn toàn từ cuối năm 1930.

S

SẢN XUẤT VÔ CHÍNH PHỦ (TÌNH TRẠNG)—sự phát triển tự phát của các xí nghiệp công nghiệp và nông nghiệp dưới ảnh hưởng của tương quan cung và cầu trên thị trường về nguyên liệu và tiêu thụ hàng hóa. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên **chế độ sở hữu tư nhân** đối với **tư liệu sản xuất** nhằm tăng không ngừng lợi nhuận của những người kinh doanh. Nhưng tình trạng sản xuất vô chính phủ nhất thiết sẽ dẫn đến những cuộc **khủng hoảng** sản xuất thừa có chu

kỳ, khủng hoảng tài chính-tiền tệ, nạn thất nghiệp và hạ thấp **mức sống** của nhân dân lao động.

SIÊU CƯỜNG QUỐC—thuật ngữ này thường được các tư tưởng gia tư sản, bọn xét lại, cơ hội, những kẻ chống việc **làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng** dùng để đồ vầy rằng Liên Xô cùng với Mỹ đang quyết định vận mệnh của thế giới vì lợi ích của mình, chia thế giới ra các khu vực ảnh hưởng riêng mà không đếm xỉa đến ý nguyện của các dân tộc. Che đậy sự khác biệt giữa hai đường lối chính trị trái ngược nhau, giữa Liên Xô và Mỹ, quan điểm này nhằm phá hoại thiện cảm của nhân dân lao động đối với Liên Xô, với mục đích làm suy yếu phong trào cộng sản quốc tế và đấu tranh làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng, gieo rắc tâm trạng bi quan và thờ ơ trong hàng ngũ những người tham gia cuộc đấu tranh chống đế quốc.

SÔ-VANH (CHỦ NGHĨA)—chỉ bảo vệ những gì hoàn toàn mang tính chất dân tộc, đối lập quyền lợi **dân tộc** này với quyền lợi của tất cả các dân tộc khác, gây lòng hằn thù dân tộc, khinh miệt và thù ghét các chủng tộc và dân tộc khác.

SÔ-VANH NƯỚC LỚN (CHỦ NGHĨA)—chính sách và hệ tư tưởng của các giai cấp thống trị trong các «đại» **dân tộc** biểu lộ qua hành động chèn ép, miệt thị các dân tộc khác, tước đoạt quyền tự chủ của họ, gây lòng thù địch đối với các dân tộc bị áp bức. Xem SÔ-VANH (CHỦ NGHĨA).

SỞ HỮU (CHẾ ĐỘ)—quan hệ giữa mọi người xung quanh việc chiếm đoạt của cải vật chất do nền sản xuất tạo ra. Sở hữu không chỉ là quan hệ của một người đối với một vật, mà là quan hệ của mọi người đối với nhau thể hiện qua quan hệ của họ đối với các vật. Tính chất sở hữu phụ thuộc vào việc công cụ và **tư liệu sản xuất** nằm trong tay ai.

Hình thức sở hữu phụ thuộc vào **phương thức sản xuất** thống trị và thay đổi theo sự phát triển của xã hội loài người. Chẳng hạn, trong **chế độ công xã nguyên thủy,** khi mọi người cùng lao động, đã tồn tại sở hữu công xã. Sở hữu đó vị tất đủ cho nhu cầu của xã hội. Việc hoàn thiện công cụ lao động và thói quen lao động của các thành viên công xã đã làm cho lao động chung dần dần được thay thế bằng lao động cá thể. Trong công xã xuất hiện sản phẩm thừa có thể dùng để đổi lấy những vật cần thiết hơn. Sản phẩm nằm trong tay những người riêng lẻ (tù trưởng, thầy cúng, chiến binh) bắt đầu trở thành **sở hữu tư nhân** (sở hữu này được công bố là thiêng liêng, bất khả xâm phạm). Sở hữu riêng dẫn tới sự phân chia xã hội thành các **giai cấp** đối lập nhau, và nạn người **bóc lột** người. Hình thức chiếm hữu nô lệ đã được phổ biến (xem CHẾ ĐỘ CHIẾM HỮU NÔ LỆ).

Sau đó, cùng với sự phát triển sản xuất, sở hữu tư nhân mang hình thức phong kiến (xem CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN), rồi đến hình thức tư bản chủ nghĩa. Trong **chủ nghĩa tư bản,** sự phát triển của sở hữu tư nhân đạt tới tột độ. Tính chất xã hội của nền sản xuất với sự tham gia của rất nhiều người làm các nghề khác nhau mâu thuẫn với hình thức tư bản chủ nghĩa chiếm

đoạt kết quả sản xuất từ phía một nhóm người có tư liệu sản xuất. Mâu thuẫn này được giải quyết bằng **cách mạng xã hội chủ nghĩa** là cuộc cách mạng thiết lập chế độ sở hữu xã hội, toàn dân, xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất. Sở hữu xã hội đối với tư liệu sản xuất đoàn kết mọi người lại, loại trừ sự hằn thù giai cấp và việc chia thành kẻ giầu, người nghèo, trừ bỏ nạn người bóc lột người, tạo điều kiện cho sự cộng đồng và hợp tác của mọi người, đem lại cho con người tự do, hòa bình, tình anh em (xem SỞ HỮU XÃ HỘI, SỞ HỮU TƯ NHÂN, SỞ HỮU CÁ NHÂN TRONG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI).

SỞ HỮU CÁ NHÂN TRONG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI—quyền **sở hữu** riêng của các thành viên xã hội chủ nghĩa đối với thu nhập và tiền tiết kiệm bằng lao động, các vật phẩm tiêu dùng thỏa mãn nhu cầu cá nhân, cũng như một số **tư liệu sản xuất** dùng trong nghề phụ và trồng trọt chăn nuôi gia đình.

Nguồn gốc của sở hữu cá nhân trong **chủ nghĩa xã hội** là sự tham gia riêng của mỗi người vào lao động có ích cho xã hội. Các tư liệu sản xuất (nhà máy, công xưởng, đất đai, phần lớn diện tích nhà ở, v. v.) thuộc quyền sở hữu công cộng, cho nên sở hữu cá nhân không thể nào biến thành phương tiện người **bóc lột** người được. Tài sản riêng và quyền thừa kế tài sản đó được pháp luật Nhà nước xã hội chủ nghĩa bảo vệ.

SỞ HỮU XÃ HỘI hoặc SỞ HỮU CÔNG CỘNG (đối với tư liệu sản xuất)—cơ sở kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa ph

triển được xây dựng ở Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa khác có hai hình thức sở hữu chính là **sở hữu** Nhà nước (toàn dân) và sở hữu hợp tác xã. Sở hữu Nhà nước xã hội chủ nghĩa xuất hiện cùng với thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa do kết quả **tịch thu, quốc hữu hóa** tài sản lớn của tư bản (xí nghiệp công nghiệp và nông nghiệp, ngân hàng, hầm mỏ, v. v.) do lao động của công nhân, những người bị tư bản bóc lột, tạo nên. Việc xã hội hóa sở hữu tư nhân nhỏ của nông dân và thợ thủ công do lao động riêng của họ tạo ra đã được tiến hành bằng con đường hợp tác hóa tình nguyện. Sở hữu của nông trang tập thể và hợp tác xã đã xuất hiện như vậy. Cả hai hình thức sở hữu xã hội đều trừ bỏ nạn người bóc lột người, bảo đảm kế hoạch hóa của Nhà nước đối với toàn bộ **nền kinh tế quốc dân** nhằm thỏa mãn đầy đủ nhất nhu cầu vật chất và tinh thần không ngừng tăng thêm của nhân dân lao động, cho phép phân phối của cải vật chất theo lao động, tức là theo số lượng và chất lượng đóng góp lao động của mỗi thành viên xã hội.

Sở hữu Nhà nước là hình thức chủ đạo của sở hữu xã hội, bởi vì nó là trình độ cao hơn của xã hội hóa, của việc quản lý, kế hoạch hóa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Sở hữu này chiếm trên 90% những vốn sản xuất chính của nền kinh tế quốc dân Liên Xô. Nếu các xí nghiệp Nhà nước và sản phẩm của các xí nghiệp đó là sở hữu toàn dân, thì các nông trang tập thể, hợp tác xã và sản phẩm của chúng là sở hữu của từng tổ chức kinh tế cụ thể đó.

Trong quá trình phát triển xã hội xã hội chủ nghĩa và xây dựng **chủ nghĩa cộng sản**, các hình thức sở hữu Nhà nước và nông trang—hợp tác xã xích lại gần nhau dần và trong tương lai sẽ hòa làm một thành sở hữu cộng sản chủ nghĩa thống nhất (xem SỞ HỮU).

SỞ HỮU TƯ NHÂN (CHẾ ĐỘ)—.hình thức **sở hữu** trong đó **tư liệu sản xuất** và sản phẩm lao động xã hội nằm trong tay những tư nhân. Sở hữu tư nhân xuất hiện trong quá trình tan rã **chế độ công xã nguyên thủy** và phôi sinh **chế độ chiếm hữu nô lệ**. Do kết quả hoàn thiện công cụ lao động và thói quen lao động, con người bắt đầu sản xuất những khối lượng sản phẩm nhiều hơn số sản phẩm cần thiết cho đời sống, những sản phẩm thừa này có thể dùng để đổi lấy những hàng hóa do những người khác sản xuất. Sự trao đổi hàng hóa giữa các công xã thị tộc và bộ lạc bắt đầu phát triển. Đại diện trong các cuộc trao đổi là thủ lĩnh thị tộc và tù trưởng bộ lạc. Những nhân vật này dần dần chiếm đoạt một phần của cải xã hội. Đồng thời, các thành viên công xã bắt đầu không nhờ vả vào sự giúp đỡ của những người khác, bằng sức lực của mình có thể sản xuất ra những vật phẩm cần thiết cho bản thân lẫn những vật phẩm dùng để trao đổi. Như vậy là dần dần xuất hiện chiều hướng kinh tế tự lực, cá thể. Lao động cá thể ra đời đã đòi hỏi quyền sở hữu tư nhân đối với công cụ làm việc và các tư liệu sản xuất khác. Quyền sở hữu tư nhân được những nhân vật hữu quan (trước hết là các thủ lĩnh, tù trưởng, thầy cúng) tuyên bố là thiêng liêng và bất khả xâm phạm.

Sự xuất hiện sở hữu tư nhân chia xã hội thành người giầu và người nghèo, kẻ bóc lột (có sở hữu tư nhân) và người bị bóc lột (không có sở hữu tư nhân và trong lao động phải sử dụng những tư liệu sản xuất nằm trong tay bọn bóc lột). Cùng với sự phát triển của sản xuất, sở hữu tư nhân tuần tự mang hình thức **chiếm hữu nô lệ,** rồi **phong kiến**, sau nữa là **tư bản chủ nghĩa** đối với **tư liệu sản xuất**. Hình thức sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất là nguyên nhân gây ra cạnh tranh hết sức gay gắt, phát triển sản xuất vô chính phủ, **khủng hoảng**, lạm phát, **thất nghiệp**, các cuộc xung đột xã hội hết sức nghiêm trọng. Tính chất xã hội của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa bắt đầu mâu thuẫn không thể điều hòa nổi với hình thức sở hữu tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn này được giải quyết bằng **cách mạng xã hội chủ nghĩa** trả lại cho nhân dân lao động của cải do bàn tay họ làm ra, thay thế sở hữu tư nhân bằng sở hữu xã hội, toàn dân, xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất.

SỨ MẠNG LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN— vai trò đặc biệt của **giai cấp công nhân** trong lịch sử toàn thể giới: là giai cấp đầu tranh triệt để nhất chống chế độ **bóc lột**, giai cấp công nhân dẫn đầu cuộc đầu tranh cách mạng của toàn thể nhân dân lao động. Dưới sự lãnh đạo của **Đảng**, giai cấp công nhân (vô sản) liên minh với nhân dân lao động thực hiện cuộc **cách mạng xã hội chủ nghĩa** và thiết lập chính quyền của nhân dân lao động, là lực lượng chủ đạo của xã hội trong thời kỳ xây dựng **chủ nghĩa xã hội** và **chủ nghĩa cộng sản**.

T

TẦNG LỚP TRUNG GIAN—các **giai cấp** và nhóm xã hội giữ địa vị trung gian giữa **tư sản** và **vô sản**. Các tầng lớp này bao gồm **tiểu tư sản** (thợ thủ công, tiểu chủ, tiểu thương, chủ xưởng nhỏ, nhân viên kỹ thuật được trả lương cao, trung nông và chủ trại nhỏ và vừa) có sở hữu tư nhân, **trí thức** và viên chức không có sở hữu tư nhân và phải làm thuê cho bọn tư bản; người làm công và các phần tử mất tính giai cấp. Do giữ địa vị kinh tế-xã hội trung gian, các tầng lớp này không kiên định về chính trị, lúc đứng về phía **giai cấp công nhân,** khi ngả về phía **tư sản.** Trong cuộc đấu tranh cho **chủ nghĩa xã hội,** giai cấp công nhân coi các tầng lớp trung gian là đồng minh trên thực tế, bởi vì phần đông những người đó, khi bị phá sản, sa sút, trở nên gần gũi và hòa vào giai cấp công nhân. Trong điều kiện ngày nay, quá trình các tầng lớp trung gian (trí thức, v. v.) ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển xích lại gần giai cấp công nhân đang diễn ra nhanh chóng và có quy mô ngày càng lớn. Ở **các nước đang phát triển**, trí thức dân tộc và đại diện của các tầng lớp trung gian khác thường đóng vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

TẬP ĐOÀN LŨNG ĐOẠN XUYÊN QUỐC GIA—các công-xoóc-xi-om và tơ-rớt có vốn tư bản ở nước ngoài (gọi là các **công ty lũng đoạn** xuyên quốc gia) cũng như là các công ty quốc tế có các chi nhánh ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa và **nước đang phát triển**. Các công ty xuyên quốc gia tăng cường bóc lột người lao

động, tăng giá nguyên liệu và thiết bị do chúng nhập vào trong nước, tung hàng hóa tràn ngập thị trường địa phương và do đó làm tổn hại tới nền **kinh tế** dân tộc, làm suy yếu vị trí của các nước này trên thị trường quốc tế. Thắng lợi của cuộc đấu tranh chống sự thống trị ngày càng tăng của các tập đoàn lũng đoạn xuyên quốc gia phụ thuộc vào tình đoàn kết quốc tế vững mạnh của những người lao động trong các nước tư bản và các nước đang phát triển, vào thống nhất hành động của các tổ chức chính trị và chuyên nghiệp của họ.

TẬP THỂ HÓA NÔNG NGHIỆP (ở Liên Xô)— cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp bằng cách đoàn kết các hộ nông dân cá thể nhỏ thành những nông trang tập thể lớn. Việc xây dựng nông trang tập thể được tiến hành đồng thời với **công nghiệp hóa** đất nước và **cách mạng văn hóa** đã thúc đẩy sự phát triển các quan hệ kinh tế giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, mở ra những khả năng rộng lớn để cơ khí hóa nông nghiệp, ứng dụng trong nông nghiệp kỹ thuật trồng trọt hiện đại và các phương pháp chăn nuôi tiên tiến. Điều đó đáp lại lợi ích của nông dân cũng như của toàn thể nhân dân lao động trong nước.

TẬP TRUNG DÂN CHỦ (CHẾ ĐỘ)—nguyên tắc chủ đạo về cơ cấu tổ chức của các đảng cộng sản và công nhân mác-xít lê-nin-nít, của các cơ quan quyền lực Nhà nước, của tổ chức thanh niên, công đoàn và các đoàn thể xã hội khác ở các nước xã hội chủ nghĩa. Chế độ tập trung dân chủ trong **Đảng Cộng sản Liên Xô** thể hiện như sau: tất cả các cơ quan lãnh đạo của

Đảng đều được bầu từ dưới lên trên; các cơ quan của Đảng báo cáo định kỳ trước các tổ chức đảng của mình và trước các cơ quan cấp trên; đảng viên tích cực hoạt động sáng tạo; kỷ luật Đảng nghiêm minh và số ít phục tùng số đông; cấp dưới chấp hành không điều kiện những nghị quyết và chỉ thị của cấp trên; thực hiện **dân chủ** trong Đảng; phê bình và tự phê bình.

THẤT NGHIỆP—hiện tượng gắn liền với chế độ tư bản chủ nghĩa, trong đó một bộ phận nhân dân lao động không tìm ra công ăn việc làm và trở thành đội quân lao động dự bị. Chỉ tính riêng trong các nước tư bản phát triển nhất, số dân cư có sức lao động nhưng không tìm ra công ăn việc làm lên tới 12 phần trăm. Ở Liên Xô, **chế độ sở hữu xã hội** đối với các **tư liệu sản xuất** và việc phát triển kinh tế quốc dân theo kế hoạch đã cho phép thủ tiêu vĩnh viễn nạn thất nghiệp từ cuối năm 1930.

THẾ GIỚI QUAN—hệ thống quan điểm nhìn nhận thế giới, tự nhiên và xã hội. Trong thời đại ngày nay, có hai thế giới quan đối lập nhau gay gắt là thế giới quan cộng sản và thế giới quan tư sản. Thế giới quan cộng sản cổ vũ quần chúng lao động tích cực cải tạo thế giới, đem lại niềm tin vào sức mạnh của con người và tiến bộ xã hội.

THI ĐUA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA—một trong những hình thức chính thể hiện sáng kiến của nhân dân lao động trong xã hội xã hội chủ nghĩa nhằm tăng

khối lượng và chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, đẩy nhanh tiến bộ kỹ thuật. Trong quá trình thi đua xã hội chủ nghĩa, những người tham gia phong trào thi đua nhận cam kết đạt thành tích lao động cao nhất. Thi đua xã hội chủ nghĩa là hình thức giáo dục cộng sản đối với những người lao động đã thoát khỏi ách **bóc lột**, lôi cuốn họ tham gia quản lý sản xuất. V. I. Lê-nin đã đề ra các nguyên tắc thi đua xã hội chủ nghĩa: tính chất công khai, so sánh kết quả, tạo điều kiện ứng dụng kinh nghiệm tiên tiến, giúp đỡ nhau trên tình đồng chí. Cuối những năm 50, ở Liên Xô đã xuất hiện hình thức thi đua xã hội chủ nghĩa mới—phong trào thi đua lao động cộng sản chủ nghĩa. Trong quá trình thi đua này, các chiến sĩ thi đua được tặng danh hiệu tập thể lao động cộng sản tiên tiến và chiến sĩ lao động cộng sản tiên tiến. Các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng có những hình thức thi đua xã hội chủ nghĩa riêng.

THỜI CƠ CÁCH MẠNG—tình huống chính trị đặc trưng bằng tương quan lực lượng giai cấp, trong đó các giai cấp thống trị lỗi thời về mặt lịch sử trước sức ép của giai cấp bị trị không còn giữ nguyên được địa vị cầm đầu của mình. Đặc trưng cho thời cơ cách mạng là nỗi thống khổ của các giai cấp bị áp bức đã dâng lên cực độ, tính tích cực chính trị của giai cấp tiến bộ có khả năng lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng đã tăng lên nhiều.

THỜI KỲ QUÁ ĐỘ TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI—thời kỳ cải tạo xã

hội tư bản bằng cách mạng thành xã hội xã hội chủ nghĩa, thời kỳ này bắt đầu từ khi giai cấp công nhân liên minh với nông dân lao động và các tầng lớp xã hội khác nắm được quyền lực chính trị và kết thúc khi hoàn thành xây dựng **chủ nghĩa xã hội**, tức giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa. Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, **quan hệ sản xuất** tư bản chủ nghĩa được thay thế bằng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; sản xuất hàng hóa nhỏ được cải tạo dần thành nền sản xuất tập thể lớn, cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội được xây dựng bằng con đường **công nghiệp hóa** và tái trang bị kỹ thuật cho toàn bộ nền **kinh tế quốc dân, tính chất nhiều hình thái của kinh tế** được khắc phục, các **giai cấp** bóc lột và những nguyên nhân sản sinh ra nạn bóc lột bị thủ tiêu, **cách mạng văn hóa** được tiến hành.

Kinh nghiệm của Liên Xô, Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, đang được tất cả các dân tộc bước vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội vận dụng sáng tạo theo hoàn cảnh cụ thể của nước mình.

THU NHẬP QUỐC DÂN—giá trị mới được tạo thành trong lĩnh vực sản xuất vật chất, hoặc một phần giá trị của tổng sản phẩm xã hội hàng năm còn lại sau khi đã bù đắp hao phí về **tư liệu sản xuất**. Ở các nước tư bản chủ nghĩa, hơn một nửa thu nhập quốc dân bị các giai cấp bóc lột chiếm đoạt. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, thu nhập quốc dân do những người lao động làm ra thuộc về toàn dân và dùng để thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân lao động (khoảng 3/4 thu nhập quốc dân) cũng như tiếp tục

mở rộng sản xuất, tăng vốn sản xuất và thành lập dự trữ, xét tới cùng cũng nhằm nâng cao mức sống của người lao động.

THỰC DÂN (CHỦ NGHĨA)—hệ thống và chính sách của các nước tư bản dùng bạo lực tước đoạt độc lập về kinh tế và chính trị của các nước bị xâm chiếm, biến các nước này thành thuộc địa. Tới đầu thế kỷ 20, việc phân chia đất đai trên thế giới giữa các nước thực dân lớn—Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Ý, Nhật Bản, Hà Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, v.v., đã kết thúc. Những nước này sử dụng các thuộc địa làm nguồn cung cấp nguyên liệu và nhân công rẻ mạt, nơi đầu tư tư bản. Việc bóc lột các thuộc địa đã đem lại những món lợi nhuận lớn cho bọn đế quốc. Sau chiến tranh thế giới thứ hai (1939—1945), phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa dựa vào sự giúp đỡ và ủng hộ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, trước hết là Liên Xô, đã làm tan rã hệ thống thuộc địa của đế quốc. Trên bản đồ chính trị thế giới đã xuất hiện gần 100 **nước đang phát triển** mới thoát khỏi ách thực dân. Nhân dân các nước này đang đấu tranh thủ tiêu những tàn tích của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập chính trị và kinh tế thực sự. Trong điều kiện sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ, bọn đế quốc đang cố sức duy trì sự thống trị của chúng ở các nước đã được giải phóng bằng cách sử dụng các thủ đoạn thực dân mới (xem CHỦ NGHĨA THỰC DÂN MỚI).

THỰC DÂN MỚI (CHỦ NGHĨA)—hệ thống quan hệ qua lại giữa các nước đế quốc và **các nước đang phát triển**. Đặc điểm của hệ thống này là chính sách bóc lột và phá hoại của đế quốc đối với nền độc lập của các nước đã thoát khỏi ách áp bức thực dân. Chính sách này được thi hành dưới hình thức kiểm soát kinh tế và chính trị giấu mặt đối với các thuộc địa cũ. Chủ nghĩa thực dân mới này được hình thành sau chiến tranh thế giới thứ hai, trong điều kiện hệ thống thuộc địa của **chủ nghĩa đế quốc** bị tan rã. Cơ sở vật chất của chủ nghĩa thực dân mới là **sở hữu** đối với **tư liệu sản xuất** do công ty nước ngoài nắm giữ. Chỗ dựa xã hội của chủ nghĩa thực dân mới là bọn phản động đầu sỏ của giai cấp **tư sản** địa phương trong các nước đang phát triển có quan hệ với các công ty nước ngoài. Các thủ đoạn của chủ nghĩa thực dân mới là: thống trị kinh tế của các công ty **lũng đoạn** đế quốc, «viện trợ» kinh tế với điều kiện nhượng bộ chính trị cho đế quốc, khơi sâu lòng hiềm thù giữa các dân tộc và bộ tộc, gây hiềm khích giữa các nhóm chính trị khác nhau nhằm đánh lạc hướng họ khỏi cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, áp đặt các chế độ phản dân, **can thiệp,** hoạt động gián điệp, biệt kích, ám sát những nhà hoạt động tiến bộ, v. v..

TỊCH THU—sự sung công bắt buộc, sự tước đoạt thứ gì đó, ví dụ, **cách mạng** xã hội chủ nghĩa tước đoạt quyền **sở hữu** đối với **tư liệu sản xuất** của bọn tư bản và điền chủ lớn, tịch thu tài sản của chúng.

TIẾN HÓA—một trong những hình thức của sự vận động và phát triển trong tự nhiên và xã hội. Nó biểu hiện quá trình lượng đổi dần thành chất. Tiến hóa và **cách mạng** (bước biến đổi nhảy vọt từ lượng thành chất) là hai hình thức gắn liền với nhau của sự vận động, phát triển trong tự nhiên và xã hội.

TIỀN LƯƠNG—tiền công lao động, khoản tiền mà người làm việc nhận được. Mức tiền lương không chỉ phụ thuộc vào tính chất phức tạp của lao động, trình độ chuyên môn của người làm, chất lượng công việc làm và thời gian dành cho công việc, mà còn phụ thuộc ở mức độ đáng kể vào hình thức **sở hữu** đối với **tư liệu sản xuất**. Ví dụ, làm việc trong một xí nghiệp tư nhân một thời gian nhất định (giờ, ngày, tuần lễ), người công nhân được lĩnh một số tiền quy định và tưởng rằng toàn bộ lao động của mình được thanh toán. Nhưng thực tế, dưới hình thức tiền lương, người công nhân được trả công lao động không phải trong toàn bộ thời gian làm việc, mà chỉ là tiền công một phần thời gian lao động, trong đó tái sản xuất giá trị nhân công có chuyên môn nhất định được hình thành tự phát trong xã hội. Trong phần ngày làm việc không được trả công, người công nhân bằng lao động của mình tạo ra số sản phẩm mà giá trị của nó (gọi là giá trị thặng dư) bị tư bản chiếm đoạt theo «quyền sở hữu», dưới hình thức lợi nhuận kinh doanh.

Trong **chủ nghĩa xã hội** lại khác. Dưới chế độ **sở hữu xã hội** đối với tư liệu sản xuất, tiền lương là hình thức trả công theo lao động thích ứng với số lượng và chất lượng lao động tiêu hao trong thời gian sản

xuất ra sản phẩm này hay sản phẩm kia. Trong chủ nghĩa xã hội chưa đạt được mức năng suất lao động và của cải xã hội như trong xã hội cộng sản chủ nghĩa cho phép phân phối phúc lợi vật chất và tinh thần theo nhu cầu của con người. Vì thế xã hội xã hội chủ nghĩa thưởng công cho người làm việc theo mức đóng góp lao động vào nền sản xuất xã hội. Ở đây, tiền lương đền bù phần lớn giá trị thời gian làm việc. Phần thời gian còn lại tạo ra số sản phẩm mà giá trị của nó phục vụ cho nhu cầu xã hội: mở rộng sản xuất, phát triển khoa học, y tế, xây dựng nhà ở, bảo trợ xã hội, v. v.. Trong các nước xã hội chủ nghĩa, tiền lương được Nhà nước điều chỉnh theo kế hoạch và cùng với **các quỹ tiêu dùng xã hội** bảo đảm tăng không ngừng **mức sống** của nhân dân lao động. Tiền nhà thấp (chiếm 3-4% ngân quỹ gia đình người công nhân), học tập và giúp đỡ y tế không phải trả tiền, nhiều ưu đãi cho học sinh (ví dụ, học bổng của học sinh đại học), cho các bà mẹ có con nhỏ và các gia đình đông con, chế độ hưu trí bổ sung thêm nhiều cho tiền lương của người lao động trong chủ nghĩa xã hội, cho ngân quỹ gia đình của họ.

TIÊU CHUẨN LÊ-NIN-NÍT TRONG SINH HOẠT ĐẢNG—những quy tắc chủ yếu do V. I. Lê-nin vạch thảo mà **Đảng Cộng sản Liên Xô** và các đảng mác-xít lê-nin-nít khác quán triệt trong hoạt động. Những tiêu chuẩn quan trọng nhất là: chế độ báo cáo và bầu cử của các cơ quan lãnh đạo đảng, tự do thảo luận, phê bình và tự phê bình, sinh hoạt đảng công khai, lãnh đạo tập thể, đội ngũ đảng thống nhất về mặt tư

tưởng và tổ chức, đảng viên tích cực tham gia giải quyết vấn đề nội bộ đảng, trung thành với những lý tưởng cộng sản, tin tưởng sắt đá vào thắng lợi của tư tưởng cộng sản (xem TẬP TRUNG DÂN CHỦ).

TIỂU TƯ SẢN—giai cấp xã hội giữ địa vị trung gian giữa vô sản và tư sản, đó là: nông dân lao động, thợ thủ công, tiểu chủ, v. v.. Tiểu tư sản khác với vô sản ở chỗ họ có **tư liệu sản xuất**, nhưng khác với người tư bản là họ bỏ sức ra lao động, thường thì tự mình làm hoặc mướn một số ít người làm thuê. Tính chất hai mặt này làm cho họ dao động trong quá trình **đấu tranh giai cấp**, không kiên định về chính trị trong việc chọn đồng minh. Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, đại bộ phận tiểu tư sản bị phá sản và biến thành công nhân làm thuê, còn một số nhỏ biến thành những người kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

TÍN DỤNG NƯỚC NGOÀI (QUỐC TẾ)—những khoản vay dùng trên thị trường tiền tệ nước ngoài hoặc do các chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế cấp. Bằng tín dụng nước ngoài, các nước đế quốc thường nắm được thị trường tiêu thụ và nguồn nguyên liệu của các nước vay tiền, như vậy là làm cho họ phụ thuộc về kinh tế và chính trị vào các nước cho vay. Tín dụng mà các nước xã hội chủ nghĩa dành cho các nước khác nhằm giúp cho các dân tộc thoát khỏi ách thống trị của bọn thực dân xây dựng nền kinh tế dân tộc tự chủ, bởi vì tín dụng này dành cho họ theo những điều kiện ưu tiên và không bị ràng buộc bởi điều kiện chính trị và quân sự nào.

«TIẾN CÔNG TỰ VỆ»—xem CHIẾN TRANH NGĂN ĐE.

TIÊU CHUẨN ĐẠO ĐỨC CỦA NGƯỜI XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN—toàn bộ những nguyên tắc đạo đức cộng sản chủ nghĩa đã được xác nhận trong xã hội xã hội chủ nghĩa, được lập luận khoa học và tổng hợp trong Cương lĩnh Đảng Cộng sản Liên Xô. Những nguyên tắc chính của tiêu chuẩn này là trung thành với sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản, tình yêu đối với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đối với các nước xã hội chủ nghĩa; lao động tốt vì lợi ích của xã hội; quan tâm tới việc giữ gìn và tăng của cải của xã hội; không tha thứ những vi phạm lợi ích xã hội; có tinh thần tập thể và giúp đỡ nhau trên tinh thần đồng chí; có thái độ nhân đạo và kính trọng nhau giữa mọi người; có lương tâm và công bằng, đạo đức trong sạch, khiêm tốn và giản dị trong đời sống xã hội và trong đời tư; kính trọng nhau trong gia đình, quan tâm tới việc dạy dỗ con cái; không khoan nhượng đối với sự bất công, thói ăn bám, óc ham địa vị, ham tiền tài; có tinh thần hữu nghị và tình anh em giữa các dân tộc trong Liên Xô, không tha thứ thái độ hiềm thù dân tộc và chủng tộc; không khoan nhượng đối với kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản, của sự nghiệp hòa bình và tự do của các dân tộc; đoàn kết anh em với nhân dân lao động tất cả các nước, tất cả các dân tộc.

TÌNH HUỐNG CÁCH MẠNG—xem THỜI CƠ CÁCH MẠNG.

TỔ CHỨC HIỆP ƯỚC BẮC ĐẠI TÂY DƯƠNG (NATO)—liên minh quân sự-chính trị của các nước tư bản nhằm chống các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc. Liên minh này được thành lập theo đề nghị của Mỹ trên cơ sở Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương ký tháng 4-1949 ở Oa-sinh-tơn giữa các đại diện của Mỹ, Anh, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua, Ca-na-đa, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha, Na Uy, Đan Mạch và Ai-xlen. Năm 1952, Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ gia nhập NATO; đến năm 1955 có thêm Cộng hòa Liên bang Đức. Tháng 12-1981, đại diện của các nước thành viên NATO ký nghị định thư về việc kết nạp Tây Ban Nha vào tổ chức này. Trước áp lực của Mỹ, NATO đã thông qua một nghị quyết nhằm mục đích phá vỡ sự cân bằng về quân sự đã hình thành ở châu Âu để giành ưu thế cho khối NATO. Nếu tính tất cả các tên lửa và máy bay chiến đấu có thể từ Tây Âu và các biển sát cận với Tây Âu uy hiếp những mục tiêu trên lãnh thổ Liên Xô và, mặt khác, những vũ khí tương tự của Liên Xô đặt trên phần đất đai nước mình thuộc châu Âu, thì sự cân bằng đó xấp xỉ như sau: các nước NATO có 986 đơn vị vũ khí này, còn Liên Xô có 975. Nhưng nếu trên lãnh thổ Tây Âu sẽ đặt thêm 572 tên lửa mới của Mỹ, thì số lượng tên lửa của NATO sẽ nhiều gấp 1,5 lần và số đầu đạn hạt nhân sẽ nhiều gấp 2 lần so với đối phương. Hiện nay chỉ riêng quân đội NATO đã có hơn 16 nghìn xe tăng. Ngoài ra, ở châu Âu có gần 1,5 nghìn xe tăng Mỹ và 6,5 nghìn xe tăng của các nước thành viên NATO ở Tây Âu. Ngoài ra, năm 1982, NATO lại quyết định vũ trang thêm 400 xe tăng chủ lực và 850 xe bọc thép

khác. 1,4 nghìn hệ thống tên lửa chống tăng mới cũng được trang bị thêm. Như vậy, bằng cách tung luận điệu «**hiểm họa Liên Xô**», Mỹ đang lôi kéo các đồng minh trong khối NATO vào con đường phiêu lưu, tìm cách chiếm ưu thế quân sự so với Liên Xô và các nước thành viên **Hiệp ước Vác-sa-va**. Khối NATO công bố việc chạy đua vũ trang điên cuồng là con chủ bài chính trị của mình, thông qua nghị quyết này đến nghị quyết khác nhằm tiếp tục đẩy mạnh cuộc chạy đua vũ trang hết sức nguy hiểm cho loài người, gây tình hình căng thẳng thêm, tiếp tục chuẩn bị chiến tranh hạt nhân. Mỹ, nước chủ yếu trong khối NATO, đang ra sức «hợp pháp hóa» không những cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, mà cả việc sử dụng vũ khí hạt nhân, tuyên bố dường như hầu hết bề mặt hành tinh chúng ta là môi trường «lợi ích» sống còn của mình. Như vậy, khối NATO là mầm mống gây **xâm lược** và sào huyệt của bọn phản động, nguy cơ đe dọa hòa bình và toàn thế loài người. Khối NATO đã thành lập bộ chỉ huy quân sự thống nhất. Năm 1966, lần đầu tiên Pháp rút ra khỏi tổ chức quân sự của NATO, đến năm 1974 Hy Lạp tuyên bố rút ra khỏi tổ chức quân sự này, mặc dù cả hai nước đó vẫn là thành viên của Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương. Các cơ quan cao nhất là các khóa họp Hội đồng NATO và Ủy ban đặt kế hoạch quân sự. Trụ sở NATO đặt tại Brúc-xen (Bỉ).

TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP-QUÂN SỰ—liên minh giữa các nhóm **độc quyền** công nghiệp-quân sự và các giới quân phiệt cầm quyền trong các nước đế quốc.

Liên minh này có ảnh hưởng quyết định tới đường lối chính trị của đất nước. Là kẻ đề xướng việc tăng ngân sách quân sự, tổ hợp công nghiệp-quân sự thông qua tay chân của mình trong chính phủ áp đặt chính sách xâm lược, phiêu lưu quân sự, **chạy đua vũ trang** cho Nhà nước tư bản để đem lại những món lợi nhuận lớn cho các công ty độc quyền và làm cho nhân dân lao động vô cùng khổ cực.

TÔN GIÁO—hình thức đặc biệt của ý thức xã hội dựa vào những điều dị đoan như «thiên đàng, địa ngục», Thượng đế hay Chúa trời, thần linh, v.v.. Mỗi đạo giáo (đạo Thiên chúa, đạo I-xlam, đạo Phật, v.v.) đều có thế giới quan, truyền thống, tập tục, nghi lễ riêng đòi hỏi những hành vi đạo đức nhất định trong sinh hoạt và trong xã hội.

Những tiêu chuẩn khuyên răn của tôn giáo về mặt đạo đức xứng đáng được mọi người công nhận và tôn trọng là đức tính thật thà, công bằng, thông cảm nỗi đau khổ của người khác, chăm sóc tới sức khỏe và cuộc sống no ấm của mọi người, kính trọng lao động và kinh nghiệm sống của những người già, ham hiểu biết, v.v.. Đấu tranh của các nhà hoạt động tôn giáo nhằm đoàn kết mọi người, vì quyền bình đẳng, độc lập, nhằm giải phóng khỏi ách thực dân và ách nô dịch của nước ngoài, đấu tranh chống bóc lột lao động của người khác và ách áp bức, chống các cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, vì hòa bình thế giới cũng giành được sự đồng tình và ủng hộ nhiệt liệt.

Đồng thời, **chủ nghĩa Mác-Lê-nin** xa lạ với những lời kêu gọi của các nhà hoạt động tôn giáo đòi phải

duy trì trật tự cũ có lợi cho giai cấp **tư sản** và ca ngợi sự thống trị của bọn bóc lột và cơ sở kinh tế của chúng là chế độ **sở hữu tư nhân** đối với **tư liệu sản xuất**, bởi vì cơ sở đó là công cụ làm giàu và chiếm đoạt kết quả lao động của người khác. Các tư tưởng gia và chính khách tư sản phản động thường lợi dụng tôn giáo để phục vụ quyền lợi của các giai cấp bóc lột, làm công cụ bắt nhân dân lao động phải ngoan ngoãn vâng theo, đánh lạc hướng họ khỏi cuộc **đấu tranh giai cấp** để xây dựng lại xã hội một cách công bằng. Tóm lại, thái độ của người mác-xít lê-nin-nít đối với tôn giáo được xác định cụ thể trong từng trường hợp: những khẩu hiệu này hay khác được công bố nhằm theo đuổi những mục đích gì và nội dung thật sự của hoạt động tôn giáo này hay khác như thế nào. Nói riêng, thế giới quan mác-xít lê-nin-nít xuất phát từ chỗ con người phải đấu tranh chống những điều bất công khi còn sống chứ không gác lại tới sau khi chết, nhẫn nhục chờ đợi sự công bằng ở thế giới hư không, ngoài cuộc đời trần tục.

Công dân các nước xã hội chủ nghĩa được bảo đảm quyền tin theo bất kỳ tôn giáo nào hoặc không theo tôn giáo nào cả, theo đạo hoặc tuyên truyền thuyết vô thần (xem TỰ DO TÍN NGƯỠNG); luật pháp cấm gây sự thù địch và căm ghét đối với tôn giáo.

TỔNG BÃI CÔNG—cuộc bãi công thu hút công nhân của một ngành, một vài ngành hoặc tất cả các ngành công nghiệp, vận tải, phục vụ công cộng, v.v. trong phạm vi cả nước hoặc một vùng trong nước.

TỔNG KHỦNG HOẢNG CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN—cuộc khủng hoảng toàn diện của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới bao trùm các lĩnh vực **kinh tế**, chính trị và **hệ tư tưởng**. Cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản bắt đầu trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914—1918) và nhất là từ khi nước Nga tách ra khỏi hệ thống tư bản chủ nghĩa. Nó càng trở nên gay gắt từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939—1945), khi hàng loạt nước châu Âu và châu Á tách ra khỏi hệ thống tư bản và hình thành **hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới**. Giữa những năm 50, chủ nghĩa tư bản thế giới bước vào giai đoạn thứ ba của tổng khủng hoảng. Nét chính của nó là vị trí của chủ nghĩa tư bản trong cuộc thi đua kinh tế với chủ nghĩa xã hội đã bị suy yếu, hệ thống thuộc địa tan rã, mâu thuẫn của **chủ nghĩa đế quốc** trầm trọng thêm, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ngày càng không ổn định, cuộc đấu tranh của nhân dân lao động vì những yêu sách kinh tế và chính trị tăng thêm, chính trị và hệ tư tưởng đế quốc chủ nghĩa mắc khủng hoảng sâu sắc.

TRẬT TỰ KINH TẾ QUỐC TẾ MỚI—chương trình cải tổ sâu sắc các quan hệ kinh tế quốc tế theo các nguyên tắc công bằng do **các nước đang phát triển** đề ra. Trật tự kinh tế quốc tế mới, nói riêng, bao gồm chương trình liên kết điều hòa thị trường nguyên liệu, hạn chế hoạt động thú rừng của các **công ty xuyên quốc gia** và tư bản nước ngoài đầu tư trong các nước đang phát triển. Chương trình liên kết dự tính thiết lập sự tương xứng giữa giá nguyên liệu và giá thành phẩm,

biến các quan hệ kinh tế đối ngoại thành phương tiện trao đổi cùng có lợi, thành lập các nguồn dự trữ nguyên liệu «đệm» và quỹ tài chính riêng cho các nguồn này. Một trong những mặt yếu của chương trình này là việc cải tổ quan hệ kinh tế đối ngoại dự kiến thực hiện độc lập và không liên hệ với các cuộc cải tạo kinh tế-xã hội cần thiết trong nội bộ các nước được giải phóng, do đó trên thực tế trừ bỏ hậu quả, chứ không phải nguyên nhân làm mất ổn định việc buôn bán nguyên liệu. Yêu cầu về việc thiết lập trật tự kinh tế quốc tế mới trong thời đại ngày nay xuất phát không chỉ từ địa vị chính trị, mà cả từ địa vị kinh tế của các nước được giải phóng đang biến đổi rõ rệt. Điều đó được xác định bằng những biến đổi cấu trúc trong nền **kinh tế** các nước này, bằng quá trình **công nghiệp hóa** ngày càng được đẩy mạnh và sự tăng cường quan hệ hợp tác và công nghệ học với các nước phát triển công nghiệp. Các nước trong **hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới** đang tích cực góp phần giải quyết vấn đề trật tự kinh tế quốc tế mới vì lợi ích của các nước đang phát triển.

TRÍ THỨC—nhóm người trong xã hội có nghề nghiệp lao động trí óc phức tạp và có kiến thức chuyên môn cần thiết cho lao động này.

Không phải là một giai cấp xã hội đặc biệt, nhưng trí thức gắn bó mật thiết với các giai cấp khác, phục vụ nhu cầu của các giai cấp đó và vì thế đóng vai trò xã hội to lớn. Trong xã hội tư bản, phần đông trí thức là những người xuất thân từ các giai cấp giầu. Bộ phận chóp bu những người quản lý các xí nghiệp Nhà nước và tư nhân, các nhà khoa học được trả lương cao.

Những người thuộc bộ máy tuyên truyền tư bản thường có những cố phiếu lớn và tham gia bóc lột người lao động. Ở giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, do sự phát triển đồng loạt nền công nghiệp máy móc lớn, và nhất là từ khi xuất hiện cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, số lượng trí thức đã tăng vọt. Phần đông trí thức thực tế cũng là lao động làm thuê và bị tư bản bóc lột, cho nên họ ngày càng tích cực đấu tranh đòi quyền lợi, nhiều khi tiếp thu hình thức và phương pháp đấu tranh của giai cấp công nhân.

Ở các nước đang phát triển, phần đông trí thức giữ lập trường cách mạng dân chủ và chống đế quốc. Nơi nào giai cấp vô sản chưa nắm quyền lãnh đạo trong xã hội, thì trí thức là lực lượng chính xây dựng xã hội tiến bộ, thể hiện lợi ích của nông dân, tiểu chủ, thợ thủ công và những người lao động khác.

Trong **thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội**, lớp trí thức mới, xã hội chủ nghĩa được hình thành. Sau khi **chủ nghĩa xã hội** giành thắng lợi và giai cấp bóc lột không còn nữa, tầng lớp trí thức hoạt động vì lợi ích của toàn thể nhân dân lao động và lợi ích của họ gắn liền với lợi ích của công nông.

TRIẾT HỌC—khoa học về những quy luật chung của sự phát triển tự nhiên, xã hội và tư duy. Vấn đề cơ bản của triết học là vấn đề quan hệ của tư duy đối với thực tại, ý thức và vật chất. Những người coi ý niệm, thần linh, ý thức có trước giới tự nhiên, thực tại, vật chất thuộc trường phái triết học duy tâm. Còn trường phái duy vật coi thế giới là vật chất; tự nhiên, thực tại tồn tại ngoài ý thức và không phụ thuộc vào ý thức con người;

vật chất có trước và là nguồn gốc của cảm giác, còn ý thức có sau và là sản phẩm của con người; con người có thể nhận thức được thế giới và các quy luật của tự nhiên và sử dụng chúng trong hoạt động của mình (xem CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG, DUY VẬT LỊCH SỬ, CHỦ NGHĨA MÁC-LÊ-NIN).

«TUYÊN NGÔN ĐẢNG CỘNG SẢN»—văn kiện cương lĩnh đầu tiên của **chủ nghĩa cộng sản khoa học**. Tuyên ngôn này do C. Mác và Ph. Ăng-ghen viết vào khoảng tháng 12-1847—tháng 1-1848 và được coi là cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản. «Tuyên ngôn Đảng Cộng sản» lập luận một cách khoa học rằng việc lật đổ chính quyền tư bản bằng con đường cách mạng là không tránh khỏi và **giai cấp công nhân** sẽ giành quyền lực chính trị và xây dựng **chủ nghĩa cộng sản**. Tuyên ngôn này trình bày những mục đích nhân đạo của Đảng Cộng sản, vạch rõ tính chất giai cấp của những quan niệm tư bản chủ nghĩa về hôn nhân, đạo đức, quyền **sở hữu**, tổ quốc, v. v.. «Tuyên ngôn Đảng Cộng sản» kết thúc bằng khẩu hiệu «Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!».

Chủ nghĩa xã hội được xây dựng ở Liên Xô, sự xuất hiện hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai, sự phát triển hiện nay của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, cuộc đấu tranh chống đế quốc được đẩy mạnh trong các nước đã thoát khỏi ách thực dân và cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản tăng thêm là sự chứng thực rõ rệt về thắng lợi của những tư tưởng nêu trong «Tuyên ngôn Đảng Cộng sản».

TUYÊN TRUYỀN—việc phổ biến và giải thích các tư tưởng, học thuyết, tri thức, lý luận để thuyết phục mọi người tin theo. Tuyên truyền là công cụ mạnh mẽ của **đấu tranh giai cấp**, bởi vì có thể thu hút quảng đại quần chúng nhân dân bằng báo chí, phát thanh và vô tuyến truyền hình. Tuyên truyền tư sản thường đánh lừa dư luận xã hội bằng cách tung ra những luận điệu giả dối hoàn toàn, vu khống các nước xã hội chủ nghĩa và các chế độ tiến bộ.

TƯ BẢN—giá trị bằng con đường bóc lột nhân dân làm thuê đem lại cho người nắm giữ tiền, đất đai, **tư liệu sản xuất**, giá trị thặng dư. Tiền biến thành tư bản một khi nó được sử dụng vào mục đích bóc lột lao động làm thuê. Tư bản xuất hiện trong điều kiện tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu tư nhân của người tư bản, còn người lao động để thỏa mãn những nhu cầu sinh hoạt thiết yếu buộc phải làm thuê cho người tư bản, nghĩa là bán nhân lực của mình cho tư bản như bán một thứ hàng hóa. Việc bóc lột công nhân làm thuê đem lại cho người tư bản lợi nhuận, tức là số dư của doanh thu so với những chi phí ban đầu. Nói cách khác, lợi nhuận tư bản chủ nghĩa được tạo nên bởi lao động của công nhân và người tư bản hưởng lợi nhuận đó không phải bồi thường, theo «quyền» sở hữu tư nhân. Trong cuốn «Tư bản», Mác đã phát hiện thực chất bóc lột của người tư bản, vạch trần những luận điệu giả dối của các nhà kinh tế tư sản nói về sự hòa đồng quyền lợi giai cấp trong **chủ nghĩa tư bản** và chứng minh tính chất tất yếu và chính nghĩa của **cách mạng xã hội chủ nghĩa**.

TƯ BẢN CHỦ NGHĨA (XÃ HỘI)—xem CHỦ NGHĨA TƯ BẢN.

TƯ BẢN LŨNG ĐOẠN NHÀ NƯỚC (CHỦ NGHĨA)—hình thức mới của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn. Đặc điểm của nó là các công ty lũng đoạn hợp sức với Nhà nước nhằm làm giầu cho các nhóm lũng đoạn, đàn áp phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước là giai đoạn chủ nghĩa đế quốc bước vào thời kỳ **tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản**. Cơ sở kinh tế của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước là nền công nghiệp tập trung cao, tư bản tập trung cao (của các nhóm độc quyền tư nhân và Nhà nước). Các hình thức của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước là **sở hữu** Nhà nước đối với một số tư liệu sản xuất, sự tham gia của Nhà nước vào quá trình lưu thông hàng hóa với tư cách là người mua và người bán, vốn đầu tư của Nhà nước, sự điều hòa và hoạch định của Nhà nước đối với **kinh tế,** sự tham gia của Nhà nước vào hoạt động **bành trướng** kinh tế đối ngoại của các công ty lũng đoạn và **sự liên kết của đế quốc.** Mối liên hệ riêng giữa bộ phận cầm đầu bộ máy Nhà nước tư sản và những người cầm đầu các công ty lũng đoạn trong chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước ngày càng thắt chặt hơn. Làm tăng những mâu thuẫn giữa các nước đế quốc đến cùng cực, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước dẫn chủ nghĩa tư bản tới miệng hố tiêu vong.

TƯ BẢN NHÀ NƯỚC (CHỦ NGHĨA)—tất cả những biện pháp của Nhà nước nhằm trực tiếp tham

gia hoạt động kinh doanh. Ở một số nước, hình thức tư bản Nhà nước phổ biến trong thời kỳ tiền lũng đoạn của **chủ nghĩa tư bản**. Ở **các nước đang phát triển**, chủ nghĩa tư bản Nhà nước (bằng con đường xây dựng các xí nghiệp Nhà nước) góp phần củng cố nền công nghiệp dân tộc, giành độc lập về kinh tế. Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên **chủ nghĩa xã hội**, Nhà nước vô sản cho phép chủ nghĩa tư bản Nhà nước tồn tại vì lợi ích của giai cấp công nhân (dưới hình thức các xí nghiệp Nhà nước tô nhượng, các công ty hỗn hợp, v. v.) để cải tạo dần các xí nghiệp tư bản thành xí nghiệp xã hội chủ nghĩa.

«TƯ BẢN NHÂN DÂN (CHỦ NGHĨA)»—lý thuyết kinh tế có ý định chứng minh dường như **chủ nghĩa tư bản** đang dần dần mất tính chất bóc lột và trở thành chế độ phục vụ toàn dân. Những người bênh vực lý thuyết này quả quyết rằng trong điều kiện ngày nay đang diễn ra sự «phân tán» tài sản và «dân chủ hóa» **tư bản**, thu nhập của người lao động và nhà tư bản đang «xích lại gần nhau». Những kẻ bảo vệ chủ nghĩa tư bản dựa vào việc phân phát những cổ phiếu nhỏ cho hàng nghìn người mua và dường như là họ đã trở thành «những đồng chủ» của các hội cổ phiếu để chứng minh cho «chủ nghĩa tư bản nhân dân». Nhưng trên thực tế, những cổ phiếu nhỏ chỉ là hình thức thu hút tiền của các tầng lớp nhân dân để tích lũy vốn nhanh chóng cho bọn trùm tư bản tài chính. Lý thuyết này là thủ đoạn tuyên truyền lừa bịp nhằm lôi kéo những người bị bóc lột hợp tác với bọn bóc lột.

TƯ HỮU (CHẾ ĐỘ)—xem SỞ HỮU TƯ NHÂN (CHẾ ĐỘ).

TƯ LIỆU SẢN XUẤT—đối tượng lao động và công cụ lao động mà con người dùng để sản xuất của cải vật chất; một bộ phận **lực lượng sản xuất** của xã hội. Đối tượng lao động là những gì mà con người tác động tới trong sản xuất của cải vật chất (đối tượng lao động tự nhiên là than, quặng, nguyên liệu, kim loại, sợi, v. v.). Công cụ lao động là những phương tiện mà con người dùng để tạo ra của cải vật chất (dụng cụ, máy móc, đường ống, nhà cửa, công trình, đường sá, kênh máng, ruộng đất). Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, tư liệu sản xuất thuộc về **Nhà nước**, tức là tài sản của toàn dân. Điều đó loại trừ nạn người **bóc lột** người và cho phép sử dụng tư liệu sản xuất theo kế hoạch, vì lợi ích của toàn dân.

TƯ SẢN—giai cấp thống trị trong xã hội tư bản nắm giữ trong tay các **tư liệu sản xuất** (nhà máy, hầm mỏ, ngành giao thông vận tải, bưu điện, đất đai và lòng đất, v. v.), sống bằng lợi nhuận thu được do **bóc lột** lao động làm thuê của công nhân. Trong **các nước đang phát triển**, bọn đầu sỏ phản động trong tầng lớp tư sản dân tộc thường chống lại các cuộc cải tạo xã hội tiến bộ và đường lối chống đế quốc.

TỰ DO (CHỦ NGHĨA)—trào lưu chính trị và tư tưởng tập hợp những người theo chế độ nghị viện tư sản và tự do kinh doanh tư bản chủ nghĩa; trào lưu này thể hiện lợi ích của **tư sản** công nghiệp trong

thời kỳ giới này giành quyền thống trị về chính trị và kinh tế. Khi phong trào cách mạng của giai cấp **vô sản** lớn mạnh, phái tự do chủ nghĩa thôi không đòi các quyền tự do dân chủ và câu kết với bọn phản động.

TỰ DO TÍN NGƯỠNG—quyền bình đẳng của tất cả các giáo hội được truyền bá **tín ngưỡng** của mình. Ở Liên Xô, tự do tín ngưỡng được Hiến pháp bảo đảm, tất cả các giáo hội đều được tự quản, phát hành sách báo của đạo (kinh thánh, kinh đạo I-xlam, kinh đạo Phật, lịch nhà thờ, v. v.). Vì giáo hội tách rời Nhà nước, cho nên Nhà nước Liên Xô không can thiệp vào hoạt động lễ bái, pháp quy của các giáo hội, còn giáo hội không được can thiệp vào công việc của Nhà nước. Ở Liên Xô có hơn 20 000 nhà thờ đạo chính thống, nhà thờ công giáo, đạo Do thái, đạo Lu-te, đền đài lễ cổ, nhà thờ đạo I-xlam, chùa chiền, nhà cầu kinh Phúc âm của những người theo đạo Thiên chúa phái tẩy lễ, tu viện nam, nữ. Các cơ quan Đảng và Nhà nước, công dân các nước xã hội chủ nghĩa tôn trọng tự do tín ngưỡng của mọi người, tôn trọng các lễ nghi và các ngày lễ tôn giáo.

TỰ QUYẾT DÂN TỘC—xem QUYỀN TỰ QUYẾT CỦA CÁC DÂN TỘC.

Ư

ƯU VIỆT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (so với chủ nghĩa tư bản)—những ưu việt gắn liền với **chủ**

nghĩa xã hội, hình thức tổ chức xã hội loài người cao hơn so với **chủ nghĩa tư bản**. Dưới đây là những ưu việt quan trọng nhất của chủ nghĩa xã hội. Trong lĩnh vực kinh tế-xã hội, không có nạn người **bóc lột** người; chế độ **sở hữu xã hội** đối với **tư liệu sản xuất**; đặt kế hoạch toàn quốc phát triển **kinh tế quốc dân** nhằm thỏa mãn tối đa những nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi thành viên xã hội; không có **khủng hoảng**, lạm phát, **thất nghiệp** như trong chủ nghĩa tư bản, đồng thời **tiền lương,** học bổng và hưu trí không ngừng tăng thêm. Trong lĩnh vực chính trị-xã hội sự thống nhất về chính trị, đạo đức và tư tưởng giữa các thành viên xã hội xã hội chủ nghĩa dựa trên quyền lợi và **thế giới quan** đồng nhất của công nhân, **nông dân** và **trí thức** nhân dân; phát triển sâu rộng nền **dân chủ** xã hội chủ nghĩa bảo đảm tự do thật sự để phát triển con người, **quyền con người**; quyền lực nhân dân thật sự và nhân dân lao động tích cực tham gia quản lý công việc Nhà nước; không có cơ sở xã hội cho nạn cường bạo, tội phạm; không có những người hoặc nhóm người mong muốn chiến tranh.

V

VÔ CHÍNH PHỦ (CHỦ NGHĨA)—xu hướng chính trị-xã hội phủ nhận sự cần thiết phải có chính quyền Nhà nước (kể cả chính quyền của nhân dân lao động). Bọn vô chính phủ không công nhận cuộc đấu tranh có tổ chức của giai cấp công nhân và đấu tranh chính trị của nhân dân lao động.

VÔ SẢN—**giai cấp** công nhân làm thuê bị **tư sản** bóc lột, họ bị tước đoạt quyền **sở hữu** đối với **tư liệu sản xuất**. **Đấu tranh giai cấp** của vô sản chống tư sản dẫn tới **cách mạng xã hội chủ nghĩa**, trong đó vô sản là động lực chính dắt dẫn **nông dân** lao động và các tầng lớp nhân dân lao động khác theo mình.

VÔ SẢN LƯU MANH—các tầng lớp bị mất giai cấp tính của xã hội đối kháng (hành khất, kẻ du thủ du thực, không nhà không cửa, những tên phạm tội hình, v. v.) sống bằng nghề ăn xin, bịp bợm, trộm cắp, đĩ điếm, ma-cô, v. v.. Vô sản lưu manh không thể đấu tranh chính trị một cách có tổ chức. Giai cấp tư sản lợi dụng tình cảnh vật chất khốn khổ của vô sản lưu manh, đôi khi tuyển mộ chúng làm những tên phá bãi công, tham gia các vụ khủng bố kiểu phát xít.

VÙNG PHI HẠT NHÂN—vùng không sản xuất và đặt vũ khí nguyên tử và vũ khí hạt nhân nóng. Các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng tiến bộ khác trên thế giới đã nhiều lần đề nghị tuyên bố châu Nam cực, châu Mỹ la tinh, châu Phi và Cận Đông là các vùng phi hạt nhân, thành lập các vùng hòa bình ở Đông-Nam Á, Ấn Độ Dương, Địa Trung Hải, Trung Âu và Bắc Âu, các nước Ban-căng, v. v.. Nhằm củng cố hòa bình thế giới và **làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng**, Liên Xô nhiều lần tuyên bố sẽ không sử dụng vũ khí hạt nhân chống các nước phi hạt nhân cự tuyệt việc đặt vũ khí này trên lãnh thổ của mình.

X

«XÃ HỘI DÂN TỘC (CHỦ NGHĨA)»—những lý thuyết chính trị-xã hội pha trộn những lý tưởng xã hội chủ nghĩa với tư tưởng dân tộc chủ nghĩa, tiểu tư sản, cải lương, tôn giáo và những tư tưởng khác. Những người bảo vệ «chủ nghĩa xã hội dân tộc» hoạt động tại **các nước đang phát triển** trong hàng ngũ **dân chủ cách mạng** thường tán thành những cuộc cải tạo kinh tế-xã hội sâu sắc và trong nhiều trường hợp góp phần thúc đẩy các nước đã được giải phóng bước vào **con đường phát triển xã hội chủ nghĩa**, giành độc lập kinh tế và củng cố nền tự chủ của Nhà nước. Đồng thời, đôi khi họ có thiên hướng cường điệu vai trò lãnh đạo chính trị-quân sự, không đánh giá đúng mức công tác tư tưởng trong quần chúng. Thích phát triển theo «con đường đặc biệt» do không hiểu rõ học thuyết Mác-Lê-nin, đôi khi họ không đánh giá đúng mức kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và phong trào giải phóng dân tộc. Dưới ảnh hưởng của **chủ nghĩa Mác-Lê-nin**, nhiều người theo «chủ nghĩa xã hội dân tộc» dưới các hình thức khác nhau đang thoát khỏi những yếu tố hạn chế dân tộc.

XÃ HỘI HÓA TƯ LIỆU SẢN XUẤT—việc cải tạo cách mạng (xem TỊCH THU, QUỐC HỮU HÓA) tiến hành trong **thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội chế độ sở hữu** tư bản chủ nghĩa đối với **tư liệu sản xuất** thành sở hữu xã hội, xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở này hình thành nền sản xuất

xã hội (công nghiệp và nông nghiệp) kiểu mới, bảo đảm có kế hoạch phúc lợi ngày càng đầy đủ và sự phát triển toàn diện của mọi thành viên xã hội.

XÂM LƯỢC—tấn công vũ trang vào một nước nhằm mục đích chiếm lãnh thổ nước đó, nhằm bắt nước đó phụ thuộc về kinh tế và chính trị vào nước xâm lược. Cuộc chiến tranh của Mỹ chống nhân dân Việt Nam và hành động của I-xra-en chống các nước a-rập là những thí dụ về sự xâm lược.

XÉT LẠI (CHỦ NGHĨA)—trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân muốn sửa chữa lại, xét lại cơ sở chính trị, triết học và kinh tế của **chủ nghĩa Mác-Lê-nin**, làm mất thực chất cách mạng của học thuyết Mác-Lê-nin.

XI-ÔN (CHỦ NGHĨA)—(theo tên gọi núi Xi-ôn ở gần Giê-ru-xa-lem) hoặc còn gọi là **chủ nghĩa bành trướng Do thái**—phong trào dân tộc chủ nghĩa phản động xuất hiện vào thế kỷ 19 trong giới **tư sản** Do thái ở nhiều nước. Chủ nghĩa xi-ôn giương khẩu hiệu đoàn kết tất cả mọi người Do thái, không phụ thuộc vào địa vị giai cấp của họ. Bọn xi-ôn gắn bó mật thiết với các **công ty lũng đoạn** đế quốc, thù địch với phong trào công nhân và **chủ nghĩa cộng sản**. Chủ nghĩa xi-ôn là **hệ tư tưởng** của Nhà nước I-xra-en.

XU HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA—xem HƯỚNG THEO CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.

XUẤT KHẨU HÀNG HÓA—việc các nước tư bản phát triển nhất về mặt kinh tế đưa ra thị trường nước ngoài một phần hàng hóa để thu lợi nhuận cao nhất, bởi vì những hàng này không được tiêu thụ với lợi nhuận cao trong nước (xem LIÊN KẾT).

XUẤT KHẨU TƯ BẢN—việc các công ty lũng đoạn đưa **tư bản** «thừa» (tức là không được sử dụng với lợi nhuận cao trong nước tư bản chủ nghĩa) sang các nước đang phát triển hoặc các nước tư bản phát triển khác nhằm thu lợi nhuận cao hơn. Xuất khẩu tư bản là nét đặc trưng của **chủ nghĩa đế quốc**. Việc xuất khẩu tư bản được thực hiện bằng cách mở rộng phạm vi bóc lột lao động làm thuê từ phía các **công ty lũng đoạn.** Xuất khẩu tư bản sang **các nước đang phát triển** là một trong những hình thức nô dịch các nước này về mặt kinh tế và chính trị. Cần phải phân biệt với **tín dụng** dành cho nước ngoài của các nước xã hội chủ nghĩa.

Y

Ý THỨC XÃ HỘI—khái niệm triết học đi đôi với khái niệm thực tại xã hội. Ý thức xã hội là những quan điểm và tư tưởng chính trị, pháp quyền, nghệ thuật cũng như đạo đức, tôn giáo, v. v.. Ý thức xã hội phụ thuộc vào thực tại xã hội (khái niệm chỉ việc sản xuất của cải vật chất và quan hệ của mọi người trong quá trình sản xuất đó). Ý thức xã hội cũng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển lịch sử của xã hội loài người.

CÙNG BẠN ĐỌC,

Nhà xuất bản Thông tấn xã Nô-vô-xti trân trọng đề nghị Bạn góp ý kiến về cuốn sách này và gửi những nhận xét của Bạn theo địa chỉ: **Liên Xô, 107082, Moskva, Bolshaja Pochtovaja 7, Izdatelstvo APN.**

Xin Bạn cho biết ý kiến về:

1. Nội dung sách

2. Bản dịch tiếng Việt

3. Trình bày nghệ thuật, ấn loát

4. Bạn đọc sách của nhà xuất bản chúng tôi từ bao giờ?

5. Bạn nhận được sách của chúng tôi bằng cách nào?

6. Bạn muốn biết rõ thêm những khía cạnh nào của đời sống nhân dân Liên Xô qua các sách của Nhà xuất bản Thông tấn xã Nô-vô-xti?

Họ, tên: Tuổi: Nam, nữ
(xin gạch dưới)

Nghề nghiệp:

Địa chỉ:

Xin cảm ơn Bạn

КРАТКИЙ СЛОВАРЬ ПОЛИТИЧЕСКИХ ТЕРМИНОВ

на вьетнамском языке